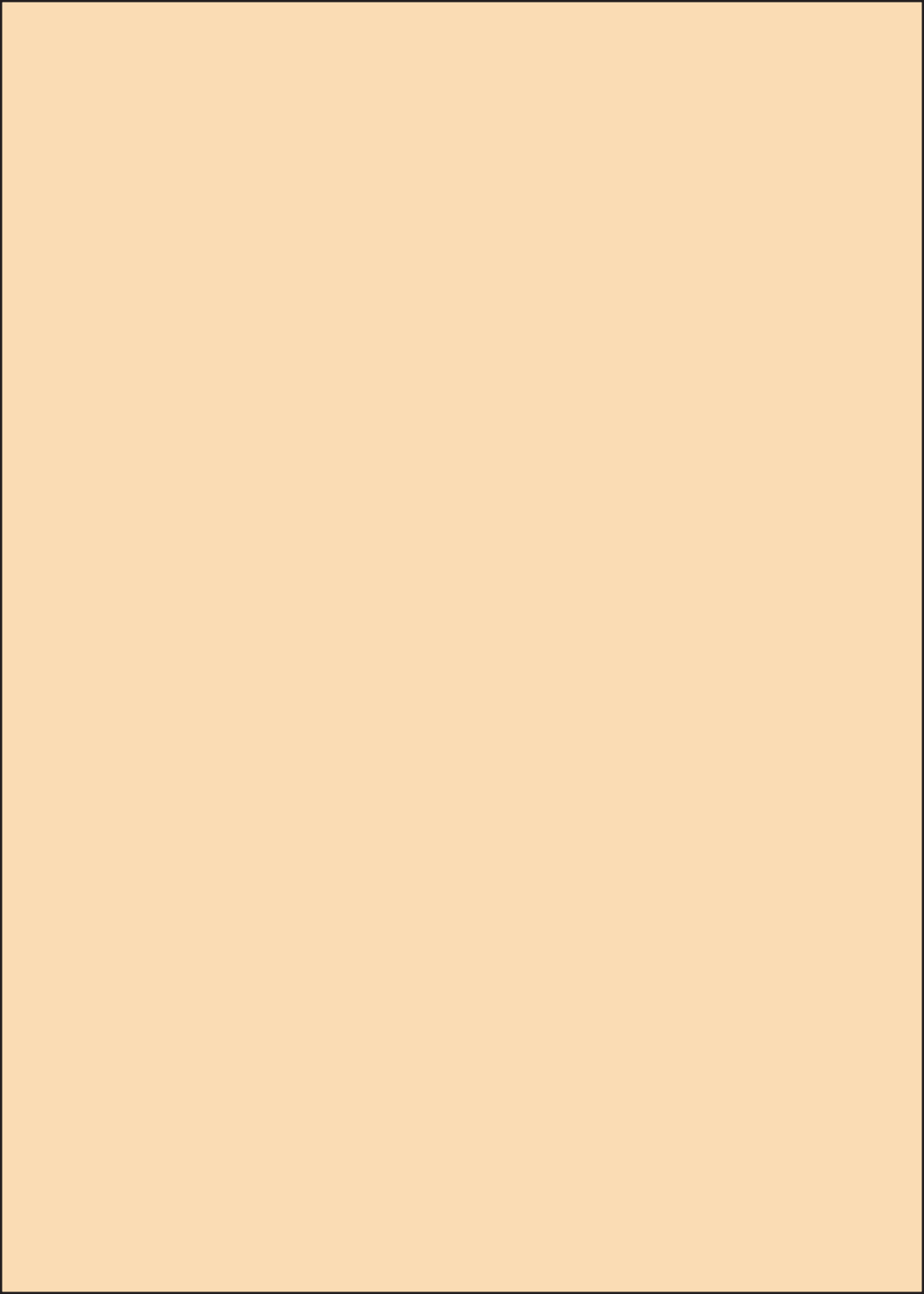




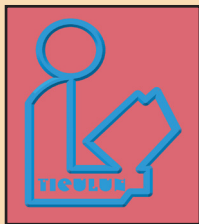
đoàn quốc sỹ

hồ thụy dương



HỒ THÙY DƯƠNG

DOÃN QUỐC SỸ



MỤC LỤC

HỒ THÙY DƯƠNG	5
TRẠNG ĐI SỨ	66
DẠ LÝ LAN PHU NHÂN	88
TRÁI TIM LỬA	108
CÁNH ĐỒNG XANH	126
ĐOÀN QUÂN XUNG PHONG	149
TIÊU SỬ	190
TÁC PHẨM	192

HỒ THÙY DƯƠNG

Tại Nam bộ châu Á có một bán đảo nhỏ tên Oa-ly-đà, núi non hiểm trở dân cư phần đông tụ tập ở miền đồng bằng phía Đông Nam ngay sát bờ biển.

Tại miền Bắc Oa-ly-đà ngay chính giữa khoảng núi non trùng điệp rừng cây sầm uất, có một cái hồ thật rộng, xung quanh mọc thuần một thứ cây thùy dương, vì vậy người Oa-ly-đà gọi là Hồ Thùy Dương.

Các ông già bà cả xứ Oa-ly-đà trước đây vẫn thường kể cho con cháu nghe về sự tích cái hồ đó, lời các cụ kể mộc mạc. Về sau các thi sĩ Oaly-đà bèn kể lại thành khúc trường ca phổ nhạc, lời thơ chải chuốt bóng bẩy với nhiều tình tiết tỉ mỉ. Rồi vào những đêm xuân mở hội có trăng tròn, người ta vừa gảy đàn vừa kể hoặc vừa hát cho dân chúng nghe. Thường thường dân chúng tụ tập để nghe chuyện từ lúc trăng rằm vừa nhô cao lên khỏi dãy núi ngoài khơi. Dân chúng lặng yên nghe lời ca, nghe tiếng đàn, nhiều khi cùng vỗ tay giữ nhịp đồng ca với thi sĩ hoặc đứng lên làm điệu bộ hợp với lời thơ. Đêm dài thành ngắn. Khi câu chuyện vừa chấm dứt, dân chúng ra về thì trăng rằm thường cũng vừa kịp lặn, vầng đông hơi ửng hồng, cỏ hai bên đường đã sương. Những hình ảnh đó như nhắc nhở dân chúng nhớ lại biết bao tình tiết trong câu chuyện kể đầu đêm vừa qua. Khúc nhạc-thi này chia làm ba hồi rõ rệt như sau :

HỒI THỨ NHẤT

TRUYỆN CON CHÓ SÓI ĐUÔI XÒE TRÊN NÚI LI-BIÊNG

Ngày xưa khoảng Hồ Thùỵ Dương này là một khu rừng quế tuyệt đẹp. Thân quế cao vút, cành quế ẻo lả rủ xuống như cánh tay của bầy tiên nghiêng múa. Tới mùa xuân năm kia có một con sói về đó ở. Nguyên nó là một con sói tu luyện lâu ngày đã thành tinh, hiện hình người, đi trên hai chân, duy cái đuôi vẫn còn. Sở dĩ con sói tu luyện được như vậy vì nó là con sói dị tướng lông ba sắc, đầu đen mình hung hung đỏ, và đặt biệt đuôi trắng xòe ra như bông lau.

Trước đây hồi còn tu luyện trên núi Li-biên, một ngọn núi cao quanh năm tuyết phủ miền cực Bắc, con sói có lần thấy một khối đá bị nước soi mòn để lộ bên trong thỏi ngọc quý dài như chiếc đũa, óng ánh màu biếc. Nó bèn đem thỏi ngọc đến Hang Trời.

Hang Trời là một động đá thông suốt hai bề, hình hàm rồng. Chính là nơi tụ tập khí thiêng của trời đất. Gió từ bốn phương rừng núi lùa lại ngát hương. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng cùng các vì sao ngày đêm phản chiếu lấp lánh muôn màu trên thành thạch nhũ khiến bất cứ giờ nào tại nơi đây cũng có một màu ánh sáng huyền ảo lân

lâng đặc biệt của chốn thần tiên. Ngay giữa động Hang Trời có một phiến đá phẳng màu trắng trong. Phiến đá này trước đây chỉ là một phiến đá thường. Tục truyền, sau lần Thượng Đế giáng lâm an tọa trên đó qua mấy ngàn năm sau nó biến thành trắng phau và hầu như trong suốt như vậy. Do linh tính đặc biệt của loài yêu, con sói đuôi xòe đem thỏi ngọc đến đặt ngay chính giữa phiến đá. Nó biết rằng chờ ba trăm năm sau, thỏi ngọc sẽ thu hút tinh khí mặt trời ban ngày, trăng sao ban đêm, cùng hương gió bốn phương của núi rừng để biến thành chiếc đĩa vạn năng.

Ba trăm năm qua. Con sói đã tu luyện hiện được thành hình người nhưng nó chưa thể sử dụng được chiếc đĩa vạn năng vì nó chưa thành người thật, mà còn là loài sói với cái đuôi xòe đằng sau.

Vẫn với linh tính loài yêu, con sói đuôi xòe biết rằng nó cần phải uống máu hai giống người khác nhau thì cái đuôi của nó mới biến đi được. Nhưng nó không dám tự mình đi về hai giống người kia vì nó biết chiếc đĩa vạn năng sẽ mất hết linh ứng dưới tay một kẻ phạm tội hung ác. Nó chợt nghĩ ra được một quỷ kế, không tự tay giết ai mà vẫn có đủ máu hai giống người để uống cho đuôi xòe biến đi. Lập tức nó từ giã đỉnh núi Li-biên đằng vân bay mãi... bay mãi xuống miền Nam. Tới khu rừng quê nước Oa-ly-đà, nó xem kỹ hình thế rồi quyết định

8 | Doãn Quốc Sỹ

dừng lại.

Sở dĩ con sói đuôi xòe chọn rừng quế này làm nơi thi hành xảo kế vì ngang qua khu rừng có con đường lớn đưa ra biển, các giống người ở giữa đại lục vẫn mượn con đường này để liên lạc thông thương cùng các giống người khác ở ven đại dương.

Con sói đuôi xòe dùng phép biến dãy núi đá ven rừng thành một động lớn gồm hai động nhỏ bên trong. Con sói ngồi gọn vào một hốc đá ngay chính giữa động (nó cần ngồi thế để giấu cái đuôi xòe) và hiện thành hình một vị đạo sĩ râu tóc bạc phơ ngồi chấp tay trước ngực tham thiền. Nó thường cất giọng hiền từ nói cho từng người vào thăm động biết nó chỉ là một đạo sĩ đã từ lâu xa lánh cõi đời và thích tìm những nơi rừng sâu núi cao để tu luyện. Lữ khách đã nhiều kẻ dừng chân ngủ lại một đêm trong động, nhưng con sói với linh tính đặc biệt của nó, biết rõ họ đều là những người hoặc đã phạm tội giết người hoặc tính tình điêu ngoa phản trắc. Con sói cần những tâm hồn thật trong trắng thì xảo kế của nó mới thành tựu được. Bỗng một chiều kia nó nghe bên ngoài cửa động có tiếng hát rằng :

Ta đi nhặt những ánh sáng cuối cùng của ngày tàn
Nhưng ta chỉ nhặt được toàn lá rụng
Lát nữa các vì tinh tú sẽ đốt sáng vòm trời
Ta sẽ cho ngựa đi vào đồng sao chơi vui

Giữa cảnh núi cao hùng vĩ rừng rậm mênh mông Ta vẫn vui ca, quên đói mệt không chút hãi hùng Ôi ! Há là ăn cá cứ phải cá lớn sông Đường ?

Há rằng lấy vợ cứ phải công chúa Huyền Phương ?

Tiếng hát vừa dứt thì khách cũng vừa buộc ngựa xong và bước vào động. Tay khách cầm một gióng lau già. Khách hầu như không hề để ý đến sự vật quanh mình, ngồi phệt ngay dưới hốc đá chỗ sói tham thiền và bắt đầu khoét gióng lau thành ống tiêu.

Vừa rồi nghe giọng khách hát, sói biết ngay khách thuộc giống người phương Tây. Nay nhìn mái tóc đen, vầng trán cao, đôi mắt xa xôi của khách, sói đoán ngay khách một thi sĩ. Qua lời ca ngậm ngùi và giọng ca đầy thương nhớ, sói biết thêm thi sĩ đương bị thất tình. Nhưng điều làm sói mừng hơn cả chính vì nó biết thi sĩ còn giữ nguyên tâm hồn trong trắng.

Chàng thi sĩ thất tình phương Tây vừa khoét xong gióng lau thành ống tiêu bèn thổi lên mấy tiếng. Tiếng tiêu nghe thật êm đềm mà lại mang máng như ca lại lời ca ban nãy :

Ta đi nhạt những ánh sáng cuối cùng của ngày tàn,
Nhưng ta chỉ nhạt được toàn lá rụng...

10 | Doãn Quốc Sỹ

Sói đánh tiếng :

- Chà, thi sĩ thổi ống tiêu tuyệt diệu !

Lúc đó khách mới ngừng lên nhìn sói và cười hồn nhiên hỏi lại :

- Sao lão trượng biết tôi là thi sĩ ?

Sói vẫn chấp tay trước ngực làm vẻ tham thiền đáp :

- Vì lão là đạo sĩ.

- A... thì ra lão trượng là đạo sĩ. Đạo sĩ thường biết rõ và tiên tri được mọi việc !

- Chính vì vậy mà lão biết thi sĩ đang bị thất tình. Thi sĩ để rơi ống tiêu, mặt cúi xuống vẻ ngậm ngùi : - Công chúa Huyền ! Công chúa Huyền Phương !

Sói tinh ranh gợi chuyện :

- Công chúa Huyền Phương một thế giai nhân ! Thi sĩ bỗng lắc đầu :

- Còn nhắc đến công chúa Huyền Phương làm chi nữa !

Sói cất giọng dịu dàng :

- Sao người không kể rõ đầu đuôi câu chuyện cho lão nghe ? Lão sẽ tìm cách giúp.

Thi sĩ vui sửng sốt :

- Nếu được thế thì còn gì bằng !

Giọng Sói càng dịu dàng :

- Người hãy kể lại chuyện đó cho lão nghe.

Thi sĩ bèn kể rằng :

- Thừa đạo sĩ tôi quê ở nước Bàng Quận cách đây chừng tám trăm dặm về phía Tây. Dòng vua nước tôi từ xưa tới nay, hình như đã do thần tiên định trước, vị nào cũng chỉ sinh hạ được một hoàng tử để nối ngôi và một công chúa tuyệt thế giai nhân để kén Phò mã. Qua đời vua này sang đời vua nọ, các công chúa tuyệt thế giai nhân đó đều kén chồng bằng hai cách : Bất cứ kẻ nào, không kể sang hèn, hễ dùng dao ngắn nháy xuống một hồ đá xây giữa cung vua mà giết được mười con thuồng luồng lớn, hoặc một mình dùng mác xông vào giết được mười con hổ lớn nhốt trong hầm đá dưới cung vua, kẻ đó được kết duyên cùng nàng. Công chúa sẽ ở vậy suốt đời nếu các dũng sĩ rui không thoát khỏi những nhánh tay mềm nhưng khủng khiếp của lũ thuồng luồng hoặc bị táng thân trong miệng lũ cọp đói. Riêng với công chúa Huyền Phương đã có mười ba dũng sĩ chết như

12 | Doãn Quốc Sỹ

vậy. Thừa đạo sĩ gần đây tôi được giáp dung nhan công chúa, tôi thấy dù thân tôi có tan ra khói ra nước thì khói nước đó cũng phải được rót vào đôi mắt của công chúa mới siêu sinh đi được. Tôi sức yếu chỉ biết ngâm thơ và ca hát, làm sao giết được hổ dữ, giết được thường luồng? Vì vậy tôi bỏ nước ra đi ngao du, ước ao có thể vui với cảnh đẹp đường xa mà quên nỗi ước mơ tuyệt vọng. Sự tình là thế làm sao mà đạo sĩ giúp tôi cho được?

Giọng Sói ôn tồn :

- Người hãy tiến tới gần lão !

Thi sĩ làm theo lời Sói.

- Người có thấy gì dưới chân lão không ?

- Thừa lão trượng đó là chiếc đĩa ngọc thì phải.

- Đó là chiếc đĩa vạn năng, người hãy cầm lấy dùng thử theo ý muốn.

Thi sĩ cầm chiếc đĩa thần đi xuống. Ra cửa động chàng chỉ vào một hòn đá lớn rồi hỏi :

- Hỡi hòn đá xù xì không rêu này, ta muốn biết tâm sự của mi làm sao mà đượm vẻ cô quạnh ?

Thốt nhiên tự trong tảng đá có tiếng văng vẳng truyền qua đũa ngọc rồi thoát ra :

- Thừa thi sĩ, tôi chỉ ước ao có người trông cho cụm hoa tím bên mình, vì...

Quả thực chiếc đũa ngọc của đạo sĩ là chiếc đũa vạn năng ! Thi sĩ bỏ mặc câu chuyện dở dang chạy vụt vào động, quỳ trước đạo sĩ ân cần xin giúp cho chàng lấy được nàng công chúa tuyệt thế giai nhân.

Con sói cũng vui mừng không kém. Nó nói :

- Nhưng thi sĩ có nhận lời giúp lão một việc chẳng ?

- Xin đạo sĩ cho biết ngay !

- Trước khi ta cho thi sĩ mượn chiếc đũa vạn năng để làm bảo bối giết chết lũ thường luồng hay đàn hổ dữ, thi sĩ hãy dùng kim này - (con sói giơ lên một chiếc kim dài đen nhánh) - chích vào cánh tay cha hay mẹ, hay anh chị em, hứng cho lão chín giọt máu vào hồ rượu này. (Con sói giơ lên hồ rượu nhỏ.)

Nhìn cái kim đen thi sĩ thấy rợn người. Chàng hỏi lại.

- Thừa đạo sĩ, nhớ khi lấy xong chín giọt máu người thân của tôi bị mệnh hệ nào thì sao ?

14 | Doãn Quốc Sỹ

- Thi sĩ quên chiếc đũa này là chiếc đũa vạn năng rồi sao ?

Thi sĩ cúi đầu suy nghĩ rồi nói :

- Đạo sĩ cho tôi dùng thử chiếc đũa thần một lần nữa.

- Xin cứ tự nhiên !

Ra ngoài cửa động, nhớ lại lời hòn đá khi nãy, thi sĩ leo cao lên sườn núi tìm được một cây hoa tím và bẻ một cành đã khô chết. Chàng mang cành khô đó về đặt trên hòn đá, dùng chiếc đũa vạn năng chỉ vào rồi nói : « Cành hoa tím, hãy sống lại để ngày đêm bầu bạn cùng đá ! » Lập tức cành khô nẩy mầm thành một cây hoa xinh xắn, rễ non bám lấy kẽ đá, đồng thời thi sĩ nghe truyền lên đũa thần tiếng văng vẳng của hòn đá :

- Đa tạ thi sĩ vạn bội ! Đa tạ thi sĩ vạn bội !

Không còn thắc mắc gì nữa thi sĩ trở vào động đá nhận lời giúp đạo sĩ việc lấy máu người thân và giục đạo sĩ đưa mình lên đường tức khắc.

Con sói cần chờ nạn nhân thứ hai nữa, nên lựa lời dùng kế hoãn binh :

- Lão xem số mệnh thi sĩ trong những ngày gần đây còn gặp nhiều gian nan lắm. Chi bằng hãy rảnh ở lại động với lão đợi cho những ngày tai nạn qua đi rồi hãy

lên đường.

Thi sĩ nghe búi tai ở lại. Con sói đuôi xòe bảo chàng tự chọn lấy một trong hai động nhỏ làm nơi ở tạm. Chàng chọn động nhỏ bên phải. Rồi trong khi chờ đợi, ngày ngày chàng leo núi qua rừng đi khắp cảnh đẹp trong vùng. Dưới mắt các khách qua đường khác chàng là một đạo hũu của đạo sĩ.

Một hôm thi sĩ chợt chú ý đến phiến đá cũ. Chao ôi, một sự thay đổi lạ lùng đã khiến thi sĩ không nén nổi lòng bồi hồi : hòn đá trước đây xù xì góm ghiếc nay rêu phủ xanh mượt như nhung. Rễ cây hoa tím đã bám khắp các kẽ đá. Từng cụm lá cây run rẩy theo gió và những đóa hoa tím xinh xinh đua nở như những nụ cười tươi tắn dịu dàng của người vợ hiền.

Trông cảnh âu yếm của tạo vật, thi sĩ chạnh lòng nhớ đến vẻ quốc sắc thiên hương của công chúa Huyền Phương và tự hỏi thâm chẳng biết đến bao giờ đạo sĩ mới đưa mình lên đường. Thi sĩ vô tình rút ông tiêu bên mình đưa lên miệng thổi. Tiếng tiêu búi ngùi đượm bao niềm thương nhớ.

Chợt có tiếng nói sang sảng :

- Có thể chứ ! Trên đời này có bao giờ thiếu người thổi ông tiêu.

16 | Doãn Quốc Sỹ

Người vừa nói là một trang thanh niên anh tuấn, đôi mắt sáng như sao, nước da rám hồng.

Thoáng nhìn thi sĩ cũng nhận được ngay tráng sĩ đó là giống người ở các quần đảo miền Đông.

Tráng sĩ, giọng thân mật và đậm ấm vô cùng, vừa tiến lại vừa nói lớn với thi sĩ :

- Xin ngài cứ thổi ống tiêu cho tôi được nghe nhờ. Đã mười năm nay tôi không được nghe tiếng tiêu.

Thi sĩ mời người bạn mới ngồi lên một phiến đá phẳng ngay gần mình rồi nói :

- Tôi sẵn sàng thổi ống tiêu để quý hữu nghe nhưng dám hỏi chẳng hay quý hữu có phải tự ngoài biển Đông qua đây ?

Tráng sĩ chột nhìn về phía biển về cãm hờn uất hận :

- Phải, tôi ở quần đảo biển Đông lại đây. Tôi trốn ra đi phen này quyết kết nạp anh hùng bốn phương kéo về giết hết lũ bạo tàn tại xứ sở tôi.

- Quê hương quý hữu bị giặc xâm lăng ?

- Quê hương là của dân lành, người cùng giống nắm quyền cai trị mà tàn bạo thì cũng coi như quân xâm lăng!

- Xin quý hữu kể lại đầu đuôi câu chuyện cho tôi nghe, may ra tôi có cách giúp.

Tráng sĩ miền Đông vui lòng thể theo lời yêu cầu của bạn, kể rằng :

- Thừa quý hữu, quê hương tôi là một quần đảo hiền hòa với những rừng cây bát ngát. Đồng bào tôi chất phác như rừng, quảng đại như biển, hòa thuận như chim khuyên. Ban ngày, đàn ông chúng tôi rủ nhau ra biển lặn xuống đáy, len lỏi trong rừng san hô giữa đàn cá muôn màu để kiếm hạt trai, trong khi đàn bà con gái trồng bông, cấy lúa hay dệt vải ở nhà. Ban đêm, nhất là những đêm trăng sáng, tất cả nam nữ chúng tôi kéo nhau ra bờ biển thổi ống tiêu bằng trúc, gõ trống căng bằng da hải cẩu, vừa ca hát vừa nhảy múa theo nhịp sóng vỗ. Cuộc sống thần tiên đương kéo dài theo chuỗi ngày vui bất tận thì tại kinh đô xảy ra cuộc biến loạn : Một tên gian thần xảo quyệt hung ác kết nạp được một số đồng đảng đã âm mưu giết mất vị anh quân của chúng tôi rồi chiếm đoạt ngai vàng. Từ khi tên gian thần cùng đồng đảng lên nắm quyền cai trị, chúng cấm chúng tôi ca hát, cấm thổi ống tiêu và cấm nhảy múa. Chúng bắt chúng tôi họp lại thành từng đoàn thay phiên nhau hoặc lặn xuống biển mò hạt trai hoặc khuân đá xây những lâu đài hùng vĩ, nền cao trăm bực, nóc sát ngọn cây rừng, để dùng làm nơi cung điện cho chúng ở. Trong mười năm

18 | Doãn Quốc Sỹ

qua chúng tôi ngày đêm phải làm tận lực như nô lệ đã xây được mười tòa lâu đài như vậy và còn phải tiếp tục xây nhiều nữa... Chúng tôi không được mở hội ăn mừng điềm lành, điềm tốt để tạ ơn Thượng Đế mà chỉ được mở hội ăn mừng ngày kỷ niệm đăng quang của tên bạo chúa hoặc ngày kỷ niệm hoàn thành của từng tòa lâu đài lũ chúng ở. Ngay trong dịp mở hội đó, chúng tôi cũng không được thổi ống tiêu, không được gõ trống, không được nhảy múa mà chỉ được cầm đèn kết hoa đi diễu quanh cung điện tên bạo chúa, cao lời ca ngợi công ơn hấn đã dựng những kỳ công hùng vĩ cho xứ sở.

Nói đến đây tráng sĩ miền Đông vùng đứng dậy cười gằn :

- Chúng bắt chúng tôi làm việc không kể đêm ngày để dựng lên những lâu đài đồ sộ bằng đá mà chúng quý hơn tiếng tiêu, câu ca, điệu múa của xứ sở. Chúng tôi ai nấy muốn vằm chúng ra làm muôn ngàn mảnh, hỏi chúng có ơn gì ?

Thi sĩ miền Tây nắm lấy tay tráng sĩ miền Đông kể lại tỉ mỉ chuyện đạo sĩ và chiếc đuà vạn năng, rồi kết luận :

- Tôi có thể giúp được quý hữu. Xin hãy theo vào động yết kiến đạo sĩ ngay bây giờ.

Sói vẫn ngồi nguyên chỗ cũ. Nó lắng nghe tráng sĩ miền Đông kể xong tình đầu câu chuyện rồi hỏi :

- Vậy người muốn lão giúp gì ?

Tráng sĩ hăm hở nói :

- Xin đạo sĩ cho tôi mượn chiếc đũa vạn năng, tôi sẽ dùng đũa thần bắt sống tên gian tặc phản nghịch cùng bè lũ đồng đảng của nó. Tôi sẽ xích cổ từng tên bằng xích sắt, nhốt từng tên vào cũi sắt, cho khiêng từng tên bỏ vào từng lâu đài. Ban đêm chúng tôi sẽ mở hội ăn mừng, thổi ống tiêu, ca hát và nhảy múa quanh chúng để tỏ rằng chúng tôi đã thắng. Ban ngày chúng tôi cùng đi làm việc như xưa rồi về nghỉ chân nhàn nhã dưới mái nhà cũ lẩn dưới hàng cây xanh, để tỏ cho chúng biết chúng tôi không thềm ở trong những khối đá nặng nề mà chúng kiêu hãnh. Chúng tôi tiếp tục nhảy múa cho đến khi lũ tàn bạo chết rũ trong cũi sắt. Da thịt chúng sẽ rữa nát trơ xương nhưng bên dưới đầu lâu của chúng vẫn còn vòng xích sắt của chúng tôi cùm nơi cổ.

Con Sói đuôi xòe nói :

- Nhưng tráng sĩ phải giúp ta một việc...

Nó chưa kịp nói hết tráng sĩ miền Đông đã ngắt lời :

20 | Doãn Quốc Sỹ

- Tôi sẵn sàng về nhà chích lấy chín giọt máu người thân của tôi dâng lên đạo sĩ.

- Được lắm, tráng sĩ hãy ở tạm động nhỏ bên trái đợi ngày lão giúp xong thi sĩ, lão sẽ quay về đưa người lên đường.

Ngay tối hôm đó nó báo cho thi sĩ miền Tây biết là sáng sớm hôm sau nó sẽ đưa thi sĩ về quê hương thực hiện mộng đẹp của chàng với công chúa Huyền Phương. Cả đêm hôm đó thi sĩ không sao ngủ được. Thi sĩ ra ngồi bên hòn đá rêu và cây hoa tím thối ổng tiêu diu dật. Thi sĩ muốn ứng khẩu đọc một bài thơ ca ngợi tình yêu trong vạn vật nhưng không hiểu sao khi nhìn vì sao hiu hắt xa xôi trên đầu núi, chàng lại ngâm lên bài thơ cũ, tuy chàng biết bài thơ đó nay không còn hợp thời hợp cảnh :

Ta đi nhặt những ánh sáng cuối cùng của ngày tàn
Nhưng ta chỉ nhặt được toàn lá rụng
Lát nữa các vì tinh tú sẽ đốt sáng vòm trời
Ta sẽ cho ngựa đi vào đồng sao chơi vui
Giữa cảnh núi cao hùng vĩ rừng rộng mênh mông
Ta vẫn vui ca, quên đói mệt, không chút hãi hùng
Ôi ! Há là ăn cá cứ phải cá lớn sông Đường ?
Há là lấy vợ cứ phải công chúa Huyền Phương ?

Đêm đã hầu tàn, trời gần về sáng, theo lời yêu cầu của Sói, thi sĩ ra đứng trước cửa động tự bịt kín mắt. Sói đang vâng đưa thi sĩ về tới khu rừng quê hương thì hạ xuống, rồi tìm ẩn trên vòm cây cao mà nói xuống rằng :

- Thi sĩ hãy tháo khăn bịt mắt ! Lão để sẵn dưới gốc cây chiếc kim đen, chiếc hồ rượu và chiếc đĩa thần. Đêm nay thi sĩ để chiếc kim đó lên đầu giường, chờ người thân ngủ say rồi hãy lấy kim ra chích cho lão chín giọt máu hứng vào hồ rượu. Xong xuôi người cấp tốc đem lại đây đặt hồ rượu máu xuống dưới lấy đĩa thần mà toàn quyền sử dụng.

Khi thi sĩ mở mắt ra, quả nhiên nhận thấy dưới gốc cây chiếc kim dài đen nhánh, chiếc hồ rượu và chiếc đĩa thần lấp lánh tỏa hào quang màu biếc. Chàng theo đúng lời đạo sĩ cúi xuống cầm kim và hồ rượu rồi vội vã theo đường quen về nhà.

Cha mẹ thi sĩ đã mất từ sớm. Dưới mái gia đình chàng chỉ còn người em gái thù mị tuổi mới mười lăm và người lão nô trung thành.

Cả hai thấy chàng về bất ngờ cùng reo vui hơn hờ.

Hồi đó đương vào mùa cá, lại biết tính tiểu chủ đặc biệt thích món này nên lập tức người lão nô chèo thuyền ra sông Đường gần đây quăng một mẻ lưới, kéo lên

22 | Doãn Quốc Sỹ

được con mè cực lớn và vô số cá thồn bơn nhỏ. Cô em gái vội vàng đem con cá lớn sông Đường vào bếp làm bữa ăn thịnh soạn dâng lên anh xoi.

Thi sĩ đã thay cha mẹ âu yếm săn sóc em từ nhỏ, nay nghĩ đến việc sắp dùng cây kim dài đen nhánh chích lấy máu đưa em mồ côi đó hứng vào hồ rượu, chàng thấy rợn người. Nhưng, nghĩ đến chiếc đĩa vạn năng thi sĩ thấy yên lòng ngay. Chàng sẽ là chàng dũng sĩ thứ 14 nhảy xuống hồ giết thường luồng hay xông vào hầm giết mãnh hổ. Oai hùng biết bao ! Rồi được vua kén làm phò mã. Vinh quang biết bao ! Được sánh duyên cùng công chúa Huyền Phương. Còn diễm phúc nào bằng ?

Tối hôm đó thi sĩ đã lên để chiếc kim dài đen nhánh dưới gối đưa em gái dịu hiền rồi ngồi sang buồng bên chờ đợi. Tới khuya, bỗng tiếng người em gái thét lên kinh hoảng. Nàng kể với anh :

- Em mơ thấy một con chó sói ba sắc đầu đen, mình hung hung và đuôi trắng. Thấy em, nó nhỏ một cái lông đen trên gáy rồi hung hăng xông lại.

Thi sĩ khuyên giải em mấy câu rồi trở về phòng, bán tín bán nghi.

Một lát sau cô em đã ngủ, hơi thở đều đều.

Thi sĩ cũng gục mặt lên bàn ngủ thiếp. Hình như có gió lùa lộng vào phòng. Hình như chàng thấy có bóng cha mẹ lướt qua. Sực tỉnh, chàng đứng dậy. Vừa lúc đó tiếng em gái nói mê : « Ta có cha mẹ trông nom, có Trời che chở mà mày giết ta sao được ? »

Thi sĩ rùng mình ngồi xuống. Chàng ngồi như vậy lâu lắm.

Chợt có tiếng gà gáy báo sáng. Lần này chàng vùng dậy cương quyết. Chàng chỉ còn nghĩ đến chiếc đũa thần, nghĩ đến ngày vinh quang được kén phò mã. Một tay cầm hồ rượu, chàng tiến thẳng đến giường em, rút chiếc kim dưới gối, nhắm mắt thịch mạnh vào cánh tay em. Chui qua làn da, mũi kim như có sức hút cứ thế tiến ngập vào thớ thịt. Thi sĩ thấy người em gái uốn người lên, miệng há muốn thét mà không thành tiếng, đồng thời một giọt máu theo kim rỏ ra. Giọt máu bỗng thành một bong bóng máu phồng to... phồng to... lên mãi chật cả gian nhà. Thi sĩ hãi hùng thấy chính mình cũng bị ngập trong bong bóng máu ấy. Nhưng kỳ lạ thay, khi giọt máu rơi vào hồ rượu, tự nhiên nó trở lại gọn nhỏ như thường. Chín lần máu nhỏ ra, chín lần thi sĩ thấy mình ngập trong biển máu bóng loáng. Không thấy máu chảy ra nữa, chàng rút kim và trấn tĩnh định thần nhìn kỹ thấy xác cô em gái đã cứng lạnh, nước da xám ngoét. Hốt hoảng, chàng cầm hồ rượu chạy vội tới

24 | Doãn Quốc Sỹ

bờ rừng để lấy đũa thần cứu em. Chàng thấy bước chân mình trở nên nhún nhảy quái đản như bước chân của loài đười ươi say mật hoa rừng. Khi chuyển mình ngoái cổ nhìn lại phía sau chàng tự thấy toàn thân mềm oặt như mình con trăn lớn.

Lúc qua suối, nước suối trong vắt bỗng như đông lại biến thành tấm gương lớn và khi nhìn xuống, ôi kinh khủng ! Chàng nhận thấy bóng chàng toàn máu, quần áo nhầy nhựa máu, mặt mũi nhễ nhại máu, khiến màu đen của mớ tóc càng thêm kinh rợn. Chàng vội nhanh qua suối và hãi hùng thấy như bóng dưới nước là con quỷ đỏ rượt theo vồ mình. Tới rừng, chàng vui mừng thấy dưới gốc cây vẫn còn chiếc đũa vạn năng óng ánh màu biếc.

Đặt hồ rượu xuống, chàng vồ lấy chiếc đũa. Than ôi! Màu biếc óng ánh vụt tắt. Chàng linh cảm thấy mình đã mất tất cả. Dù sao chàng cũng cầm đũa chạy vội về. Qua suối chàng nhắm mắt lại để khỏi nhìn thấy bóng con quỷ máu in hình dưới nước.

Tới nhà, chàng dùng đũa niệm lời chú, ước mong cải tử hoàn sinh cho em. Nhưng ánh sáng biếc của đũa không còn, khí thiêng cũng hết, thi thể người em gái vô tội vẫn cứng lạnh nằm nguyên trên giường.

Đau đớn, thất vọng, hối hận chàng chạy ra khỏi nhà, theo ngược đường bờ suối. Cỏ bên bờ suối lóng lánh muôn ngàn giọt sương sớm và ghê rợn thay, trong từng giọt sương nhỏ xíu như vậy chàng cũng thấy phản chiếu đủ và rõ cả thân hình đẫm máu của chàng.

Chàng chạy miết mãi tới một khoảng cao kia, xung quanh có những thác bạc réo lên như tiếng hàng trăm con ngựa hí.

Tới đó chàng thi sĩ khốn nạn của chúng ta nhắm mắt lại rồi gieo mình xuống vực !

Hai ngày sau cũng vào giờ này, tráng sĩ miền Đông cũng ở vào tình trạng đó. Tráng sĩ miền Đông mồ côi mẹ từ nhỏ và chàng đã mắc mưu con sói đuôi xòe về quê giết cha. Chàng chạy như điên như cuồng qua bãi biển cát trắng chói lòa. Chàng nhắm nghiền mắt lại bởi bãi cát trắng khi đó cũng như biển thành gương soi bóng máu của chàng. Chàng hồi hả leo lên một mỏm đá thấp nhô ra biển. Chàng lấy con dao sắc chích sâu vào cánh tay rồi đâm đầu xuống biển. Máu ở cánh tay chàng loang ra gọi đàn cá mập xô lại.

26 | Doãn Quốc Sỹ

Khi thi sĩ miền Tây gieo mình xuống vực cũng như tráng sĩ miền Đông đâm đầu xuống biển, con sói đuôi xòe vẫn bay lơ lửng trên đầu họ. Nó đã sà xuống rất kịp lúc để lượm lại chiếc đũa vụn nạng. Bây giờ thì đuôi nó đã biến hết. Nó có thể hiện thành hình ông già như cũ, đi đi lại lại ngay giữa đám đông mà không còn điều gì nghi ngại nữa.

HỒI THỨ HAI

TRUYỆN MỘT ÔNG HOÀNG

ĐI TÌM THUỐC TRƯỜNG SINH BẤT TỬ

Cùng một lúc với thời kỳ con sói đuôi xòe tu luyện trên núi Li-biên, tại miền bờ biển cực Nam có giòng vua Cát Hiền trị vì quần đảo Triết Mông.

Quần đảo Triết Mông cách xa nước Oa-ly-đà nhiều lắm, nên chi thời dân chúng Triết Mông bị chinh chiến hoặc gây chinh chiến sang các nước lân cận, dân chúng Oa-ly-đà tuy có biết tin mà ít chịu lây ảnh hưởng tai hại.

Khi con sói đã thành tinh hiện hình người đi trên hai chân thì Triết Mông đương ở dưới triều đại vua Cát Hiền Đệ Thất. Song vua Cát Hiền Đệ Lục anh hùng xuất sắc bao nhiêu thì vua Cát Hiền Đệ Thất ngu ngờ vụng dại bấy nhiêu. Chẳng bao lâu các nước nhỏ lân cận trước đây vẫn thần phục Triết Mông đều bỏ lệ triều cống hàng năm, mà các nước lớn thì có ý dòm ngó. Đã tưởng Triết Mông không sao tránh khỏi nạn binh đao ! May sao lúc đó Hoàng tử Hạc Miên, vừa tới tuổi trưởng thành, dùng tài biện thuyết, trong cùng cố được nội bộ, ngoài giữ vững được uy thế cho Triết Mông.

Tương truyền hoàng hậu đã có sắc đẹp tuyệt trần lại khôn ngoan rất mực, khi người mới thụ thai có năm mơ thấy mình được đi thuyền trên một hồ rộng tựa biển rồi thấy một điểm trắng như tuyết từ xa lướt lại và lớn dần. Định thần nhìn kỹ thì đó là một con hạc. Chim thần sà xuống thuyền và hoàng hậu nhận thêm thấy trên lưng hạc có một tiên nữ khuôn mặt hao hao giống ngài. Nàng tiên cất tiếng thân mật nói :

- Chị đã có mang Hoàng tử, chẳng hay chị có điều gì mong ước xin cho em rõ.

Hoàng hậu mang máng nhớ trước đây mình cũng ở thiên đình với nàng tiên cưới hạc. Nghe nàng hỏi vậy hoàng hậu nghĩ tới những nụ cười ngớ ngẩn, những lời nói vô duyên của vua Cát Hiền Đế Thất, bèn đáp :

- Xin người giúp tôi cho Hoàng tử ra đời với vẻ thông minh đỉnh ngộ, với tài ăn nói sắc sảo có duyên.

Con hạc vù bay, hoàng hậu giật mình tỉnh dậy, lòng lâng lâng như vẫn còn ngồi trong con thuyền lướt trôi trên hồ rộng. Tới ngày mãn nguyệt khai hoa, quả nhiên hoàng hậu sinh hạ một hoàng tử mắt sáng, mũi cao, trán rộng. Hoàng hậu đặt tên con là Hạc Miên.

Hạc là giống chim lớn tụ tập rất nhiều ở quần đảo Triết Mông. Hằng năm cứ vào mùa đông thì giống chim này từ phương Bắc bay về quần đảo này nhiều không biết cơ man nào mà kể để lánh rét.

Miên là một giống cá đặc biệt thường đi từng đôi tho thẩn hết khoảng biển này sang khoảng biển khác, hễ gặp con cá lớn nào đương đuổi bắt đàn cá bé, lập tức chúng phun ra chất mực đen ngòm và bóng nhẫy để đuổi con cá lớn đi nơi khác mà cứu đàn cá bé. Bởi vậy thường cá Miên tới đâu các loài cá con quây quần xúm xít quanh đấy.

Đặt tên con là Hạc Miên, hoàng hậu với một linh tính thần tiên, có ý muốn hoàng tử sau này lớn lên sẽ khôn ngoan như chim Hạc biết lúc nên ở, lúc nên đi và quả cảm bao dung như đôi cá Miên biết che chở cho lũ cá yếu kiếm ăn quanh mình.

Nếu vua Cát Hiền Đệ Thất càng về già càng ngu độn thì trái lại hoàng tử Hạc Miên càng trưởng thành càng thông minh dĩnh ngộ và tài ăn nói hoạt bát tưởng có một không hai trong lịch sử các đấng anh quân. Mặc dầu hoàng tử chưa lên ngôi cửu ngũ mà linh hồn của triều đình Triết Mông hầu như quy tụ cả nơi người. Nhờ tài biện thuyết của hoàng tử mà các lão thần đem hết tài trí ra gìn giữ giang sơn Triết Mông. Nhờ tài biện thuyết của hoàng tử mà các thần tử trẻ tuổi khác không dám

tính chuyện nổi loạn cướp ngôi báu, trái lại đồng lòng phù tá các vị lão thần để cùng đối phó với các nước lớn bên ngoài đương nuôi dã tâm xâm lăng.

Đúng năm hoàng tử đến tuổi trưởng thành, Trời làm hạn hán. Đồng mạ cùng các hoa màu khắp nơi phơi mình khô xác. Lửa trời gay gắt ngay từ vùng đông vừa rạng. Qua ba tháng liền trời trong xanh thăm thẳm không gợn một sợi mây. Nhiều vùng đã thấy từng đàn chuột đói hàng ngàn con nhô ra khỏi các cống rãnh hang hốc, ngơ ngác đi tìm thức ăn. Một nạn đói khủng khiếp trùm lấy đe dọa dân chúng Triết Mông. Các nước cừu địch nắm lấy thời cơ đó, cùng nhau liên kết, chuẩn bị gây chiến. Nạn can qua tới độ nguy kịch nhất, không biết bùng ra lúc nào. Hoàng tử Hạc Miên cho lập đàn cầu đảo giữa trời. Văn võ triều thần đứng ở hai bên tả hữu. Dân chúng vòng trong vòng ngoài nắm tay nhau rất có thứ tự quây lấy đàn tràng. Hoàng tử đã ăn chay năm mồng từ ba ngày trước, tới hôm đó, người tắm rửa sạch sẽ rồi dâng đàn ba lần vào các buổi sáng, trưa, chiều, ứng khẩu đọc ba bài văn khác nhau kêu gọi thần linh. Giọng người sang sảng thiết tha, lời người lâm ly thành khẩn đến nỗi bách quan và dân chúng đứng dưới đều thấy mũi lòng. Rừng cây xung quanh cũng như rủ lá.

Tới chiều có cơn gió mát từ ngoài khơi thổi vào. Khi bóng tối bàng lảng đổ xuống thì bắt đầu thấy những tia chớp loang loáng về phía trời Đông. Một điểm đen xuất hiện vào đúng khoảng phân cách trời và nước. Gió thổi ngày một mạnh, điểm đen đó bủa rộng ra khắp trời như một cái lưới khổng lồ mà các thần linh tung ra để chụp lấy quần đảo Triết Mông. Từ tất cả mọi điểm ở chân trời, những đợt sóng nhấp nhô ào tới. Đúng nửa đêm, trời đổ cơn mưa. Mưa rơi tầm tã trong bảy ngày liền. Rừng cây như được tắm gội cho sạch bụi bặm, nõn lộc xanh mướt trở ra. Đồng mạ, hoa màu hồi sinh cùng dân chúng. Tới ngày thứ tám, khi những tia nắng vàng óng đầu tiên le lói tỏa ra thì cây cỏ cũng như sinh lực của thần dân Triết Mông tựa hồ đua nhau vươn mình lớn gấp.

Các nước cừu địch không dám tính chuyện xâm lăng quần đảo Triết Mông nữa. Cũng kể từ đây, uy danh hoàng tử Hạc Miên nổi dậy như sóng cồn. Hoàng tử bèn dùng tại biện thuyết khích lệ thần dân thành lập một đạo quân quyết tử, rồi dùng đoàn quan quyết tử đó đi chinh phục mấy nước nhỏ lân cận để thị uy. Đạo quân quyết tử tới đâu, địch thủ toi bời đến đấy. Thực là đạo quân bách chiến bách thắng !

Đã có lần hoàng hậu cho triệu hoàng tử vào cung. Ngài giảng lại hai chữ « Hạc Miên » rồi khuyên hoàng tử đừng nên hành động ngược với ý nghĩa đẹp của tên đó. Đương đà hiếu thắng, hoàng tử tâu lại :

- Kính xin Mẫu hậu yên lòng, nước nhà vừa thoát cơn nguy nan, con cần chinh phục một vài nước nhỏ để dùng làm phòng tuyến tự vệ. Khi đoàn quân quyết tử chiếm xong nơi nào, chúng đều phải tuân theo nghiêm lệnh không hề làm điều gì hại đến dân chúng nơi đó. Như vậy tướng Mẫu hậu chẳng phải lo ngại điều chi nữa.

Kể từ đây hoàng tử càng dùng lời nói khéo để đoàn quân quyết tử xả thân trong những trận chinh phục khác.

Có ba vị hoàng tử của ba nước nhỏ bị bắt về Triết Mông làm con tin. Có những nàng công chúa không coi hoàng tử là kẻ quốc thù, trái lại quá mê say lời nói cùng phong độ hiên ngang của hoàng tử, các nàng còn nguyện xin theo về cung hầu hạ. Tại những nước này, hoàng tử thường dùng lời nói khéo mua chuộc vài vị cận thần, mật ước với họ nếu triều đình nước đó sinh lòng kia khác thì họ lập tức cho người mang mật thư đến Triết Mông báo tin. Nhờ vậy hoàng tử đã nhiều lần đem quân rất kịp thời đến trừng trị những nước mưu toan thoát khỏi nền đô hộ Triết Mông. Hoàng tử lại kết liên với một nước lớn nhất rồi dùng kế ly gián nước lớn này

với các nước lớn khác. Hoàng tử lại giả danh đi thăm thân thiện các nước lớn xa hơn, tới nước nào, dùng tài nói của mình gây chia rẽ nội bộ tại nước đó. Hoàng tử đã thành công khắp nơi. Uy thế thống trị Triết Mông vì vậy thêm vững mạnh bội phần. Các đồ tiến cống lụa là châu báu hàng năm mang đến Triết Mông không biết bao nhiêu mà kể. Các thiếu nữ Triết Mông được tuyển làm cung nữ, cùng các công chúa ở các nước khác theo về đều hết lòng phụng thờ hoàng tử. Tuy nhiên hoàng tử chưa hề sùng ái ai đến mức quyết định ngôi hoàng hậu sau này.

Tới ngày kia, trong một buổi họp văn võ bá quan, không hiểu sao hoàng tử nghĩ đến ngày mình chết. Ngài tự hỏi : « Ta chết đi, hàng bày tôi nghiêm kính kia cùng chết theo ta ư ? »

Buổi trưa hôm đó, ngài đi qua kho tàng, nhìn từng dãy nhà lụa là gấm vóc, từng dãy nhà kim ngân châu báu. Ngài tự hỏi : « Ta chết đi lụa là, gấm vóc, vàng bạc, châu báu chết theo ta ư ? »

Chiều tối hôm đó vì mãi suy nghĩ, ngài đi lạc vào Huyền Cung, nơi các mỹ nữ của ngài ở. Bầy cung nữ vẫn ước mơ vua, nhan sắc chợt rực rỡ như sao băng, nụ cười mừng đón, khéo mắt ân tình. Ngài tự hỏi : « Ta chết đi, cung tần mỹ nữ cùng chết theo ta ư ? »

Hôm sau hoàng tử dậy từ sớm ra vườn Ngự Uyển. Vùng Đông ửng hồng, mây trời man mác, gió sớm nhẹ nhàng, hương hoa thanh khiết... Ngài muôn thét lớn : « Ta chết đi, trời đất cùng chết theo ta ư ? Sự nghiệp ta sụp đổ tan tành ư ? »

Một vị quan đại thần nội cung bước tới sụp lạy vấn an.

Hoàng tử hỏi :

- Khanh biết chăng nơi nào tìm được thuốc tràng sinh bất tử ?

- Tâu Hoàng Tử, thần không hề được nghe nói đến nơi nào có thuốc tràng sinh bất tử - Viên đại thần đáp.

Hoàng tử thần thờ suy nghĩ. Vị đại thần nói :

- Tâu Hoàng tử, thần biết tại ngọn núi cao nhất miền Tây có một đạo sĩ tu hành đắc đạo, xin Hoàng tử tới đó tìm hỏi may ra đạo sĩ biết cách luyện linh đan tràng sinh bất tử.

Ngay hôm đó, hoàng tử đem theo một số bộ hạ tới miền Tây, hỏi thăm đường thổ dân, tìm được tới ngọn núi cao nhất, khi lên đến gần đỉnh thì trời vừa tối. Thấy một dòng suối trong, lấp lánh có ánh sáng dưới đáy, hoàng tử bèn một mình lội ngược dòng... Đi được một

quãng khá xa, suối bỗng mở rộng thành hồ, trên bờ thấp thoáng bóng một thảo lư, ánh sáng thần tiên từ đáy nước bốc lên chập chờn soi sáng cả vùng. Lần buới tới thảo lư nhìn vào, hoàng tử thấy một cụ già tiên phong đạo cốt đang ngồi xếp bằng tròn trước một chiếc kỷ nhỏ chăm chú đọc sách. Thấy người lạ vào, đạo sĩ điềm nhiên ngẩng nhìn, khuôn mặt thực phúc hậu.

Hoàng tử kính cẩn xưng danh và ngỏ ý xin đạo sĩ chỉ giáo cho cách luyện thuốc trường sinh bất tử. Đạo sĩ nói :

- Nếu người đến hỏi về nước biển, về chim rùng, về những kho báu chứa trong lòng núi, về các vì tinh tú trên cao thì lão trả lời được; còn về linh dược tràng sinh bất tử lão không rõ lắm. Lão chỉ biết tại dãy núi Yên Tử ngoài biển Đông có một đạo sĩ đã hai trăm năm mươi tuổi, sống trong hốc đá với chim yến; vị đó lúc tham thiên có thể giao cảm với trời đất, người thử tìm tới đó hỏi xem.

Hoàng tử kính cẩn cảm tạ và từ giã đạo sĩ xuống núi, trở về kinh đô lấy thêm tùy tùng. Mấy người thuyền chài già thuộc đường được vời tới làm hướng đạo. Rồi hoàng tử cùng đoàn người thẳng tới biển Đông, dùng hai chiến thuyền lớn vượt sóng ra khơi. Qua ba ngày sóng êm hoàng tử tới dãy núi Yên. Hoàng tử phân thành từng khu chỉ định cho từng toán. Sau đó lũ người hăm

hở sục sạo khắp các hang hốc xa gần. Đã ba ngày nhọc công tìm kiếm, vào động nào họ cũng chỉ thấy chim yến sào sạc bay ra, tịnh không thấy bóng một đạo sĩ nào cả. Sang ngày thứ tư cuộc tìm kiếm vẫn vô hiệu quả. Đêm hôm đó hoàng tử nằm thao thức đến khuya lắm, đắn đo chưa biết sớm mai nên về hay nên ở. Từ quanh núi mơ hồ vọng lại tiếng sóng dạt dào xô vào thành đá. Chợt có tên quân đến báo tin lạ : tại phía Đông Nam mãi tí trên ngọn núi cao nhất dãy Yên Tử, mặc dầu khuya khoắt, vẫn có tiếng chim bay ra bay vào đều đều. Hoàng tử vội cùng bộ hạ đi ngay.

Tới nơi, lắng nghe tiếng vỗ cánh, hoàng tử thấy như có hai đàn chim yến bắt tận : một từ ngoài khơi bay vào, một từ hang núi bay đi. Người bèn cho đốt đuốc rồi dẫn đầu toán tùy tùng lần theo tiếng chim yến leo mãi lên, cắm cúi leo mãi lên... Đường càng cao càng hiểm hóc. Tới điểm kia thấy có luồng gió lạ hút ánh đuốc xuống dưới, không ai tiến thêm được một bước nào nữa. Định thần nhìn kỹ ai nấy rùng mình : đã mạo hiểm leo lên một mỏm đá cheo leo nhô hẳn ra biển. Ánh đuốc bùng lên rực rỡ, nhưng ánh sáng chỉ tỏa xuống tới nửa chừng. Tít thẳm bên dưới là đáy vực một màu đen ngòm. Triều biển theo dòng hẻm xô vào rồi bị cuốn xoáy hun hút, tiếng nước vật vã mãnh liệt và nghẹn ngào. Hơi lạnh bốc lên quán lấy đoàn người như tấm vải liệm. Tất cả ánh đuốc vụt tắt ngấm ! Rừng, núi, biển, trời chìm trong

bóng tối. Vạn vật tựa hồ sắp bị hút xuống đáy vực hết cả. Mọi người bám chặt lấy mỏm đá, rễ cây rồi ai nấy nằm phục xuống đợi sáng. Hơi lạnh và sức hút bót dần, họ thiếp đi trong tiếng cánh vỗ nhẹ lướt, tiếng chiêm chiêm êm đềm của đoàn chim yến vô hình bay ra bay vào đầu đây.

Hoàng tử thức giấc đầu tiên với gió sớm. Khoảng vực cùng mặt biển mênh mông ở tíít dưới xa hơi gọn sóng, rất mực thanh bình. Từng con chim yến từ ngoài khơi bay vào, lẹ như lá rụng, mỏ xinh có ngậm một cái gì. Rồi cứ mỗi khi một con đậu xuống lại có một con bay đi. Cảnh đó vừa ngoạn mục vừa kỳ lạ. Hoàng tử đoán chắc phía ngoài cùng phải có một hốc đá nhỏ nào. Trời rạng dần. Các kẽ đá, rễ cây trông đã rõ. Hoàng tử tìm lối leo ra đầu mỏm. Cách đi tuy nguy hiểm nhưng không đến nỗi khó khăn như khi còn đêm tối.

Lát sau tới đích, nhìn xuống quả nhiên hoàng tử thấy ngay bên dưới có một động nhỏ, lối vào khá phẳng. Lũ chim yến thay nhau tới lui như thoi dệt. Chúng thấy có bóng người mà không hề xao động. Bây giờ thì hoàng tử nhận thấy rõ : từng con bay vào mỏ có ngậm hoặc một thứ quả rừng nhỏ, hoặc một bông hoa xinh, hoặc một nhánh cỏ thơm và những con bay đi thường ngậm những thứ gì như cỏ rác vàng úa.

Hoàng tử men xuống... Vừa đặt chân tới cửa động, mắt người bỗng sáng lên vì vui mừng : bên trong người thấy một vị đạo sĩ râu tóc trắng như tuyết đương ngồi trên một bệ đá tham thiền. Những con chim yến bay tới đặt hoa quả trước mặt đạo sĩ hoặc thả nhánh cỏ thơm vào một chiếc lư đồng đen nhỏ trong đó bốc lên những ánh lửa xanh rất đều ngọn. Tĩnh tọa ở vị trí này, đạo sĩ quả là ngồi đối diện với cái bao la của vũ trụ và ở trên cả cái thanh bình lẫn cái phong ba của đại dương.

Đạo sĩ hé mở mắt. Hoàng tử vội xụp xuống lạy mà rằng :

- Kẻ phàm tục này đến quấy rối ngài thế này thực là quá bạo, chỉ dám mong ngài mở lượng ban cho linh đơn trường sinh bất tử.

Đạo sĩ cất giọng êm ả trong khi mớ tóc chòm râu của người phơ phất theo cơn gió thoảng từ ngoài lùa nào :

- Ta không có linh đơn trường sinh bất tử. Đã sinh vào cõi sống chết sao lại muốn vượt khỏi luật tồn vong?

Hoàng tử buột miệng thở dài.

Đạo sĩ khẽ gật đầu :

- Phải, ta biết, chỉ vì người quá nghĩ đến uy quyền và ngọc ngà châu báu nên thèm khát trường sinh bất tử. Người hãy trông cỏ thom cháy trong lu đồng. Cỏ thom từng nhánh cháy đi... lửa còn mãi mãi...

Hoàng tử tần ngần chẳng biết nói sao.

Đạo sĩ cúi đầu suy nghĩ, ngẩng nhìn, rồi lại cúi đầu.

Hoàng tử hồi hộp chờ đợi.

Đạo sĩ bỗng gật gù ngẩng nhìn hoàng tử một lần nữa chăm chú hơn rồi chỉ về phía góc động nói : - Người hãy rót lấy một bát nước mang lại đây.

Hoàng tử vội vã làm theo lời. Khối nước nhỏ lẫn vào màu bát ngọc cũng trở thành vàng lộng như ráng chiều. Mang bát nước lại đặt trên bệ đá, hoàng tử hồi hộp nhìn đạo sĩ mở nắp một chiếc bình nhỏ xíu cũng một màu ráng chiều. Đạo sĩ thận trọng nghiêng tay như để trút thuốc vào bát nước. Đã đứng gần lại chăm chú nhìn mà hoàng tử cũng không nhận thấy gì.

Thấy đạo sĩ thận trọng đây nắp bình lại, hoàng tử đành rụt rè nói :

- Dám thưa đạo sĩ, bình ngọc của ngài đã hết thuốc.

Đạo sĩ mỉm cười :

- Người muốn tìm màu sắc của thuốc ư ? Thuốc cùng màu với Trời Đất nên nhìn không ra ! Người muốn chính tay cầm được thuốc ư ? Thuốc nhỏ và tinh vi nên lọt khỏi tay người. Hãy bung bát nước lên rồi uống một hơi !

Hoàng tử ngoan ngoãn làm theo lời. Đạo sĩ tiếp :

- Gặp nhau đây âu cũng là tiền duyên ! Uống linh dược của ta người có thể ngồi thiền lâu bao ngày cũng được. Nếu bỏ được tư dục thì ngồi như vậy ít lâu sẽ có lúc hồn người giao cảm với hồn vạn vật; người sẽ thông suốt lẽ sống chết huyền bí của Đất Trời mà biết tu lấy thánh đức, như vậy có khác chi bất tử ? Thôi người khá rút lui, thành đạt hay không từ nay là do người.

Hoàng tử sụp lạy rồi rút lui. Ngoài cửa động không còn bóng một con chim yến nào nữa. Hoàng tử nhẹ nhàng leo lên đỉnh mỏm đá, lần theo lối cũ. Đoàn tùy tùng đương xông xáo hốt hoảng, họ tưởng người đã rơi mất tích xuống đáy vực. Người tươi cười ra lệnh quay về.

Khi xuống tới chân núi, mọi người ngẩng nhìn lên chỉ thấy cây đá chấp chùng vôi vôi, chịu không thể định rõ mỏm cao ở về phía nào. Chính hoàng tử cũng không

hiểu sao mọi người đã leo lên rồi lại trở xuống bằng đường ấy được.

Kể từ lúc xuống thuyền, suốt ba ngày liền trên biển, hoàng tử không hề chớp mắt ngủ mà tinh thần dường như mình mãi thêm lên bội phần. Nhìn mây bay, hoàng tử tưởng như mình đang đứng trên bè mây đó và trôi ngược lên Thiên Đình. Nhìn xuống biển, hoàng tử tưởng như mình đang rẽ nước đi thẳng xuống Thủy Cung.

Khi đã về tới kinh đô, mấy lần hoàng tử leo lên đỉnh ngọn tháp cao nhất hoàng cung định ngồi tham thiền theo lời khuyên của đạo sĩ, nhưng mỗi khi hé mắt, ánh lấp lánh của những chòi vàng mái bạc quanh hoàng cung xói tới khiến người thấy lòng bàng hoàng, dạ bút rút, ngồi không yên.

Sau cùng hoàng tử quyết định đi kinh lý khắp nước chư hầu một lần nữa rồi sẽ về tham thiền.

Đúng vào năm hai chàng thi sĩ và tráng sĩ mắc mưu con sói đuôi xòe giết em, giết cha rồi tự vẫn, Hoàng tử Hạc Miên tuần du tới nước láng giềng Bàng Quận và lần này được nghe tiếng đồn về sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành của Huyền Phương công chúa. Hoàng tử định tiện đường thẳng sang Bàng Quận du thuyết, chẳng may bị viên võ tướng trấn biên ải nước đó cương quyết khước từ. (Bàng Quận cách Triết Mông quá xa

nên uy tín của hoàng tử tới đây không đủ để tướng trấn ải kia phải nể sợ.)

Lập tức Hoàng tử Hạc Miên trở về nước và mặc dầu đã sắp tới ngày vua cha làm lễ chính thức truyền ngôi báu cho, người vẫn cương quyết đem đoàn quân quyết tử ngày đêm vượt đèo cao, rừng sâu, sông rộng đến đánh phá Bàn Quận. Đoàn quân tiến vào tận kinh đô bắt sống được toàn thể hoàng gia trong đó có Huyền Phương công chúa. Ôi ! Buổi gặp gỡ đầu tiên đó làm sao nói hết được mối tình thăm thẳm như trời cao, dài như sông, rộng như biển của hoàng tử trước sắc đẹp mê hồn của Huyền Phương công chúa. Hoàng tử đã tự nghĩ thầm - y hệt thi sĩ đạo nào : « Dù thân ta sau này có tan ra khói ra nước thì khói nước đó cũng phải được rót vào đôi mắt của Công chúa Huyền Phương mới siêu sinh đi được. »

Vốn đã biết lệ kén chồng của công chúa, hoàng tử ngầm sai người thân tín nhân lúc hỗn quân hỗn quan mang thịt tẩm thuốc độc ném vào hầm nhốt lũ hổ đói và mang bột thuốc độc rắc xuống hồ thường luồng. Kế đó Hoàng tử tỏ thái độ rất vồn vã với hoàng gia Bàn Quận, nói rằng mình sở dĩ đem quân đến chỉ cốt trừng trị tên võ tướng vô lễ ngoài biên ải chứ thực không có lòng thù oán nào khác.

Mấy tên cận vệ hốt hoảng chạy lại báo tin với vua Bàng Quận là lũ hổ đã chết gục trong hầm và lũ thường luồng đã chết nổi trên hồ.

Công chúa Huyền Phương ôm ngực lão đảo rồi khuyu xuống, Hoàng tử Hạc Miên hết lời ngọt ngào khuyên giải công chúa cùng toàn thể hoàng gia. Người giải thích đây là điềm Trời muốn nhà vua từ nay bãi bỏ lệ kén phò mã cổ truyền. Rồi người ngỏ ý xin cưới công chúa Huyền Phương để nâng lên ngôi hoàng hậu Triết Mông. Vì cảm phục tài dũng của hoàng tử, công chúa Huyền Phương ưng thuận, tuy nàng tự cảm thấy sức khỏe sa sút đi nhiều. Ngày hôm sau hoàng tử cho rút đoàn quân quyết tử về nước. Công chúa Huyền Phương sụp lạy từ biệt vua cha cùng hoàng hậu rồi lên ngựa với hai hàng nước mắt ròn ròn.

Hoàng tử thúc ba quân ngày đêm đi gấp để kịp về thụ lễ đăng quang và tấn phong Công chúa Huyền Phương làm hoàng hậu. Ngày đó sẽ chói lòa vinh quang và tràn ngập hạnh phúc. Ngày đó phải là một ngày huy hoàng vào bậc nhất trong đời hoàng tử và trong lịch sử Triết Mông. Nhưng nhan sắc Công chúa Huyền Phương sao mong manh và ủ ê như cây hoa bạt rễ ? Càng xa xứ Bàng Quận, công chúa càng lả dần. Tới Triết Mông, nàng mê man bất tỉnh. Sang ngày hôm sau, ngày Hoàng tử Hạc Miên thụ lễ đăng quang với đế hiệu Cát Hiền

Đệ Bát, thì nàng công chúa bạc phước cũng hồn lìa khỏi xác. Cái chết của nàng có sức nặng làm xiêu đổ ngai vàng. Nhìn thi thể Công chúa Huyền Phương liệm bằng lụa nồn đặt gọn trong quan tài trầm hương, hoàng tử thấy tất cả sự nghiệp, tất cả bá quan văn võ, tất cả người đẹp ở Huyền Cung cùng vĩnh viễn khuất sau nắp trầm hương. Còn lại chỉ là cái trí thuật đơn bạc, gian ác, tàn nhẫn của người khi dùng đoàn quân quyết tử chinh phục nước này, dùng xảo mưu chia rẽ nước nọ.

Ôn lại những lời tung hô hàng ngày của đoàn quân quyết tử, của văn võ bá quan, hoàng tử thấy đầy chảng qua là tiếng rống của đàn bò, tiếng la của đàn cừ. Ôn lại những lời xưng tụng của các vua chư hầu, hoàng tử thấy đầy chính là những lời rửa trá hình.

Chịu lễ thọ phong xong vua Cát Hiền Đệ Bát trở về ngôi trong thâm cung tịch mịch. Khi gà vừa gáy sáng, ngài chợt thấy sống trong một cảnh đất trời nghi ngút và có tiếng Thần Linh giảng dạy :

« Cái chết của Huyền Phương với người giờ đây rầm rộ tựa núi lở cát bay ! Mai đây ngươi sẽ thấy núi lở cát bay lôi cuốn theo cả cỏ cây muôn thú để mở rộng lối cho tầm mắt ngươi được gặp cả biển lẫn trời. »

Vua Cát Hiền Đệ Bát biết rằng mình còn có thể kịp thời hành động theo lương tri. Vòng đông vừa rạng, ngài quỳ xuống trước nguồn ánh sáng, tự nguyện từ nay ngài chân thành chỉ biết tuân theo lời dạy của lương tri. Để cởi mở hết mọi dây oan khiên, ngay hôm đó ngài thả ba hoàng tử con tin về nước. Ngài miễn lệ triều cống cho tất cả các nước chư hầu. Ngài hạ lệnh triệt thôi binh đội Triết Mông ở khắp các nơi về, và giải tán đoàn quân quyết tử. Đoàn quân này là điểm tội lỗi nặng nề sỉ nhục theo lời tự phán quyết của ngài.

Ít lâu sau, Thượng hoàng băng hà, ngài bèn xin phép Mẫu hậu nhường ngôi báu cho một vị đại thần hiền đức; ngài quyết xa cảnh hoàng cung chòi vàng mái bạc, lên núi cao, kiếm một hốc trông ra biển rồi xếp đá thành bệ ngồi tham thiền. Triều thần biết vậy có sai mấy tên thị vệ đến thường xuyên châu hầu nhưng tuyệt nhiên cự để không hề sai bảo điều gì. Có một sớm tinh sương kia, thấy một lão thần hấp tấp leo lên động, cự để nhắm mắt tĩnh tâm biết lão thần đến báo tin Mẫu hậu từ trần. Ngài còn rõ hơn nữa là Mẫu hậu đã từ trần trong hoan hỷ vì thấy con mình đã biết bỏ đường tà, noi theo đức sáng. Ngài xuống bệ ra ngoài cửa động quỳ bái vọng về hoàng cung và khẩn rằng :

« Trăm lạy Mẫu hậu, xin Mẫu hậu xá tội bất hiếu trước đây cho con. Giờ đây con mới xứng đáng với tên

người đặt. »

Từ đây ngài lấy hiệu là Hạc Miên Đạo sĩ. Qua một tuần trăng ngồi tham thiền, người thấy linh hồn thoát khỏi ngục xác thịt để có thể trong giây lát đi vào một đường mây trắng xóa có hàng ngàn vạn vì sao châu tuần. Ngài đương mãi vui vì biết mình sắp đạt đạo thì một vị lão thần khác hốt hoảng tới quỳ lạy dưới bệ đá mà tâu với ngài là hầu hết các nước lớn xa gần Triết Mông đều thi nhau chiêu binh mãi mã, chinh đốn ba quân dự bị, chiếm các nước nhỏ mà tranh ngôi bá chủ để thế chân Triết Mông. Sau cùng, vị lão thần tha thiết thỉnh cầu ngài hạ sơn ngô hầu cứu thiên hạ và xã tắc Triết Mông.

Ngài xuống núi, đi suốt ngày đêm tới các nước bất kỳ lớn nhỏ, chủ chiến hay chủ hòa. Ngài trở lại dùng tài du thuyết thuở xưa, nhưng lời nói và mục đích có khác nhiều. Tới nước nào ngài cũng thực tình bày tỏ hết những mưu cơ của ngài trước đây nào khi dùng đoàn quân quyết tử để chinh phục, nào khi dùng kế liên minh để chia rẽ. Ngài kết luận : « Mình đi chiếm nước người thì cũng có khi người đến chiếm nước mình, nhưng con cháu bao giờ quên được ông cha dòng giống, bao giờ quên được tiên tổ ? Cứ suy mình mà hiểu người : Khi địch còn mạnh, mình nguyên rửa bằng tiếng tung hô, khi địch suy yếu mình không bỏ lỡ thời cơ dành

lại giang sơn của tiền nhân. Rút cục còn để lại chằng trên đất nước nhau chỉ là đồng xương trắng của lũ quân quyết tử chết xa quê hương. » Lời ngài nói không đánh thép như xưa nhưng nồng nàn chân thực đi thẳng vào lương tri người nghe. Không một vị quốc vương nước lớn cũng như nước nhỏ nào nghe qua mà không tỉnh ngộ và ra lệnh bãi binh tức khắc.

Mọi việc xong xuôi ngài trở về động đá. Qua một tuần trăng nữa, người thấy hồn mình đôi khi được ngợp trong một biển ánh sáng. Có lần ngài định thần chú mục nhìn tên cận vệ ở tít cánh rừng xa vung rìu đốn cây; người bỗng thét lên một tiếng. Tên cận vệ gần đấy vội chạy lại thì thấy lưng ngài ngập vết búa nhưng không chảy máu, trong khoảnh khắc vết búa đó liền lại.

Qua ba tuần trăng nữa, ngài thấy núi, sông và biển cả nhỏ xíu dưới chân, linh hồn như hút được những ánh sáng vời vời của tinh tú trên trời. Thính giác của ngài như bắt được những thanh âm diệu huyền của Thiên Đường và những nghẹn ngào u uất của Địa Ngục. Ngài thấy rõ hồn mình đã giao cảm được với hồn Vũ Trụ. Lời nói của thế nhân bỗng lạc hẳn âm thanh khiến ngài không thể dùng chúng để diễn tả nguồn thiêng linh diệu đó. Quanh động, cỏ cây gỗ đá thấy đều tràn đầy sức sống để cùng ngài giao cảm. Muôn dân lành ngàn dặm quanh miền bờ biển Cực Nam được vui trong thanh bình để

48 | Doãn Quốc Sỹ

phát triển tình giao hảo, đều nhớ ơn cứu sống của ngài.
Họ đồng tình suy tôn ngài là : Hạc Miên Thánh đế.

Vừa lúc đó vị lão thần sứ giả nước Oa-ly-đà đến rạp
đầu khóc xin cầu cứu trước bệ đá của ngài.

HỒI THỨ BA

ĐOÀN QUÂN THÁNH THIÊN

VỚI NHỮNG TẤM GƯƠNG PHẢN TỈNH

Trở lại chuyện con sói đuôi xòe sau khi uống máu hai giống người, đuôi nó biến hết. Nó hiện thành hình ông già như cũ, đi đi lại lại ngay giữa đám đông mà không còn điều gì nghi ngại nữa. Nhưng đó chỉ là bề ngoài, sự thực đuôi đó không mất, đuôi đó vẫn còn, đuôi đó chỉ thụt vào trong xuyên ngược lên bụng khiến lúc đi, lúc đứng, lúc ngồi con sói thấy vướng víu khó chịu vô cùng : nó vẫn là sói như thường và chưa hề sử dụng được chiếc đũa vạn năng.

Nó trở về động cũ trong khu rừng quê miền Bắc Oa-ly-đà, ngồi lên bệ đá tập trung tư tưởng khiến máu hai giống người nung nấu trong mạch, cái đuôi lẩn ngược trong bụng tan dần. Nó thấy bớt khó chịu nhưng đồng thời, tai hại thay, hơi nó thở trở thành hôi thối nồng nặc, vừa tanh như máu vừa khăm khảm như mùi thịt rữa, lông nó rụng xuống hóa thành những giò, những bọt. Uế khí xông ra sặc sụa tới năm dặm vùng quanh. Bộ hành qua đó nếu không rảo bước tắt sinh nhôn ọe, đôi khi ngã xuống bất tỉnh và có thể bỏ mạng nếu không được các bạn đồng hành khác kịp thời khiêng đi. Chẳng bao lâu rừng quê cao đẹp tàn lụi đi nhường chỗ cho một

giống cây lùn thấp gai góc chi chít, không có lá. Xung quanh động Sói ở giòi bọ sinh sôi nảy nở kể hằng hà sa số; những con sống bò lúc nhúc leo lên nhau thành từng đống lớn, những con chết rữa ra thành một bãi lầy. Ánh sáng chiếu đũa vạn năng tắt ngấm. Kể từ đó mọi người bảo nhau lánh xa khu rừng yêu quái.

Con sói đầu có chịu cô độc trong rừng gai giữa bãi lầy giòi bọ ! Nguyên do sau khi cảm thấy đuôi cứng tan thành máu trong người, con sói tuy biết mình vĩnh viễn không bao giờ còn sử dụng được chiếc đũa vạn năng nữa, nhưng linh tính loài yêu của nó càng thêm mẫn huệ và nảy thêm tài lạ : Vẫn ngồi tham thiền, nó phóng tâm nghĩ đến kẻ nào lập tức biết hết những ham muốn thầm kín của kẻ đó. Nó quyết tâm biến Oa-ly-đà thành giang sơn của riêng nó, toàn thể dân Oa-ly-đà thành dân của nó. Sau một đêm tham thiền, nó tìm ra được một quý kế sâu độc nhất, chu toàn nhất. Thoạt tiên nó đi bắt một lũ trăn rừng biến chúng thành một bầy thiếu nữ; bắt một bầy khỉ, vượn, đười ươi, đông có hàng trăm, biến chúng thành lũ đầy tớ chuyên việc băng đèo, vượt núi đến các khu rừng lân cận kiếm hoa quả mang về, hoặc ban đêm lặn vào trong dân gian ăn cắp thực phẩm và vàng bạc; sau cùng nó triệu tập một lũ sói con biến chúng thành lũ trai gái nhỏ xinh đẹp có tài nhảy múa nhào lộn.

Dân chúng Oa-ly-đà cùng các khách bộ hành từ trong đại lục phía Tây đi ra biển Đông chợt nhận thấy bao quanh phía trước khu rừng gai là một khu rừng hoa hồng. (Xa khu rừng gai thì mùi hôi thối cũng bớt, các loài hoa có thể mọc được.) Đi quanh khu rừng hoa đó người ta thấy cứ cách một dặm lại gặp một hàng nhà quay lưng vào nhau từ chân khu rừng gai đến luống hoa ngoài cùng. Có những cô gái dịu dàng da trắng mắt đen ngày ngày tỉa lá bắt sâu. Các cô rất mến trẻ con, em nào lân la vào vườn đều được các cô niềm nở ngắt hoa cho cầm.

Nhưng cả vùng bỗng xôn xao vì có rất nhiều trẻ em bị mất tích. Rồi một ngày kia chính mắt một bà mẹ thấy các cô gái chuyền tay nhau đưa đứa con của mình đến chiếc nhà trong cùng. Bà hốt hoảng chạy bỏ vào, các gian nhà đều trống không, mùi hôi tanh từ khu rừng gai xông ra nồng nặc. Dân chúng tỉnh ngộ biết đó là vườn hoa yêu tinh. Mọi người tụ hội lại, kẻ vác dao búa, người vác cung tên xông vào phá nhà. Họ nhổ bật các cây hoa, mùi tanh lợm thoát lên từ lòng đất và thêm điều lạ là rễ cây hoa nào cũng thấy vương một đám lông thú ba màu : đen, trắng và hung hung. Đoàn người nổi giận tiến sát rừng gai, dùng tên dẫn hỏa bắn vào như mưa cho đến khi họ không chịu được mùi hôi thối nữa mới ra về, để hôm sau lại tụ tập và hành động như vậy. Họ quyết làm dữ những mong cứu lấy đàn con cháu và

đuổi được loài yêu cho rừng gai trở thành rừng quế.

Một buổi chiều, đúng lúc họ đang làm dữ thì vắng nghe có tiếng trẻ con reo hò. Lũ trẻ xuất hiện ra cửa rừng. Chúng thoát nắm tay nhau vừa la hét vừa nhảy múa. Nhận ra lũ con cháu mất tích, các bậc cha mẹ chạy đến gọi, nhưng càng gọi chúng càng reo hò lồng lộn. Khi chúng ngừng lại thì chao ôi, mọi người mạnh ai nấy chạy : lũ trẻ đã biến thành đàn sói đi trên hai chân. Ít lâu sau khoảng rừng hoa biến nốt thành rừng gai. Dân cư lại một phen lui ra xa, khách bộ hành lại một phen tìm đường mới nối đại lục với bờ biển : họ tránh mùi hôi thối, họ tránh khu rừng yêu tinh.

Chẳng bao lâu lại một cánh đồng hoa mới xuất hiện, luống ngoài cùng sát gần những thôn làng đông dân cư. Lại một số người chưa rõ sự nguy hiểm để con trẻ lai vãng vào xem hoa rồi bị mất tích. Dân chúng lại một phen phần nộ hòa nhau đến phá cánh đồng hoa nặng mùi xú ối, các cây hoa nhỏ bật gốc đều thấy có lông thú ba màu. Họ cũng mang tên lửa và đao búa đến để bắn phá rừng gai cho đến một chiều kia lũ trẻ đột nhiên xuất hiện quay cuồng nhảy múa rồi biến thành lũ sói đi trên hai chân. Một lần nữa khu rừng hoa mở rộng thành khu rừng gai. Một lần nữa dân cư quanh vùng dời đi nơi khác, và khách bộ hành tìm đường giao thông mới xa vùng hôi tanh. Lại cánh đồng hoa khác xuất hiện ngay

bao bọc lấy khu rừng gai mà diện tích đã rộng lên gấp bội.

Mỗi nguy hiểm đã được truyền đi khắp Oa-ly-đà, không một ai dám để trẻ con lai vắng khu rừng hoa. Nhưng sao cứ sau mỗi đêm lại có một số khá lớn trẻ con bị mất tích ? Các trai tráng phải họp lại cắt phiên nhau thức canh và đi tuần. Một đêm kia, khi thấy một con gió lạ thổi tới, toán người canh tắt vội đèn, nằm rạp xuống. Từ xa bóng một lũ người cao lớn dị thường, dáng đi khệnh khạng nhưng bước tiến nhanh và nhẹ vô cùng. Thì ra đó là một đoàn đười ươi ! Lũ đười ươi lẹ vút qua tường, khuất sau các nhà. Chỉ một loáng đã thấy chúng nhảy ra, mỗi con dưới nách có cắp một đứa trẻ. Chúng nhảy nhẹ, chúng bắt trẻ nhanh đến nỗi lũ trẻ không kịp khóc và cha mẹ chúng cũng không hay biết chi cả.

Tin đàn đười ươi ma xuất hiện vào nửa đêm tới các thôn xóm bắt có trẻ em được lan đi rất chóng. Dân cư quanh vùng vội vã bỏ tất cả nhà cửa, ruộng nương của cải lại mà chạy tuốt xuống sâu miền Nam Oa-ly-đà : họ cần cứu lấy đàn con họ. Lập tức khu rừng hoa cũ biến thành khu rừng gai. Lập tức sát với các làng mạc đông dân cư xuất hiện rừng hoa đẹp mới. Không ai mắc mưu nữa. Đêm đến dân làng cắt canh, đánh trống, đánh chiêng, đánh cồng, đánh mõ nhưng đười ươi vẫn xuất hiện bất ngờ để khi vút ra đi mang theo lũ trẻ thơ vô tội.

Lại một phen dân chúng bỏ quê hương xóm cũ. Lại một phen bờ cõi rừng gai mở rộng, rừng hoa hồng mới thành hình. Ôi ! Những bông hồng nhung, những bông hồng sắc đỏ như máu nay đã thành một ám ảnh kinh hoàng cho dân chúng Oaly-đà đáng thương ! Kinh đô Oa-ly-đà xôn xao. Nhà vua thiết lập đại trào bàn mưu tính kế chặn bước tiến của khu rừng hoa giết người. Đại binh Oa-ly-đà được cấp tốc cử đến vây quanh rừng hoa. Qua một đêm rừng hoa biến thành rừng gai, mùi xú ứ xông ra nồng nặc, rồi chiều chiều lũ trẻ con đông hàng vạn ào ạt xuất hiện nhảy múa quay cuồng để một lát sau hiện thành đàn sói tiến lên hung hăng nạt nộ. Đoàn quân đâu có sợ vì họ vừa đông vừa có khí giới. Tuy nhiên họ cũng không hề dùng cung tên mà bắn, hoặc dùng gươm giáo mà chém mà đâm vì họ biết đoàn sói con đó là lũ trẻ vô tội. Họ chỉ lùi lại khi không thể chịu được hơn nữa mùi xú ứ của khu rừng gai. (Mùi đó bao giờ cũng mỗi ngày một nồng nặc hơn.) Hễ đoàn quân lùi, khoảng đất trống đó tức khắc biến thành rừng gai.

Có một buổi sớm kia, khi bình minh vừa hé, đoàn quân thấy từ viên nguyên soái qua các hàng thượng tướng, trung tướng, tiểu tướng đến tì tướng đều mỗi người ôm một mỹ nhân cùng nằm lỏa lồ giữa trời. Việc đó không phải chỉ xảy ra có một lần mà tái diễn luôn. Lòng kính nể cấp trên mất đi, đoàn quân bắt đầu vô kỷ luật từ đây và sức chịu đựng mùi xú ứ của họ giảm đi

rất nhiều. Có khi trại quân vừa thiết lập xong, họ đã tự động nhổ cọc để lùi.

Một tình trạng tương tự xảy ra tại kinh đô. Dân chúng bắt quả tang một vị đại thần nhận lễ đút vàng bạc của một người khách lạ; một vị khác bị bắt quả tang thông dâm với vợ một tên hạ quan dưới quyền mình, một bà đại thần đa dục bị bắt quả tang nằm say đắm trong tay một viên tham tán quân vụ. Kho đụn nhà vua tự nhiên hao hụt : rõ ràng có người ăn cắp ! Thú tính tham vàng bạc, tham sắc dục được đà phát triển đến cực độ ở các nhà quyền quý. Trong triều, nhà vua không còn dám tin ai, các quan đại thần nghi kỵ lẫn nhau, dân chúng thì khinh các quan đại thần ra mặt. Đoàn quân tiếp tục nhường đất khiến một phần nửa Oaly-đà đã biến thành rừng gai. Các bậc hiền sĩ danh thần xót nước thương nòi, lòng đau như cắt mà không sao tìm được mưu kế gì khả dĩ cứu vãn tình thế nguy ngập đó. May sao, vừa lúc phương danh Thánh đế Hạc Miên tự miền cửa Nam lan tới. Một vị lão thần tới tâu trước bệ ngọc xin nhà vua kíp viết một bức thư cầu cứu. Và - như chúng ta đã biết - vị hiền thần đáng kính đó đã lặn suối trèo đèo tìm lên được động cao, rập đầu khóc xin cầu cứu trước bệ đá của Thánh đế Hạc Miên.

Thánh đế lên đường tức khắc. Tới nơi ngài không rẽ vào kinh đô Oa-ly-đà mà đi thẳng ra trận tuyến. Ngài trèo lên một ngọn núi cao gần đấy, chọn một phiến đá phẳng giữa giòng suối ngồi tham thiền. Và ngài đã biết hết nguyên ủy ! Trong khi mãi suy cứu cách đối phó với sói, ngài cúi nhìn dòng nước trong suốt và giật mình thấy khuôn mặt thần thờ của mình hiện bên dưới như khuôn mặt của kẻ khác. Chính vì vậy ngài chợt tìm ra được một diệu kế... Trở về kinh đô Oa-ly-đà, ngài yêu cầu nhà vua cho triệu hội ngay tất cả cấp tướng ngoài trận tuyến về để cùng hội họp với bách quan trong một buổi đại triều. Khi đã đông đủ, nhà vua lo lắng hỏi Thánh đế nguyên do tai nạn của Oa-ly-đà. Thánh đế giải thích :

- Đây là hành vi tác quái của con sói tu luyện thành yêu. Nó đã từng uống máu hai giống người để biến cái đuôi đi. Mùi hôi thối trong khu rừng gai xông ra chính là mùi lông của nó rữa nát thành giò bọ.

Một viên đại tướng hỏi :

- Cây hoa nào nhỏ lên cũng thấy có túm lông ba sắc, dám xin Thánh đế cho biết đó phải chăng là lông sói ?

Thánh đế gật đầu đáp :

- Chính thị ! Con yêu quý quyết này biết thừa không ai có thể nhát胆 vào sông ngay trong rừng gai, nó bày

ra rừng hoa vừa để trang điểm phía ngoài vừa để vực dần cho nạn nhân quen với mùi hôi thối. Đó, công dụng những túm lông sói ba màu nhét dưới gốc hoa !

Một vị đại thần khác hỏi :

- Dám xin Thánh để chỉ giáo cho biết quỷ kế con yêu và chuyện nó bắt cóc các trẻ con.

- Nó dự định biến dần toàn thể Oa-ly-đà thành khu rừng gai. Nó dự định bắt cóc dần hết các trẻ Oa-ly-đà. Nó biết không thể hóa người thành sói có đuôi nhưng nó tin rằng sau khi những người già và những thanh niên Oa-ly-đà hoặc chết đi, hoặc trốn đi thì bầy trẻ đó lớn lên với bầy sói, nhảy múa với bầy sói, rồi tâm tính cũng chắc khác gì sói. Khi đó đời đời nó sẽ là chúa tể một tiểu thế giới người sói.

Vua và bách quan rừng mình. Một vị đại thần khác hỏi :

- Dám xin Thánh để cho biết vì sao lũ trẻ quay cuồng nhảy múa một lúc thì biến thành sói ?

- Con sói đã khiến lũ trẻ quay cuồng theo lũ bộ hạ của nó để lũ trẻ không kịp nhận ra cha mẹ. Lũ trẻ quay cuồng cho đến khi tâm thần thác loạn thì bị Sói phù phép cho hiện thành đàn sói con nạt nộ cha mẹ, cô, dì, chú, bác. Sói muốn những người này vì vậy hoảng sợ

mà hết hy vọng cứu đàn con cháu, có biết đâu chỉ một lát sau lũ trẻ trở lại nguyên hình, tuy tâm hồn còn u mê vì nhiễm uế khí khu rừng gai.

Vua Oa-ly-đà quỳ xuống trước Thánh đế, giọng nói gần như khóc :

- Xin Thánh đế ra tay tế độ cứu nước kẻ bạc đức này khỏi hiểm họa diệt chủng; Xin Thánh đế rủ lòng thương cứu lấy những trẻ nhỏ vô tội bị u mê trong uế khí.

Thánh đế ôn tồn đáp :

- Tôi đến đây cũng chỉ để giúp Ngài có vậy. Hiện tôi có đủ cách đánh bại mưu kế hiểm độc của con sói, nhưng riêng tôi không đủ mà phải chính Ngài cùng toàn thể bách quan văn võ của ngài cùng giúp tôi.

Bách quan cúi đầu kính cẩn :

- Xin Thánh đế cứ truyền để chúng tôi được tuân lệnh!

Thánh đế tiếp :

- Tôi cần nói rõ hơn về con sói.

Vua và triều thần im lặng chờ nghe. Tiếng Thánh đế tuy vẫn giữ được êm đềm mà nghe sao thâm thía :

- Các vị có biết vì đầu các vị không chống nổi con sói ? (Ngài im lặng nhìn mọi người giây lâu mới tiếp.) Nguyên do ngoài tài bày mưu thân chước quỷ con sói còn một phép lạ : Nó có thể ngồi nguyên trong rừng gai, phóng tâm đi mà biết đợc địch thủ ham muốn gì, rồi nó dùng phép thần thông cho địch thủ đợc thỏa mãn những ham muốn đó giữa công chúng. Những vị hiếu sắc đợc ôm những mỹ nữ lỏa lồ giữa trời. Các vị có biết đầu những mỹ nữ đó thuần là giống trăn rừng? Những vị khác ở kinh đô đợc thỏa lòng dục với vợ các viên hạ quan. Việc đó chính là do sói sai đời ười nửa đêm vượt rừng bắt cóc mỹ nhân đem đến dâng cho. Những vị khác thích vàng ngọc châu báu thì đợc dịp vợ vét vàng ngọc châu báu có biết đầu vàng ngọc châu báu đó đều do đời ười lấy cắp trong kho vua rồi hiện thành khách lạ đem đến biếu. Các vị có biết chắng Ngọc hoàng Thượng đế khi cho loài người xuống trần, Ngài chỉ có một bát máu để phân phát đều cho tất cả. Máu đó chính là hoa màu ngoài đồng, vàng bạc châu báu trong kho. Các vị có biết chắng nếu máu tụ lại nhiều ở một người thì ngàn vạn người khác thiếu máu. Những người nhiều máu tưởng mình hồng hào tươi đẹp, rực rỡ, có biết đầu qua con mắt thiếu máu của ngàn muôn triệu kẻ khác họ chỉ là những hình ác quỷ đứng giữa một thế giới vàng vọt, ghê tởm.

Cả triều thần bẽ bàng cúi mặt. Mấy viên tướng mím chặt miệng, răng cắn vào môi máu chảy ròng ròng mà không biết. Thánh đế tiếp :

- Bởi vậy tất cả những người có chút tà tâm đều bị con sói làm nhục trước dân chúng và đánh bại. Lòng các vị, nhiều người cũng muốn thành lang sói thì làm sao mà diệt được nó là loài lang sói thật đã thành tinh ? Trái lại, con sói vẫn phóng tâm đi mà không hại được các vị may may, nếu các vị giữ được lòng thánh thiện. Khi đó việc diệt con sói lại dễ dàng như cầm giáo mác đến đâm chém một con vật mù, tứ chi vụng dại. Điều đó rồi đây các vị sẽ có dịp chứng kiến !

Cả triều thần bách quan văn võ vẫn im lặng, nhưng khuôn mặt mọi người đều hơi ngẩng lên, hy vọng. Giọng Thánh đế dịu dàng hơn :

- Xin các vị tướng sĩ trở về trận tuyến, giữ cho lòng thánh thiện và dạy cho ba quân biết giữ lòng thánh thiện. Các vị sẽ thấy tự nhiên mùi hôi thối của khu rừng gai không bợn đến các vị và con sói không chiếm thêm được một tấc đất nào nữa của Oa-ly-đà. Tại kinh đô, xin các vị đại thần hành sự trong thánh thiện để chiếm lại lòng mến phục của muôn dân. Xin Đức vua mở kho đem hết lụa là, kim ngân, châu báu giúp đỡ các gia đình nghèo lập nghiệp. Xin Đức vua thu xếp cho một nơi tĩnh và rộng, đưa tới đó ba chục nhạc sĩ cùng ba trăm

trẻ em : nửa trai nửa gái. Xin Đức vua cho làm ngay ba trăm tấm đồng đánh bóng như gương, bề cao bằng đũa trẻ. Qua một tuần trăng nữa chúng ta có thể đuổi được con sói ra khỏi Oa-ly-đà.

Tới đây bách quan theo gương vua cùng sụp xuống lạy trước Thánh đế. Nước mắt nhà vua thấm đẫm vạt áo bào. Nước mắt quan văn thấm đẫm vạt áo xanh, nước mắt quan võ rơi lên bộ giáp rồi lăn tuột xuống nền đá hoa cung điện.

Tại Minh Viễn Lâu - (lầu cao để Vua tới ngắm phong cảnh) - rộng và tĩnh, Thánh đế yêu cầu ba mươi nhạc sĩ dạy cho ba trăm trẻ em hát đều những khúc ca dịu dàng thanh thoát mà trước đây các em vẫn được nghe mẹ ru. Được Thánh đế giảng dạy cho biết nghĩa lý cao xa của lời thơ giản dị, giọng các em nức nở khi hát những đoạn gọi cảnh cha già, mẹ yếu và lũ con thay phiên nhau hầu hạ sớm hôm.

Một tuần trăng qua...

Tới ngày dự tính, ba trăm em nhỏ mặc toàn đồ trắng - Đoàn quân thánh thiện của Thánh đế - dời kinh đô đi bốn ngày liền thẳng tới trận tuyến. Cùng đi với các em là số đông gấp năm những bậc phụ mẫu có con cháu

nạn nhân ở khu rừng gai. Quân lính trấn thủ được lệnh rút lui, nhường chỗ cho đoàn người mới. Các bậc phụ mẫu thoát được xếp hàng đầu đôi diện với khu rừng gai.

Buổi chiều, theo như thường lệ, đoàn trẻ con xuất hiện với vũ khúc ma quỷ. Chúng ngoắt quay tả, ngoắt quay hữu, ào ạt tiến lên phía trước, lùi lại phía sau, tung mình lên cao, cong người nhào lộn... thoát biến thành sói đi trên hai chân. Theo lệnh Thánh đế các bậc cha mẹ lùi về phía sau. Đoàn quân thánh thiện tiến bước với những gương đồng và lời đồng ca nổi lên. Đoàn sói con đứng sững trước một thành dài gương đồng bóng loáng. Chúng nhìn hình ảnh sói phản chiếu trong đó, thoát ngơ ngác... Chúng quay nhìn phía sau : khu rừng gai. Chúng quay nhìn bên hữu : núi chiều nhuộm ánh hồng. Chúng quay nhìn bên tả : gần đáy màu xanh óng ả của con sông gợn sóng, xa hơn màu tím xẫm của mặt biển chập chùng. Tiếng đồng ca như hòa vào ánh sáng rồi tỏa rộng ra...

Lũ sói con nhìn lại gương đồng, rùng mình hiện thành hình người như cũ. Có tiếng reo vui đằng xa. Gương đồng không xếp liền hàng ngang mà xoay lại thành hàng dọc, chiếc nọ sau chiếc kia với những khoảng cách đủ cho đứa trẻ có thể lách qua mà chạy về phía cha mẹ. Nhưng dáng chúng vẫn còn bỡ ngỡ. Chúng cúi đầu suy nghĩ rồi lại nhìn cảnh vật xung quanh. Sương đã bắt đầu

nhẹ tỏa trên mặt sông mặt biển, ánh hồng cuối cùng của ngày tàn còn nhuộm đỉnh trời cao. Lúc đó lũ trẻ mới bót vể bàng hoàng và chú mục về phía cha mẹ đương vẫy chúng ở bên kia hàng gương đồng. Lời đồng ca cũng vừa đến đoạn vang lên nức nở :

Tình mẹ rộng như biển cả
Tình mẹ sáng như sao trời
Con hỡi, nhìn về đây phía mẹ
Con nhìn đi đâu xa xôi ? !

Tiếng hát thiết tha phiêu phiêu theo gió chiều... tỏa rộng ra khơi... vút lên cao gập mây ngàn... vút lên cao nữa gập mây vì sao vừa mọc... Lũ trẻ bỗng khóc òa, lao mình qua Đoàn quân thánh thiện, lách giữa những gương đồng chạy miết về phía có những cánh tay đương dang rộng chờ đón chúng.

Đằng xa đời ươi, khí, vượn, trăn... lũ lượt theo nhau bỏ khu rừng gai, cùng tiến về dãy núi cao, mãi đằng xa... xa títt phía Tây. Tiếng đồng ca vẫn vang lên tung bừng giữa vùng ánh vàng huyền ảo của một buổi chiều hiền và rộng để ca ngợi sức sống nhiệm màu. Khi ánh vàng tắt đi núi, sông, biển chìm dần vào bóng tối... Lời ca trở lại êm ả như dòng thời gian man mác đến gột rửa một lần cuối cùng những buồn tủi của người con, những nhớ nhung của cha mẹ. Lời đồng ca vừa rút, trời bỗng tối sầm. Một tia chớp lóe ra cùng với đám mây đen kịt

xuất hiện sừng sững trên đỉnh núi Tây. Thánh đế ra hiệu cho Đoàn quân thánh thiện quỳ xuống theo mình. Sau đó ngài đứng dậy quay lại nói cho tất cả mọi người rõ :

- Thượng đế vẫn dung tha Tật Ác. Bởi là Đấng Chí Tôn. Ngài biết Tật Ác trong đời chỉ làm tăng thêm các vẻ đẹp của điều Thiện và khuyến khích con người càng ham noi theo điều Thiện. Lần này Thượng Đế nổi giận vì Tật Ác muốn tranh quyền Ngài cai quản nguồn thiêng.

Thánh đế ra lệnh cho Đoàn quân thánh thiện xếp những gương đồng theo rìa khu rừng gai rồi tất cả mọi người lui ra thật xa... thật xa... Mây đen đã tỏa ra để phủ nặng xuống khu rừng. Nước trút xuống thành thác... muôn ngàn tia chớp sáng lóe như những nhát búa thần bổ xuống, như những đường gươm thần xiên ngang. Sấm sét xé màng tai, sấm sét gầm thét lời thịnh nộ, sấm sét như núi trời lở xuống để lấp biển. Cơn lôi đình của Thượng Đế càng hùng vĩ uy nghiêm càng gieo niềm tin vững chắc vào lòng người, tin ở lẽ chí công, chí minh của Đấng Chí Thiện. Sớm hôm sau, khi thức giấc, mọi người thấy khoảng rừng gai chiếm nửa Oa-ly-đà biến mất. Người ta đi ngược lên tìm khu rừng quê cũ và dãy núi đá xưa. Cả khoảng đó bị sét đánh hoắm xuống thành vực, có chỗ sâu tới mười trượng; rồi mưa ngàn đổ xuống nước ngập thành hồ.

Một trăm năm sau xung quanh hồ mọc thuần một giống thù dương, vì vậy người Oa-ly-đà gọi là Hồ Thù Dương.

Những đêm trăng sao vàng vặc, hồ biến thành tấm gương lớn phản chiếu cả vòm tinh tú; ngay cả những đêm trời tối đen như mực, mặt hồ cũng lấp loáng bốc lên những đợt hào quang. Người ta bảo đó là ánh sáng của những mảnh vụn chiếc đĩa vạn năng. Những lúc đó, mặt hồ có sức hút kỳ thú đến nỗi du khách, trong một khoảnh khắc xuất thần nhập hóa, tưởng như vừa được rót hồn mình vào vũ trụ.

Đó là khúc nhạc thi ba hồi kể lại sự tích Hồ Thù Dương giữa khoảng núi non trùng điệp, rừng cây sâm uất miền Bắc xứ Oa-ly-đà. Dân chúng lặng yên nghe lời ca... nghe tiếng dân... cùng vỗ tay giữ nhịp đồng ca với thi sĩ hoặc đứng lên làm điệu bộ phù hợp với lời thơ.

Đêm dài thành ngắn ! Khi câu chuyện vừa chấm dứt, dân chúng ra về thì trăng Rằm thường cũng vừa kịp lặn, vừng đông hơi ửng hồng, cỏ hai bên đường đắm sương.

Những hình ảnh đó như nhắc nhở dân chúng nhớ lại biết bao nhiêu... biết bao nhiêu tình tiết trong câu chuyện kể thâu đêm vừa qua.

TRẠNG ĐI SỨ

Sau khi nghe quan đại thần họ Lưu vừa đi sứ nước Nam về thuật lại mọi việc, vua Tàu đập tay lên long án :

- Chuyến này sứ nước Nam tới đây đáp lễ, các khanh khá vì ta tìm kế làm nhục hẳn một phen cho hả.

Quan đại thần họ Lưu cúi thưa :

- Muôn tâu Thánh thượng, thần đã giao thiệp nhiều với bầy tôi An Nam quốc vương nên biết khó mà làm nhục được họ. Về tài ứng đối họ vô cùng mẫn tiệp. Lấy lễ mà xử thì họ cũng lấy lễ xử lại. Nếu mình giở thái độ giáo lá, họ vẫn giữ được điềm đạm, nhưng trả miếng tức khắc khiến mình không há miệng trách họ vào đâu được. Đến mưu trí của họ, như chuyện chọi trâu thực chẳng biết đâu mà lường ¹.

1 Sứ Tàu mang theo sang một con trâu đực cực lớn, cực khỏe, cực dữ, thách ta tìm trâu chọi lại. Trạng cho vạch một vòng tròn giữa bãi, hện hễ trâu nào chạy khỏi vòng đó là thua. Rồi Trạng cho « xuất quân » một con nghé đói sữa mẹ. Chú nghé chạy ra cứ nhè háng con trâu đực húc mà tìm vú khiến con này phải cố chạy ra khỏi vòng để tránh. Trạng vỗ tay reo : « Trâu Tàu thua rồi ! »

Các vị cận thần khác tâu :

- Xin Thánh thượng an tâm, sứ An Nam ở nước họ khác, tới đây khác. Dù nhanh trí, dù tinh khôn đến đâu, hẳn cũng sẽ bị chúng thần làm nhục.

Nghे vậу vua Tàu yên tâm, cho bãi châu.

Một tháng sau Trạng nước Nam tới Trảng An, vào nhà công quán, ở đó Trạng đã thấy có sứ Miến Điện, sứ Triều Tiên và sứ Mông Cổ.

Sứ Miến Điện tuy không là hòa thượng nhưng cũng sùng đạo Phật, người hiền lành, thực thà, tay luôn luôn lằn trảng hạt. Sứ Mông Cổ có vẻ ngốc nghếch, bộc tệt. Duy có sứ Triều Tiên là thông minh nhưng lại quá đạo mạo. Tính tình ba sứ đều khác hẳn với Trạng.

Nghе Trạng kể những chuyện ứng đối tương tự như câu :

Trướng nội vô phong, phạm tự lập

Hung trung bất vũ, thủy trường lưu² thì sứ Mông Cổ thích chí cười hô hô, sứ Miến Điện suy nghĩ một lát rồi mới mồm mím, còn sứ Triều Tiên vẫn trầm mặc ngồi yên một góc, chẳng nói chẳng rằng.

Ngay buổi chiều hôm sứ nước Nam tới, vua Tàu có sai một viên quan trong Viện Hàn Lâm đem đến công quán bốn chiếc bánh. Ông Hàn này đặt bánh trên bàn, chào bốn sứ rồi khoanh tay ngồi từ tại trong một góc phòng. Sứ Miến Điện ngồi nguyên chỗ cũ tay lần tràng hạt; sứ Mông Cổ nhìn bánh, nhìn ông Hàn Tàu rồi nhìn các sứ thần bạn như muốn hỏi xem : « Ý họ định gì?»; sứ Triều Tiên điềm điềm cúi đầu suy nghĩ. Trạng ra ngồi bên bàn, thủng thỉnh bóc bánh ăn hết cái này sang cái khác cho kỳ hết. Ông Hàn Tàu bèn tiến tới xòe bốn ngón tay ra trước mặt Trạng. Trạng xòe hai bàn tay đưa ra tám ngón trước ông Hàn Tàu. Ông Hàn Tàu gật đầu chỉ vào bụng. Trạng liền nắm tay đưa ra phía trước mặt.

Đến đây ông Hàn vái chào bốn sứ rồi ra về.

2 Đây là truyện Trạng lên vào năm trong mừng bà Thị Điềm. Vé trên của bà Điềm giễu Trạng : « Trong màn không gió sao cột buồm dựng ?» Vé dưới của Trạng lỡm lợm lại : « Trong bụng không mưa sao nước chảy hoài? »

Vua Tàu ngồi đợi ở điện Thái Hòa. Ông Hàn về tâu chuyện lên vua rằng :

- Muôn tâu Bệ hạ, khi thần đặt bánh lên bàn, sứ An Nam coi như của Bệ hạ ban nên xơi hết. Hạ thần bèn đưa bốn ngón tay ra, ý nói : « Tứ di lai triều » (Bốn giống dân đến chầu), sứ An Nam đưa ngay tám ngón tay ra đối lại : « Bát man tán công » (Tám giống người đến công). Hạ thần chỉ vào bụng, ý nói người nước ta đều là « Hung trung binh giáp » (Trong bụng chứa đầy binh giáp), sứ An Nam bèn nắm tay đưa ra đối lại rằng dân nước hấn « Chưởng thượng kinh luân » (Trên tay gồm hết kinh luân). Xét ra trong bốn sứ đến triều kiến quả thực chỉ có sứ An Nam là mẫn tiệp hơn cả.

Trong khi đó ở nhà công quán, sứ Miền Điện vẫn lần tràng hạt, sứ Triều Tiên càng đăm chiêu suy nghĩ, sứ Mông Cổ chạy lại hỏi Trạng :

- Vừa rồi hai vị đối đáp gì với nhau vậy ?

Trạng điềm nhiên trả lời :

- Có gì đâu, ông Hàn Tàu thấy tôi ăn hết cả bốn cái bánh thì giơ tay ra hiệu : « Sao ông ăn cả bốn cái bánh như vậy ? » Tôi giơ tám ngón để đáp : « Đến tám cái tôi ăn cũng hết nữa là. » Ông Hàn chỉ vào bụng ý nói : « Ông ăn cả như vậy không sợ vỡ bụng hay sao ? » Tôi

70 | Doãn Quốc Sỹ

giơ nắm tay ra đáp : « Thứ bánh nhỏ bằng nắm tay như vậy thì có gì mà vỡ bụng. » Ông ta thấy tôi nói có lý nên rút lui.

Tên thị vệ Tàu đứng đây - tiếng là để hầu, kỳ thực để do thám - bèn mật báo về triều cho vua hay. Vua Tàu lập tức triệu quan đại thần họ Lưu tới hỏi ý kiến.

Vị này đáp :

- Muôn tâu : Sứ An Nam chắc là thấy sứ Mông Cổ ngọc ngệch nên mới giải thích đùa như vậy; hạ thần e rằng trong cuộc đối đáp bằng cử chỉ đó, sứ An Nam còn có ý nói nhiều điều nữa mà chúng ta chưa hiểu hết. Biết đâu đó không là một bài thơ tiếp lời ta mà bàn về « tứ thời bát tiết » ? Chẳng lẽ ta hỏi lại thì còn gì là thể thống ?

Thẩm thoát Trạng ở Tràng An vừa được một tháng. Chưa thấy vua Tàu chính thức vời bốn sứ vào để bàn về mọi nghi thức giao hảo. Tuy mới một tháng qua mà Trạng đã thêm hai lần bị thử tài.

Lần thứ nhất :

Tự nhiên có một viên quan trong Viện Hàn Lâm đến nhà công quán tìm Trạng rồi hỏi dựng đứng một câu :

- Chúng tôi được nghe nói ngài vẽ giống vật khéo và nhanh lắm phải không ?

Biết là họ định thử mình đây, Trạng đáp liền :

- Dạ, khéo thì biết thế nào là cùng, nhưng nhanh thì nhất định tài tôi khó ai bì kịp.

Quan Hàn Lâm mỉm cười cáo biệt. Hôm sau Trạng được vua Tàu mời vào điện Thái Hòa, ở đây đã có một họa sư tài ba nhất nước Tàu chờ Trạng để cùng thi vẽ nhanh. Hẳn quý vị độc giả còn nhớ kết quả : Trạng của chúng ta đã nhúng cả mười ngón tay vào nghiên mực ngoáy thành mười con giun trên tấm lụa bạch khi tiếng trống vừa dứt.

Khi Trạng trở về công quán, vua Tàu mới nói với quần thần :

- Điều hớ là mình không định trước phải vẽ con vật nào.

Quan đại thần họ Lưu - (Xin nhắc lại : tức là vị đại thần đã đi sứ nước Nam và đã từng chạm trán với Trạng) - lên tiếng :

- Muôn tâu, thì bao giờ họ chẳng nhằm đúng vào điểm hớ để mình không nói vào đâu được. Cứ như cách thức họ đem ghé ra chọi trâu khi xưa thì mưu cơ của

họ chẳng biết đâu mà lường được. (Quan đại thần họ Lưu có vẻ bị ám ảnh nhiều về việc chọi trâu.)

Một vị lão thần khác nói :

- Muôn tâu Thánh thượng, thần đã có cách ra cho hẳn một đề thơ :

Quan đại thần họ Lưu vội nói :

- Ấy chớ, thi ca là sở trường của nước họ.

Vị lão thần gạt đi một cách cương quyết.

- Xin cứ yên tâm ! Xin cứ yên tâm ! Tôi đã có cách.

Ngày hôm sau, lại một quan Hàn Lâm khác đến công quán đúng lúc Trạng và sứ Triều Tiên đang trở tài họa thơ. Sứ Triều Tiên lộ vẻ thán phục Trạng lắm, không còn giữ thái độ lạnh lùng như xưa nữa.

Quan Hàn lên tiếng hỏi Trạng :

- Nghe nói, quan Trạng ngài giỏi về thi văn lắm, có thật thế chẳng ?

Trạng đáp :

- Chúng tôi chỉ gọi là biết làm thơ đúng niêm đúng luật một chút mà thôi.

Sứ Triều Tiên trách Trạng quá nhũn nhặn ! Lại đem cả những bài thơ vừa xướng họa ra đưa cho ông Hàn Tào xem.

Ông Hàn nói :

- Sớm mai tôi xin đến đây rước hai ngài vào điện Thái Hòa để Hoàng thượng cùng chúng tôi được dịp thưởng thức văn tài của các quý ngài.

Quả nhiên sớm hôm sau ông Hàn tới đón Trạng cùng sứ Triều Tiên tới điện Thái Hòa yết kiến vua Tào. Khi ai nấy đã an tọa, một tên thị vệ ở trong chạy ra đánh vào chiếc trống lớn, chỉ dùi lên trời rồi lẳng lẳng đi vào.

Trạng biết đó là cách ra đề, nhưng vẫn chưa hiểu ý họ định nói gì. Liếc nhìn sứ Triều Tiên. Trạng thấy ông này có vẻ hiểu, đương gật gù cầu tứ rồi viết câu đầu. Trạng chặc lưỡi ngoảnh vội lên tờ hoa tiên bốn dòng tứ tuyệt rồi dâng lên vua Tào. Lúc mang lên nộp Trạng có đi qua chỗ sứ Triều Tiên vỗ vai ông ta rồi chỉ vào bài thơ của mình cười, tỏ ý Trạng đã làm bài đó trong một lúc thi hứng sung mãn vô cùng. Nộp xong Trạng trở về, tì khuỷu lên bàn, tay đỡ lấy cằm, đôi mắt xa xôi... Hình như Trạng muốn tức cảnh nghĩ thêm một bài nữa.

Trong khi đó vua Tàu, mặt rồng hơn hổ, mở tờ hoa tiên ra đọc. Nhà Vua hơi cau mày suy nghĩ rồi kín đáo vẩy mấy vị cận thần lại hỏi khế điều gì. Các vị cận thần cùng châu vào bài thơ, cùng nhú lông mày, rồi cùng lắc đầu.

Vua Tàu đành cho vời Trạng lên - cùng một lúc với sứ Triều Tiên nộp bài - rồi nói :

- Chử Khanh viết thảo, trẫm không sao đọc nổi. Trạng kính cẩn tâu :

- Dạ ! Tâu Bệ hạ, nếu vậy để thần xin viết lại chân phương.

Rồi Trạng viết.

Vua Tàu cùng quần thần so bài thơ thất ngôn bát cú của sứ Triều Tiên với bài tứ tuyệt của Trạng, đều nhận rằng tứ thơ vịnh « Trạng An đại cổ » vắn Thiên³ của cả hai đều sâu sắc nhưng lời thơ của Trạng bay bướm hơn

3 Tên thị vệ đánh vào cái trống lớn ý nói đầu đề là : Trạng An đại cổ (cái trống của Trạng An), chỉ dùi lên trời ý nói : thơ vịnh lấy vắn Thiên. - Muôn tâu Thánh thượng. dù thông minh đến mấy cũng không thể nghe dứt tiếng trống mà hiểu ngay đầu đề rồi lại làm xong ngay bài tứ tuyệt. Cách viết thảo đó chẳng qua là hoãn binh chi kế để tìm tứ thơ của sứ An Nam.

nhiều.

Khi hai sứ thần đã rời khỏi điện Thái Hòa trở về công quán, quan đại thần họ Lưu chợt vỗ đùi nói lớn :

- Chúng ta lại mắc mưu sứ An Nam rồi.

Nhà vua và các vị đại thần khác thấy đều ngạc nhiên nhìn Lưu công. Ông này nói :

Lúc đó quần thần mới ngăn người tỉnh ngộ và vua Tào khen mãi quan đại thần họ Lưu tinh ý.

Tới một sớm kia khi Trạng thức dậy thấy công quán có vẻ nhộn nhịp khác thường. Ra bao lơn nhìn xuống, quanh nhà công quán đều có lính ngự lâm mặc quần áo đỏ, nẹp xanh, vây kín. Lát sau, viên hành tẩu bộ Lễ tới đệ lên một phong thơ trong đó đại ý nói : Xin bốn sứ thần hãy chuẩn bị tiếp quan Đại thần bộ Lễ, có lẽ sắp tới. Lính thị vệ vẫn canh gác nghiêm chỉnh mà bốn sứ chờ mãi chẳng thấy quan Đại thần bộ Lễ tới. Trạng nghi rằng họ lại định giở trò gì để thử thách mình đây.

Ngồi xếp bằng tròn ngay ngắn, mặt nhìn thẳng, dáng thực nghiêm chỉnh, Trạng cất giọng sang sảng ngâm thơ. Giọng Trạng lúc bổng vút như ngọn trúc đêm trăng, lúc trầm trầm mang mang buồn như suối vang lên từ đáy vực, nhiều lúc giọng ngân dài ngâm ngợi kiên nhẫn. Các sứ lắng nghe và nhìn Trạng chan chứa cảm tình.

Sứ Miến Điện ngừng lần tràng hạt, bâng khuâng. Sứ Triều Tiên lắng nghe rồi cúi xuống suy nghĩ như muốn phân tích giọng ngâm để tìm hiểu ý nghĩa bài thơ và tâm trạng của Trạng. Sứ Mông Cổ sán lại gần gạn hỏi ý nghĩa bài thơ. Trạng chỉ cười.

Có gì đâu, tiếng là bề ngoài đọc thơ trang trọng, kỳ thực phần nội dung chỉ là bài thơ cũ của Trạng ốm ở đũa cô hàng bánh. Số là, hồi vừa thi rớt Trạng nguyên, Trạng có ghé vào nghỉ chân ở một quán bánh vùng kế cận kinh đô. Cô hàng đơn đả mời chào. Trạng ngồi xuống ăn liền, vì đang khi đói bụng. Ăn xong đứng dậy cảm ơn rồi đi thẳng. Bị cô hàng níu áo lại đòi tiền, Trạng làm bộ ngạc nhiên :

- Chết chưa, tôi cứ yên chí là cô có lòng tốt mời nên mới dám ăn. Trong túi tôi hiện nay không có một đồng nào thì lấy gì mà trả cô bây giờ ? Thôi thì xin làm một bài thơ tạ ơn vậy.

Đoạn ứng khẩu đọc liền :

Đang khi nắng cực ⁴ đói lòng thay,
Thiệt đãi ơn cô có bụng này.
Giờ biết lấy gì mà tạ lại,
Xin quỳ hai gối chống hai tay.

4 Nắng cực : tiếng nói lái.

Chính là bài thơ mà vừa rồi Trạng ngồi rất nghiêm chỉnh cao giọng ngâm vang công quán. Bị xứ Mông Cổ gạn hỏi mãi Trạng nói thực :

- Bài này ông không thể thưởng thức nổi.

Sứ Mông Cổ ngạc nhiên hỏi :

- Vì sao vậy ?

Trạng đáp :

- Vì ngôn ngữ nước tôi có điểm đặc biệt là cách nói lái. Ngôn ngữ nước nào không có cách nói đó thì không sao thông cảm nổi cái hay của loại thơ văn trên.

Thấy sứ Mông Cổ có vẻ tiếc hận, Trạng vỗ vai an ủi :

- Thôi để kiếp sau tiên sinh xin với Ngọc Hoàng cho đầu thai sang nước Nam chúng tôi, tự khắc được dịp thưởng thức lo gì.

Lúc đó vẻ mặt sứ Mông Cổ mới vui vui lên được một tí.

Mặt trời đã đứng bóng. Quan Đại thần bộ Lễ vẫn chưa thấy tới, mà cơm nước cũng chẳng thấy gì. Bốn sứ đói cồn ruột.

Lát sau viên hành tẩu bộ Lễ tới xin lỗi, nói có lẽ đến chiều quan Đại thần mới tới được.

Theo sau viên hành tẩu là ba tên thị vệ, một tên cầm cái trống khẫu, một tên cầm cuộn giấy - thứ giấy bồi dầy - và tên thứ ba bung mâm cơm.

Khi mở lồng bàn ra... Chà ! Cơm muộn là phải, toàn những sơn hào hải vị xếp chật mâm. Tên thị vệ mở cuộn giấy ra trước bốn sứ để xin ý kiến. Trên tờ giấy trắng rộng đó có ghi bảy chữ nét mực rất đậm :

« Chỉ hắc, mặc bạch, hữu thị phù ? »⁵

Dùng giấy, trắng mực đen để hỏi điều ngược đời « giấy đen, mực trắng » thì ai mà chịu !

Cả bốn sứ đọc xong cùng lắc đầu. Viên hành tẩu lẳng lẳng đi khỏi.

Lập tức tên thị vệ cuộn tờ giấy lại cùng tên cầm trống ra theo và tên thứ ba bung mâm đi nốt. Trạng gật gù biết ý vua Tào định thử gì rồi.

Kể ra thì cả bốn sứ cùng đói meo, nhưng Trạng vốn ở đất nghèo nhịn đói quen nên nằm khoèo ngâm thơ trâm, giọng vàng vắn sang sảng. Toàn là những bài của Trạng làm, nào bài « Chơi phố Hiến », nào bài « Đề tượng Bà

5 Nghĩa là : « Giấy đen mực trắng, có thể chăng ? »

Banh », nào những bài « Lỡm cô hàng nước », « Gheo cô hàng cau », « Giũu quan thị » v.v... Trạng không quên ngâm cả bài sỏ thầy giáo thụ :

Này lời giáo thụ gửi về quê
Nhấn nhủ bà bay chớ ngựa nghề...

Được cái ở nơi đất nước non người này vì ngôn ngữ bất đồng nên kể cả những bài « nhảm » nhất, ở bên nước nhà chỉ dám đọc thầm, Trạng cũng lớn tiếng ngâm tràn cung mây. Cao hứng đến quên cả đói. Trạng tự nhận là ít khi ngâm thơ hay và được ngâm « hả » đến thế. Lũ lính canh, bỗng giạt sang hai bên - lúc đó trời đã về chiều - viên hành tẩu bộ Lễ tới xin lỗi rằng : Quan Đại thần còn bận việc triều chính nhưng thế nào ngày mai cũng sẽ tới, không biết lúc nào.

Theo sau viên hành tẩu vẫn ba tên thị vệ, vẫn mỗi tên phụ trách một thứ như ban trưa.

Khi tên thị vệ mở cuộn giấy hỏi ý kiến Trạng « chỉ hắc, mặc bạch, hữu thị phù ? » Trạng gật đầu đồng ý.

Viên hành tẩu tỏ vẻ vui mừng mời Trạng ra ngồi bên mâm tiệc.

Sứ Mông Cổ gật đầu theo sứ nước Nam và cũng được mời ra ngồi bên mâm tiệc.

Sứ Miến Điện tự tại lắc đầu, còn sứ Triều Tiên lắc đầu một cách công phần hơn. Cả hai cùng quay lưng về bàn tiệc tỏ vẻ khinh bỉ.

Khi Trạng cùng sứ Mông Cổ bắt đầu cầm đũa thì tên thị vệ thứ hai đánh trống khẩu vừa nhảy cẫng quanh phòng như muốn « hô huê » người ăn. Sứ Mông Cổ gấp đầu, mặc kệ. Trạng thì vừa nhấm nháp vừa gật gù nghe trống có vẻ « thú » trò chơi đó lắm. Tên thị vệ vừa nhảy vừa gõ trống được một lúc thì mệt, tự thấy chán nên thôi. Trạng cũng vừa ăn xong. Có mấy quả lê, quả đào dùng làm đồ nước, Trạng không ăn nhưng nhón cát vào túi.

Sứ Mông Cổ sau khi cơm no, tửu say lên giường ngủ liền. Trong khi sứ Miến Điện ngồi lằn tràng hạt, sứ Triều Tiên tiến đến trách Trạng :

- Ông gật đầu nhận là « giấy đen mực trắng » rồi ra ngồi hưởng tiệc như vậy, có phải là thái độ của đại nhân quân tử chăng ?

Trạng đáp :

- Nếu tiên sinh hiểu đạt nhân là người thấu suốt lý lẽ, quân tử là người lãnh nhiệm vụ diu dặt, giáo huấn thế nhân thì tôi quả là đại nhân quân tử. Tôi sẽ dạy cho vua Tàu sáng lẽ « còn mắt, được không ».

- Tiên sinh gật đầu nhận là giấy đen, mực trắng rồi ngồi dự tiệc mà là dạy vua Tàu sáng lẽ « còn mắt, được không » ?

- Chính thị !

- Xin tiên sinh chỉ giáo cho ngu này được rõ điều đó.

Trạng ân cần cầm tay sứ Triều Tiên mời ngồi xuống bên mình rồi hỏi :

- Tiên sinh hẳn biết truyện quân Nguyên trước đây ba lần bị thảm bại ở nước tôi ?

- Điều đó tôi có biết.

- Như vậy có phải người nước tôi « uy vũ bất năng khuất »chăng ?

- Đúng !

- Sau ba lần chiến công oanh liệt như vậy mà vua nước tôi, khi viết thư cho Nguyên Thế Tổ, vẫn dùng lời lẽ cực kỳ nhũn nhặn.

Trạng rút ra một tờ hoa tiên, chấm bút vào nghiên, thảo vội mấy dòng, đưa cho sứ Triều Tiên rồi nói :

- Đây là mấy câu mở đầu tờ Quốc thư đó.

Sứ Triều Tiên cầm lấy, đưa mắt đọc và hơi nhíu lông mày. Nguyên mấy dòng đó Trạng nhớ được và ghi lại như sau :

« An Nam thế tử vi thần Trần Nhật Tuyên hoàng khùng bách bách, muội tử phục tội, thưởng ngôn vu thượng thiên quyền mệnh, Hoàng đế bệ hạ thánh chỉ... »⁶

Giọng Trạng hơi đượm buồn - đó là lần đầu tiên sứ Triều Tiên nhận thấy thế - Trạng nói :

- Xin tiên sinh chú ý, Đức vua nước tôi không xưng là « tiểu thần » mà nhũn hơn xưng là « vi thần ».

Sứ Triều Tiên lắc đầu :

- Tôi thực không hiểu.

- Số là tiên sinh không rõ hết những cảnh tàn ác man rợ của quân Nguyên mỗi lần kéo sang trả thù. Có những làng chúng vây kín rồi giết hết đàn ông từ đứa trẻ sơ sinh đở hỏn đến cụ già tám, chín mươi gần kề miệng lỗ. Ở nước tôi, vua và trăm họ thương yêu nhau như cha con. Khi nguy biến, vua tôi và thần dân cùng nằm gai nếm mật chịu đổ máu mà giữ gìn xã tắc. Đến khi có thể

6 Dịch nghĩa : Thế tử nước An Nam, vi thần là Trần Nhật Tuyên sợ hãi, trăm lạy xin cam tội chết, dâng thơ tâu Hoàng đế bệ hạ chịu mệnh trời xét cho...

hòa hoãn thì vua chịu nhẫn nhục để thần dân sớm được yên ổn làm ăn. Lễ kinh quyền đó đã khiến một nước nhỏ như nước tôi đương đầu với một nước lớn gấp trăm lần là Trung Quốc mà vẫn không bị họa diệt vong. Lúc cần chết, chúng tôi sẵn sàng liều chết, nhưng không bao giờ chúng tôi chịu chết uổng.

Sứ Triều Tiên lộ vẻ bàng hoàng, nhưng vẫn chưa hiểu thái độ Trạng trong việc gặt đầu nhận « giấy đen mực trắng », bèn ước hỏi :

- Vậy lễ kinh quyền ấy tiên sinh dùng để dạy vua Tàu suốt lễ « còn mất, được không » ra sao ?

Trạng đáp :

- Hẳn tiên sinh thừa hiểu họ bày trò vừa rồi là muốn xem mình đối phó có ngang tàng không. Họ đâu có đợi ở mình thái độ « Bá Di, Thúc Tề bất thực Chu túc »⁷ như vậy. Nước chúng tôi nghèo, thiên tai nhiều, hạn hán, lụt lội xảy ra luôn. Những năm mất mùa đói kém, có khi hàng tháng chúng tôi chỉ ăn cháo cầm hơi mà đạo lý vẫn nghiêm minh. Sở dĩ lúc này tôi ngồi vào ăn là đã có ý sẽ đối phó như thế này... (Trạng ghé bên tai

⁷ Bá Di, Thúc Tề phản đối nhà Chu dùng bạo lực diệt Trụ, không thèm dùng thóc nhà Chu, trèo lên núi Thủ Dương hái rau vi ăn, rồi cũng chết đói ở đó.

sứ Triều Tiên nói thăm.)

Sứ Triều Tiên vùng đứng dậy chấp tay vái Trạng :

- Tôi đã quá thô thiển mà hiểu lầm tiên sinh, dám xin tiên sinh thứ lỗi cho.

Sứ Miến Điện ngừng lần tràng hạt. Trạng tiến tới dịu dàng nói :

- Bên nước chúng tôi cũng sùng đạo Phật như bên quý quốc. Hẳn tiên sinh nhớ truyện Thái tử Tất Đạt Đa sau ba lần hỏi đạo bèn bắt đầu tu khổ hạnh ?

Sứ Miến Điện gật đầu.

Trạng hỏi tiếp :

- Hẳn tiên sinh nhớ chuyện : vì Ngài hành xác thân quá đáng mà rồi chết ngất. Khi tỉnh dậy Ngài mới nhất định ăn uống như thường để giữ thân mà tìm đạo giải thoát ?

Sứ Miến Điện gật đầu.

Trạng hỏi tiếp :

- Hẳn tiên sinh nhớ chuyện : khi ấy có một thiếu nữ thấy Ngài nằm dưới gốc cây liền đem sữa đến dâng. Ngài dùng sữa xong, sức lực bình phục, rồi xuống sông

tắm rửa sạch sẽ. Chính vì vậy Ngài giác ngộ thành đạo dưới gốc Bồ Đề ?

Sứ Miến Điện gật đầu liền mấy cái.

Trạng tiếp :

- Tiên sinh thử nghĩ xem, để thân chết đói thì đạo có còn không ? Đức Phật có nói « Tàng thức của người ta ai câu thúc nổi. » Tiên sinh còn sống thì vua Tào cấm sao được tiên sinh nghĩ trong tàng thức rằng : « Giấy vẫn trắng, mực vẫn đen ? » Hãy nói tiên sinh quyết nhin đến chết đi nữa, lão vua Tào hấn cần gì ? Sao tiên sinh không điềm nhiên gật đầu ngời vào mâm ăn rồi chúng ta sẽ làm như thế này... (Trạng ghé vào tai sứ Miến Điện nói thầm.) Thế có phải vua Tào phục chúng ta biết mấy!

Tới đây, sứ Miến Điện cũng vội vàng đứng dậy vái Trạng rồi nói :

- Chính tiên sinh đã soi sáng cho tiểu đệ. Dám mong tiên sinh xá cho tôi ngu muội ban chiều.

Trạng thò vào túi lấy ra hai quả lê, hai quả đào dùng làm đồ nước ban nãy đưa biếu hai người và nói : - Xin hai tiên sinh dùng tạm mấy thứ này cho đỡ đói lòng rồi chúng ta bắt tay vào việc.

Khi hai sứ ăn xong, Trạng truyền thị vệ đi lấy cho

Trạng một tấm nhiễu bạch lớn, một bút đại tự và mực tàu.

Sáng hôm sau viên hành tẩu lại tới báo tin quan Đại thần bộ Lễ sẽ tới trong ngày. Vẫn ba tên thị vệ theo sau, mỗi tên phụ trách một thứ.

Khi tên thị vệ mở cuộn giấy với dòng chữ « Chỉ hắc, mặc bạch, hữu thị phù ? » ra, tuần tự bốn sứ cùng gật đầu rồi cùng vui vẻ ra ngồi bàn tiệc.

Viên hành tẩu toan đưa mắt cho tên thị vệ đánh trống « hồ huê » bốn sứ thì cũng vừa nhận thấy có một bức trướng lớn bằng nhiễu trắng treo trong cùng. Ông ta tiến vào mấy bước đọc rõ hai dòng lớn nét chữ vừa gân guốc, vừa sắc góc, vừa bay bướm, chữ của Trạng :

Tàng thức mang mang,
Thùy năng câu thúc.⁸

Viên hành tẩu vái dài bốn sứ rồi rút lui. Tên thị vệ không dám đánh trống nữa.

Viên hành tẩu đi thẳng về triều tâu rõ mọi việc.

Vua Tàu đưa mắt nhìn quan Đại thần họ Lưu.

8 Nghĩa là : Tàng thức người ta mệnh mang, Kẻ nào mà câu thúc nổi.

Vị này khẽ cúi đầu cung kính rồi lại nhìn Vua, ý nói :

- Thần đã đoán trước kết quả như vậy !

Nhà Vua suy nghĩ một chút rồi quay sang quan Lễ bộ Đại thần phán :

- Khanh khá đến nhà công quán thăm bốn sứ thần, cùng họ định nghi thức giao hảo và báo rằng ngày mai Trẫm thết yến bốn sứ ở điện Thái Hòa trước khi để bốn sứ về nước.

Phán xong, nhà Vua đưa mắt nhìn quan Đại thần họ Lưu lần nữa.

Vị này lại cúi đầu cung kính rồi ngẩng nhìn Vua, ý muốn tâu lại :

- Thần vẫn nghĩ như vậy là thượng sách !

ĐẠ LÝ LAN PHU NHÂN

Năm Giáp Thân (1344) niên hiệu Thiệu Phong thứ IV đời Trần Dụ Tông, tại kinh đô có mở hội xem hoa vào dịp lễ Nguyên Tiêu, nhà nào nhà nấy treo đèn kết hoa, cảnh tượng thực là rực rỡ, dân chúng từ các phường lân cận đổ về kinh kỳ dự hội đông như nước chảy.

Sao lại có một thư sinh, dáng tư lự, thơ thẩn đi ra khỏi kinh thành ?

Chàng thư sinh đó, nguyên họ Đặng, quê ở Trường An (Ninh Bình). Cha chàng trước đây làm quan Thái thú ở Hồng Châu (Hải Dương), bị quan trên vây hãm, hạ nhục cả nhà. Sau một năm giam cầm, ông uất mà chết ngay trong ngục. Vừa khi đó có một viên quan họ Lý đổi về Hồng Châu. Lý công vốn người cương nghị chuyên coi về hình án. Vừa tới nhậm chức, ông xét lại bản án họ Đặng và rõ ngay nỗi oan khuất, vì vậy Đặng sinh cùng mẹ được thoát cảnh ngục trở về quê. Mùa xuân năm Quý Mùi, Đặng sinh xin phép mẹ lên du học kinh sư. Việc ăn tiêu giữa chốn phồn hoa đô hội quá tốn kém, nên mới sang đầu xuân năm sau, vừa một năm qua, tiền lưng đã hầu cạn. Vì vậy trong khi mọi người hớn hở chảy về kinh đô vui xuân, chàng ngược dòng dân chúng mà thơ thẩn đi sâu vào các vùng quê lân cận. Cứ như vậy chàng đi khỏi kinh đô chừng năm dặm, gặp

một trang trại thật rộng, gần như bỏ hoang, Bên cạnh trại là một xóm nhà thưa thớt, chung quanh có lũy tre bao bọc. Trại cùng xóm nhà đều ở sát bờ sông Nhị.

Đặng sinh vào nhà một bà cụ già trong xóm hỏi chuyện, được biết nơi đây thuộc phường Tiên Lập, và trại hoang trước kia là nhà dưỡng lão của quan Thị lang họ Phùng, Khi vị này bị đòỉ đi làm quan Thái thú tại trấn Tuyên Quang thì dinh cơ đó được bán cho một viên quan trong xóm. Thương gia này bận việc phương xa, nay đây mai đó luôn, nên trại tuy mua đã trên mười năm rồi mà chẳng hề tu sửa gì cả. Cụ già nói thêm cho Đặng sinh biết thương gia mới từ phương xa về được mấy ngày, có lẽ mai lên đường sớm.

Đặng sinh ngỏ ý muốn đến tìm thương gia để thuê trại đó, vì chàng nghĩ mình nên chọn ở nơi này thanh vắng xa chốn kinh kỳ, vừa để dùi mài kinh sử vừa đỡ tốn kém trong việc chi tiêu. Chàng kính cẩn cúi đầu chào bà cụ, toan quay ra, chợt thấy bóng một nữ nhân vừa khuất dạng sau vườn dâu gần đấy. Đặng sinh linh cảm rằng mỹ nhân đứng nhìn trộm từ lâu, khi thấy chàng sắp quay ra mới vội lẩn đi, chàng chỉ thoáng kịp thấy vạt áo màu thiên thanh của nàng phất lại phía sau. Tuy chưa nhìn rõ mặt, nhưng Đặng sinh tự nhiên thấy lòng xúc động. Điều này khiến chàng tin rằng nàng đẹp lắm.

Chàng bần khoản tự hỏi : « Quái, nơi thôn dã này sao có người con gái mặc màu áo quyền quý thế ? »

Đặng sinh bèn nán lại, khéo gợi chuyện, được biết thêm về gia thế bà cụ gồm chồng và một đứa con trai đã lớn, ngày nào cũng thả thuyền đánh lưới theo ven sông từ sớm đến sẩm tối mới về, còn bà cụ ở nhà chuyên việc trồng dâu, chăn tằm, dệt cửi. Không thấy bà cụ nói có con gái, mà muốn hỏi thêm e bất tiện, Đặng sinh đành cúi chào bà cụ rồi đến thẳng cuối xóm tìm thương gia để thương lượng việc thuê trại.

Có lẽ thấy vẻ chàng khôi ngô tuấn tú, rõ ra người hậu vận thành đạt lớn, thương gia ân cần mời chàng đến ở trại vừa đèn sách học hàng vừa trông nom giúp, không hề đòi tiền thuê.

Đáng lẽ ngay hôm sau chàng cùng tiểu đồng dờn kinh sư đến chôn ở mới, nhưng bị anh em đồng song giữ lại đến đêm xem đốt cây bông bên bờ sông, rồi thết tiệc tiễn biệt tại một quán treo đèn kết hoa rực rỡ nhất kinh đô. Tiệc tan, chàng say mềm phải vịn một người bạn mà về. Vừa ra khỏi quán chàng thoáng thấy tà áo màu thiên thanh lướt qua. Đúng là tà áo người con gái vườn dâu !

Chàng vội đứng thẳng người nhìn theo, tiếc thay vì quá say, đầu vầng, mắt hoa, chỉ lơ mờ nhận thấy bóng người con gái áo thiên thanh có quay lại nhìn chàng rồi lẩn vào đám đông.

Hôm sau Đặng sinh cùng tiểu đồng đến trại phường Tiên Lập từ sớm. Cảnh trại bỏ hoang bấy lâu thực tiêu điều. Tường, hiên ẩm mốc; hồ bán nguyệt trước sân, nước vầng màu rêu với vài tàu sen tàn tạ. Quanh nhà những đào, những mai lá trút toi bờ. Giây bìm từ các bờ giậu leo vương khắp ngả với những chùm hoa tím mới nở, còn bở ngỡ với nắng gió đầu xuân. Duy mấy cây mai trước cửa là bớt tiêu tụy vì đương mùa hoa nở, cây nào cây nấy trắng xoá đến đầu cành. Khoảng đầu hồi cánh tả trông ra bờ sông có nhiều loại hoa khác đang mọc chen nhau như tường vi, thạch lựu, hồng cảm, kim tiền; chính giữa là một cây cao hơn cả, lá xanh biếc, hoa lốm đốm trắng như hoa ngâu. Đặng sinh vạch cành, rẽ lá tới nơi nhận ra đó là cây dạ lý lan, cành lá sum sê rũ sát đất. Đứng bên cây dạ lý lan, chàng nhìn thấy thừa vườn dâu bên kia xóm, nơi lần đầu tiên chàng gặp tà áo màu thiên thanh. Chàng tự hứa thầm, khi nơi ăn chốn ở đã yên tất, chàng sẽ gặp mỹ nhân bằng được.

Cùng tiểu đồng nỗ lực dọn dẹp đúng một ngày, chỗ ở mới tạm được quang đãng đôi chút. Chàng thu xếp phòng học bên gian trái, trước mặt có cửa sổ nhìn ra hồ

bán nguyệt.

Vừa chập tối hương dạ lý lan toả đến ngạt ngào. Đêm hôm đó, mở tập « Tình Sử » đọc đến mấy câu thơ đặc ý, chàng tưởng như hương dạ lý lan bốc lên từ những chữ quý giá đó, và chàng mơ đến một khuôn mặt mỹ nhân « nhân diện đào hoa tương ánh hồng ».

Hai ngày sau Đặng sinh học khuya hơn. Trăng hạ tuần lên được một lát, chàng rời phòng học, đi quanh ra dãy hành lang giữa, bước xuống thềm.

Có cơn gió thổi mạnh. Mấy đóa hoa mai rụng xuống nền cỏ gần chỗ chàng đứng. Khi chàng cúi xuống nhặt một bông, chợt có tiếng đế nỉ non như ai oán đâu đây.

Lòng thơ lai láng, chàng trở về phòng lấy bút thảo mấy vần cổ phong, rồi cất tiếng ngâm, giọng trầm và buồn :

Cành hoa lả lướt, chừ như tơ mong manh Trước sao óng chuốt, chừ giờ sao tan tành ! Hoa rơi trên cỏ, chừ gió lốc làm xe Than khóc năm xưa, chừ tiếng đế bên hè.

Cùng lúc giọng ngâm vừa dứt, một bóng người - mà là người con gái mặc áo thiên thanh - xuất hiện ngay trước cửa sổ.

Bốn mắt ráng nhìn nhau không chớp.

Tiết xuân ấm áp, ánh trăng muộn màng nhưng tươi đẹp, người con gái xuất hiện tuy bất ngờ nhưng vẻ nàng diễm lệ hết như chàng đã tưởng tượng trong mấy ngày gần đây, bởi vậy chàng coi như nàng đã là người quen thuộc.

Nàng vẫn đứng yên đối diện, nét yêu kiều lồ lộ. Có lẽ nàng chỉ khẽ cử động là đã thành khúc múa nghệ thường rồi.

Chàng đứng dậy quờ tay ra khung cửa sổ... Nàng lùi về phía sau.

Chàng rảo bước đi quanh tới gian giữa... Nàng vùng chạy !

Và khi chàng ra tới ngoài, đứng vào chỗ nàng đứng, thì quanh thềm chỉ còn tiếng lá xào xác. Bóng giai nhân hầu như tan thành ánh trăng quạnh quẽ đương trải trên vườn khuya. Chàng tiến mấy bước ra đầu hành lang : Những cây hoa kim tiền, tường vi, thạch lựu, hồng cảm ngả nghiêng, mờ nhạt, lẫn lộn; duy cây dạ lý lan cao vút thành một khối đậm vừa chững chạc, vừa uyển chuyển dưới làn gió nhẹ ẩm sương khuya. Mùi hoa dạ lý lan đồng thời thơm sức nức.

Đặng sinh bèn xuống thềm tiến về phía đó. Bón bề vắng lặng, tịnh không có bóng ai ! Nhìn vào gốc da lý lan, chàng chỉ thấy cành cây bốn phía rủ xuống sum sê. Chàng đành quay về phòng ngồi lặng lẽ cho đến khi quá mệt ngủ gục trên bàn.

Ngày hôm sau Đặng sinh thơ thần cả buổi sáng bên cây da lý lan. Lắm lúc chàng thần người như muốn nhập điệu vào hồn cây mà tìm cho ra nguyên ủy việc mỹ nhân xuất hiện, khi định thần lại vẫn chỉ thấy cành lá xanh um, trắng điểm muôn đoá hoa ngà nhỏ xinh. Tịnh không một mùi hoa thoảng đến. Hồn hoa còn mãi vui tận chốn non bồng nước nhược nào ! Nhân thấy cành lá đặng Đông có phân rậm rạp, Đặng sinh tiến lại gần. Chàng chỉ thấy cành lớn cành nhỏ bị dàn bìm hoa tím đê trĩu xuống. Dây bìm còn lan xuống đất che kín một khoảng cỏ lớn nữa. Một vài cành gai khô vương vãi đó đây.

Buổi chiều, Đặng sinh thẳng đường vào xóm qua nhà bà cụ, nghe có tiếng dẹt cử, nhìn sang vườn dâu không có bóng ai. Tiếng dẹt cử bỗng ngừng. Đặng sinh nhú lông mày toan tiến lên, rồi không hiểu sao lại thôi. Chàng lẳng lẳng quay về. Kể từ ngày đến kinh kỳ du học chàng đã được nghe kể biết bao chuyện lạ lùng.

Nào chuyện chàng lái buôn ở Thiên Trường (nay là phủ Xuân Trường, Nam Định) đan dúi với một tuyệt sắc giai nhân tại một nơi lầu hồng gác tía. Tới khi vị đạo sĩ trao cho một tấm bùa thì, ôi ghê rợn, chàng thấy mình nằm dưới gốc cây ngọc lan gần nhà mồ trong có quần chiếc áo quan bên trên đề mấy chữ : « Linh cữu của Lan nương ».

Nào chuyện chàng thư sinh ở phủ Thường Tín, xứ Sơn Nam, đêm đêm ngồi học, thường có ba giai nhân đến chọc ghẹo tự xưng là họ Đào, họ Liễu, họ Lý. Chàng đã từng cùng với ba nàng hưởng niềm hoan lạc, mười phần thoả mãn. Rồi một đêm kia cả ba nàng cùng đến khóc mà vĩnh biệt chàng. Đêm đó mưa to gió lớn, sấm sét rung chuyển gòi đất. Sớm hôm sau chàng thư sinh ra thăm vườn thấy dàn thiên lý, cây đào, cây liễu bị sét đánh bật gốc, hoa lá tơi bời khắp vườn. Lúc đó chàng mới biết từ lâu mình đã làm bạn với những con tinh của cây hoa.

Còn biết bao nhiêu chuyện lạ lùng quái đản khác.

Đặng sinh nghĩ đến chuyện mình, nghĩ đến cây dạ lý lan cao vút, nghĩ đến hương dạ lý lan thơm ngát đưa vào phòng lúc chập tối...

Đêm hôm đó Đặng sinh cầm cúi đọc kinh « Xuân Thu » để khỏi suy nghĩ vẩn vơ...

Trăng lên muôn...

Nhưng... khi trăng vừa nhô lên khỏi lùm cây phía trước, Đặng sinh bỗng rùng mình. Vì ánh trăng chênh chênh cùng lùa vào với làn gió mạnh làm tắt ngọn đèn dầu, đồng thời một bóng người in lên bàn, che khuất trang sách : Mỹ nhân xuất hiện !

Đặng sinh giữ được bình tĩnh ngay, từ từ ngược mắt. Mỹ nhân vẫn mặc áo thiên thanh, đăm đăm nhìn chàng, đôi mắt dịu hiền mà say sưa.

Đặng sinh biết lắm, chàng chỉ khẽ làm dáng động đậy là mỹ nhân biến thành ánh trăng như đêm qua. Chàng lẳng lặng cúi xuống, cố đẹp bản khoăn, xao xuyến và nhận thấy đôi tay búp măng ngà ngọc của mỹ nhân vịn ở thành cửa. Chàng đưa tay nắm lấy. Mỹ nhân đê yên. Lòng ngưỡng mộ dạt dào, chàng vô tình đứng dậy nhưng chưa kịp ngẩng đầu, mỹ nhân đã rút tay chạy ra phía hành lang, chàng thấy như mỹ nhân vút về phía cây dạ lý lan.

Chàng rảo bước tới nơi, ngơ ngác nhìn quanh, chỉ thấy cành lá sum suê đưa đẩy theo chiều gió, xung quanh lặng ngắt.

Đêm hôm sau chàng rấp tâm ngòì chờ người đẹp.

Trăng muộn ã nhô khỏi lùm cây. Âm thầì và cô đơn như chàng. Mỹ nhân không lại. Đặìg sinh vẫn ngồi nguyên, tựa án thiu thiu. Tiếng gió ãm thoảìg, hoa lá rụng nhiều khi khiến chàng thức giấc, tưởng ãy là hơi thở nhẹ, là bước chân lén của nàng. Hy vọng mỏng manh của ãm ãm chờ nhạt nhòa dưới ánh bình minh. Tia nắng vàng ãu tiên như xuyên thẳng vào trái tim Đặìg sinh khiến chàng nhói buốt. Suốt ngày hôm ão chàng hết ngồi lại nằm, dáng thất thểu bơ phờ, rõ là người ốm tương tư. Nhưng, chiều ãn khi hương dạ lý lan toả ngát trong phòng, chàng bắt ãu tỉnh táo.

Chàng nghĩ : ãm nay - ãm Hai mươi - phải ãu giờ Tý trăng mới lên. Rồi ngồi chờ. Chàng cố mở quyển sách trước mặt làm vẻ chăm chú nhìn nhưng kỳ thực không ão. Khoảng giữa giờ Hợi, chàng ngắìg nhìn ra ngoài. Bốn bề tối ãn như mực; một ngôi sao lấp lánh ở chính ãm như thiên sứ báo tin vui. Chàng khêu lại bấc ở ãy đèn ãu và khi vừa cúi nhìn trang sách, chàng cũng vừa giật mình trong hồi hộp, trong vui mừng vui sướng : ãu tay ãa ãa thấy vịn trên bờ cửa sổ, cổ tay bị màu vải thiên thanh che lấp. Đặìg sinh ngắìg nhìn với một dáng ãu quen thuộc và ãy vẻ trách móc. Mỹ nhân hầu như thấu hiểu nỗi lòng chàng nên cũng nhìn lại âu yếm thiết tha bội phần. Đặìg sinh nắm lấy tay nàng sợ vùng biến mất, mà giữ chặt ãu tay mềm mại, thanh tú thì quả không ão.

Giọng chàng cất lên như êm như mơ :

- Nương tử có lòng hạ cố đến đây, xin đừng quản ngại. Tôi theo học đạo Nho, ngày ngày đọc sách Thánh hiền, quyết giữ tình cho vằng vặc như trăng rằm sáng tỏ. Nương tử hãy đừng gót ngọc cho tôi đàm đạo đôi lời.

Rồi cảm lòng không đậu, chàng đứng dậy. Quả nhiên nàng rút vội tay, vùng chạy. Đặng sinh không quành theo lối giữa như mọi khi mà băng mình qua khuôn cửa sổ hẹp. Mỹ nhân thoãn thoắt theo lối mòn chạy về phía cây dạ lý lan. Chàng rượt theo nhanh như vừa mọc cánh. Tới nơi nhìn quanh, chàng thấy phía cảnh um tùm bên Đông như có tiếng động khả nghi.

Chàng định thần nhìn kỹ khoảng đó. Vẫn là những cành dạ lý lan trĩu cành toả sát đất, với những cây bìm ngổn ngang. Tay chàng quờ phải một dây bìm lớn, tiện thể kéo lại phía mình và nhận thấy cả khối bìm dưới đất cùng xô dịch với tiếng cọ xát của những cành lá gai khô. Chàng kéo mạnh thêm chút nữa, thấy hiện ra một miệng hố. Trái tim như ngừng đập, chàng tưởng sắp được chứng kiến cảnh một con chồn thành tinh trắng toát đuôi xoè nhảy vọt từ dưới hố lên. Nhận thấy có gì thấp thoáng ở dưới, chàng kéo mạnh thêm. Cả miệng hố lộ ra sau cùng với một bóng người ở dưới. Chàng tiến lại. Tuy hố ngập đầy bóng cây chàng cũng nhận ra

nàng. Nhìn bóng giai nhân luống cuống ở bên dưới, nỗi vui mừng của chàng không biết lấy chi so sánh cho cân. Nàng không phải là yêu tinh. Nàng là người thật ! Lần này quyết nàng không thể chạy thoát đi đâu được nữa... Chàng cúi xuống giơ tay cho nàng vịn rồi kéo lên.

Không ! Không ! Quả thực nàng không phải là ma. Chàng ôm vội lấy nàng trong vòng tay.

Vẻ vô cùng hốt hoảng, nàng lùi lại cố vùng hai tay ấn chàng ra xa và... - Ôi ! Lần đầu tiên từ ngày gặp gỡ, chàng được nghe tiếng nàng nói với chàng bằng một giọng nghẹn ngào xúc cảm :

- Xin chàng chớ quên lời nói ban nãy : Chàng là người theo đạo Nho, ngày ngày đọc sách Thánh hiền, lòng chàng đẹp như gương nga, cao quý như sen hồng.

Ngượng ngùng, Đặng sinh cố nén nỗi lòng bồng bột, chỉ khẽ nắm lấy tay nàng hỏi :

- Nàng phải chăng là người con gái tôi thoáng thấy bên vườn dâu bà cụ hàng xóm ?

Nàng gật đầu.

Chàng dắt nàng ra khỏi gốc cây dạ lý lan um tùm, hỏi tiếp :

- Nàng có phải là con gái bà cụ ?

Nàng lắc đầu :

- Vậy nàng từ đâu đến đây, vì sao lại ở nhà bà cụ ?

Tiếng nàng rất khẽ trong đêm khuya tĩnh mịch, Đặng sinh cố lắng tai nghe :

- Thiếp họ Lý, quê ở Đông Ngạn thuộc Kinh Bắc. Cha thiếp từng làm quan coi về hình án ở Khoái Châu rồi Hồng Châu.

Đặng sinh nhớ ngay ra viên quan họ Lý bèn hỏi :

- Có phải phụ thân nàng về nhậm chức ở Hồng Châu vào đầu mùa thu năm Quý Dậu (1333) ?

Nàng gật đầu.

Đặng sinh ôm chặt lấy hai cánh tay nàng, vẻ vô cùng thâm cảm :

- Thế thì chính phụ thân nàng đã giải tỏ hàm oan cho thân phụ tôi. Chính nhờ thân phụ nàng mà những người còn lại trong gia đình tôi khỏi phải vùi oan mạng trong ngục thất.

Đặng sinh yêu cầu nàng nói tiếp chuyện nàng.

Tiếng người con gái hiền thực làm bóng tối băng khuâng của vườn khuya bớt vẻ âm thầm mà thêm hương

vị say sưa :

- Năm thiếp mười ba tuổi thì cha thiếp mất. Thiếp theo mẹ về Kinh Bắc ngụ tại quê nhà. Vì thiếp thông hiểu chữ nghĩa và âm luật, năm sau được tuyển vào cung theo hầu Hoàng hậu. Mỗi khi mở tiệc vui thiếp thường được Hoàng hậu cho đến chầu hầu. Thường khi gặp dịp Vua lãng ngâm, thiếp ngâm giúp Hoàng hậu ứng khẩu nối tiếp câu thần, vì vậy rất được Hoàng hậu khen ngợi. Nguyên thiếp từng kể với Ngài thuở ấu thời có thầy số tiên đoán rằng đến năm mười sáu tuổi thiếp sẽ kết duyên cùng một bậc tài mạo phong tư rất mực, bước thanh vân sớm hiển đạt hơn người, Hoàng hậu hứa khi thiếp đến tuổi đó sẽ cho về quê... Sang năm nay thiếp vừa đôi tám. Vào ngày Thượng nguyên, Đức vua cùng Hoàng hậu cho bày tiệc rồi thả thuyền chơi trên sông Nhị. Thuyền trôi dần xuống tận bến Đông Bộ Đầu. Lúc ngược về thiếp được lệnh cùng mấy cung nhân múa hát hầu bàn tiệc. Về khuya gió bỗng xoay chiều thổi mạnh. Sóng sông lớn, thuyền bỗng tròn tránh, thiếp vô ý trượt chân từ mạn thuyền ngã xuống, bị nước cuốn băng không kịp cứu. Theo con nước thiếp dạt vào cụm lau gần bờ. May sao gặp được khúc sông đương bồi nước nông, thiếp tuy loạng choạng mà cũng lên được bờ, rồi tìm vào một gia đình trong xóm. Thiếp không muốn trở lại nơi cung cấm, bèn nói thác với mọi người là nhân đầu năm, xuống tìm người nhà ở Đông Bộ Đầu

không gặp, khi ngược thuyền về chẳng may bị ngã.

Thiếp phải ở nán lại nhà bà cụ mấy ngày, định sớm hôm sau sẽ tìm đường về Đông Ngạn quê nhà. Buổi chiều hôm đó, đứng nấp ở vườn dâu thấy chàng về đây, rồi dự định thuê trại vắng vẻ này để dùi mài kinh sử, thiếp tự nhiên nảy ý lạ kỳ, bèn xin cụ bà cho ở lại vài ngày nữa, nói thác là để lên kinh sư dò tìm một người thân khác mà hiện nay chưa biết ở phường nào. Rồi ngay chiều hôm ấy thiếp lần sang trại này. Thiếp để ý đến cây dạ lý lan xanh tốt. Thiếp nhận thấy dưới khoảng cành lá um tùm nhất của cây dạ lý lan có cái hố sâu. Y hẵn là hố mà trước đây gia nhân quan Thị lang họ Phùng đào để đánh bẫy giống cáo hay vào trại để bắt gà. Thiếp bèn kéo dây bìm cùng ít cành cây khô lấp kín mặt hố. Ngay đêm hôm đó thiếp lần theo dân chúng đến kinh sư xem hội hoa đăng và gặp chàng cùng các bạn đồng song ở quán rượu. Rồi chàng cùng tiểu đồng dọn đến trại này. Hai hôm sau thiếp cố ý xuất hiện bất ngờ, như một hồ ly tinh trước cửa sổ phòng học, để trêu chàng.

Đặng sinh ngắt lời :

- Ngộ tôi đuổi kịp, bắt được nàng thì sao ?

Nàng đáp :

- Thiếp nghĩ trong khi chàng phải chạy quanh lối cửa giữa, thì thiếp đã kịp chạy tới gốc dạ lý lan để ẩn mình dưới hồ kín.

Đặng sinh nói :

- Ngay sớm hôm sau buổi gặp gỡ bên cửa sổ, tôi có lần vào trong xóm.

- Thiếp biết chàng có đến !

- Lúc đó trong nhà có tiếng dột cửa.

- Chính thiếp đang dột cửa giúp bà cụ. Thoáng thấy chàng, thiếp ngừng vội để lần vào buồng.

- Sao quý nương lại làm vậy ?

- Thiếp cũng không hiểu.

- Vì sao nàng lại có ý đêm đêm xuất hiện bất ngờ trước phòng tôi ?

Mỹ nhân cúi xuống không đáp.

Chàng khấn khoản thiết tha hỏi đi hỏi lại nhiều lần, mãi sau nàng đành chịu thổ lộ :

- Thiếp vẫn không quên lời thầy số tiên đoán, nên khi gặp chàng lần đầu được trộm ngắm dung nhan ngọc bội, thiếp tự thấy như duyên trời đưa lại để thiếp không

còn là bông hoa vô chủ nữa.

Ngặt vì thân gái, lẽ đâu thiếp dám tỏ tình với chàng. Tâm linh sai khiến thiếp tìm cách xuất hiện như hồn hoa, như hồ ly, những mong sự gần gũi đó mà tiền duyên sáng tỏ, biết đâu chẳng có dịp khăng khít giải đồng.

Đặng sinh nghĩ thầm : « Ta vẫn nghe con gái Kinh Bắc có tiếng là đẹp, đa tình và thông minh, nay mới được gặp thật quả như lời. »

Ngay lúc đó trăng hạ tuần vừa nhô khỏi lùm cây, long lanh như gương bạc.

Chàng cúi xuống, thiết tha nói bên tai nàng :

- Đôi ta không mới lái mà gặp nhau, quả thực duyên trời. Ngay từ khi mới thoáng thấy áo thiên thanh, lòng tôi đã nặng u hoài. Sau này tôi quyết tìm người mới lái để cùng nàng kết duyên cầm sắt đến già. Giờ đây bướm đã gặp xuân, xin nàng chớ ngại chút tình keo sơn gắn bó.

Nói đoạn, chàng vừa định ôm lấy người đẹp thì nàng vội quỳ xuống, mặt hoa đầm lệ mà rằng :

- Được đấng quân tử thương đến hoa hèn, có khác chi chốn thâm u cùng cốc được ánh xuân quang soi tới, nhưng thiết nghĩ từ xưa thiếp vẫn phòng thu khoá kín,

nhụy thắm còn phong, sau này quả được chàng đoái thương đón thiếp theo nghi lễ thì đạo tông phu thiếp há chẳng thẹn cùng chàng trong đêm đuốc hoa hay sao ?

Đặng sinh nghe lời hoa ý gắm bèn buông tay để nàng về. Sáng sớm hôm sau chàng sang xóm cũ tìm người yêu và khuyên nàng trở lại cung thất kể sự tình với Đức vua cùng Hoàng hậu rồi xin về quê. Như vậy sẽ không lo mắc tội khi quân sau này.

Nàng vâng lời. Cả hai cúi đầu tạ ơn bà cụ rồi thẳng đường lên kinh sư.

Ngay hôm sau người con gái họ Lý gặp được Đức vua và Hoàng hậu. Nàng tái lại chuyện ngã xuống sông, may dạt vào bờ lau, rồi lên nương nhờ tại một gia đình phường Tiên Lập và gặp gỡ Đặng sinh. Nàng cúi xin Đức vua cùng Hoàng hậu cho về Kinh Bắc thăm mẹ rồi cùng Đặng sinh kết tóc se tơ...

Thấy cặp tình nhân ngộ nghĩnh đáng yêu, Vua cùng Hoàng hậu định, rồi cho lệnh nàng cung nhân họ Lý về Kinh Bắc, Đặng về Trường An, cả hai cùng đón mẹ lên kinh sư. Hoàng hậu sẽ làm chủ hôn lễ.

Đúng ngày cưới, Đức vua ban cho hai vợ chồng một đôi chiếu dát trúc, mười hũ rượu hạt hạnh cùng trăm cây bạch lập để làm lễ tơ hồng.

Tuy son phấn tình nồng mà bút nghiên không hề lãng chí, hai năm sau chàng trai họ Đặng đỗ Thái học sinh. Lập tức chàng được nhà vua cho phụng nhậm chức Đông Lộ Yên Phủ sứ ngay tại kinh sư.

Quan Đông lộ bèn điều đình với người thương gia ở phường Tiên Lập mua lại căn trại cũ. Những khi việc quan nhàn rỗi, quan Đông lộ thường cùng phu nhân về đó xướng hoạ đề ca ngợi những cảnh mây chiều, gió sớm, trúc biếc, hoa vàng. Những bài thơ như vậy nhiều lắm không sao kể xiết. Để kỷ niệm cuộc hạnh ngộ xưa, quan Đông lộ thường gọi đùa phu nhân họ Lý là Dạ Lý Lan phu nhân. Chẳng bao lâu thành tên thật.

Ngày Đinh Hợi tiết trọng xuân, năm Mậu Tý (1348) Dạ Lý Lan phu nhân mặc áo thiên thanh đến chùa Tháp Bảo Thiên dâng hương lễ Phật. Trước cảnh nắng mới chan hoà, mờ hôi làm thắm màu áo, nhìn cánh bướm chập chờn như say hương xuân muôn, phu nhân bỗng thấy sầu xuân nặng trĩu, tự nghĩ : « Bốn mùa thay đổi khiến giang sơn như viên ngọc bích họ hoà muôn màu kỳ diệu, lẽ nào cứ để hồn thơ của chồng ta bị giam lỏng mãi trong áng lợi danh, mà phụ tình với bao nước tú non kỳ ?!»

Ngay năm đó, quan Đông lộ dâng sớ xin Vua cho được từ quan, rồi cùng phu nhân dùng mái chèo thủng về thăm quê nhà, trước khi đi du ngoạn khắp các danh lam thắng cảnh, mở hồn thơ vô tận hoà với sông biển mênh mông hay với gió núi trắng ngàn.

TRÁI TIM LỬA

MÁY LỜI NÓI ĐẦU

Phải chăng ông cha chúng ta đã có lần chiếm được địa bàn núi Thái Sơn, rồi bị nòi Hán chiếm lại, và khi lui về lưu vực sông Dương Tử, lại bị nòi Hán tiếp tục uy hiếp ?

Phải chăng ông cha chúng ta đã có một ngày kia bị dồn vào một thế đầu đón phải phân đôi đoàn thể, một nửa ở lại chống trả Hán tộc đến giọt máu cuối cùng, một nửa theo đường chim Hạc đi tìm ánh sáng miền Nam ?

Gian nan lắm !

Khổ cực lắm !

Ánh sáng vô biên nào đã dẫn dắt, đã sưởi ấm đoàn người trong khoảng ngăn cách đêm trường của những khu rừng già âm u, những dãy núi hùng vĩ ?

Ánh sáng vô biên nào nhi ?

Ánh sáng vô biên nào thế ?

- Dạ thưa ánh sáng của một trái tim... Trái Tim Lửa !

Đây là giải đất chứa chan nắng vàng của một dân tộc miền Nam. Nơi đây trai gái vui hòa làm việc bên nhau

tạo

nên một nếp sống đặc biệt thi vị. Một đời sống đầy trời, đầy ánh sáng, đầy trăng sao và đầy sức mạnh. Cây cỏ phồn thịnh như nuôi dưỡng cho trí tưởng tượng của họ thêm phong phú. Họ có những câu phong dao thi tứ sao mà dạt dào, những truyện thần kỳ, tình tiết sao mà huyền ảo !

Có những đêm hè đom đóm tự đâu bay về rất nhiều, lũ trẻ con thường tụm năm, túp ba nắm tay nhau vừa nhảy theo vòng tròn vừa hát bài đồng dao truyền lại từ đời Thượng cổ như sau :

Hai tay hai gậy
Bước nhảy leo nhanh
Rừng núi gập ghềnh
Vượt theo chim Hạc
Cô, dì, chú, bác
Thất lạc sau lưng
Ta bước không ngừng
Theo ông Đom Đóm.
Ô này anh em ơi !
Hạc đi thì Hạc lại về
Theo ông Đom Đóm mưa thuận gió huề
ta ở lại đây.

Sao lời đồng dao lại gọi đom đóm bằng « ông » một cách kính cẩn như vậy ? Đó là một câu chuyện phiêu lưu thần kỳ khá cảm động.

Sự tích như sau :

Mấy ngàn năm trước, dân tộc này chưa tới đây. Hồi đó bộ lạc của họ còn tụ trên thượng lưu một con sông mà màu nước trong xanh lắm khi như lẫn với màu cỏ trên bờ, họ quen gọi là dòng sông Dương Liễu. Họ bị khổ sở rất nhiều về sự tàn bạo của một bộ lạc lớn ở bên kia sông hàng năm thường sang quấy nhiễu. Họ đã chiến đấu rất anh dũng đấy, nhưng số lượng quân địch quá nhiều khiến cái chết của họ hầu thành vô ích như gió thổi qua nhà trống.

Những mong cho dân chúng được yên thân, vị Thủ lĩnh quyết định dời bộ lạc xuống miền trung lưu dòng sông Dương Liễu. Nhưng ông đã làm một việc thất sách! Giữ miền thượng lưu ông còn giữ được ưu thế đánh chặn quân địch khi chúng đương sang sông; địch quân nay đã chiếm miền thượng lưu, chúng được lợi điểm đất liền để thừa thế tràn xuống miền trung lưu. Một lần nữa, vị Thủ lĩnh đành phải dời bộ lạc xuống hạ lưu Dòngsông-xanh. Nơi đây phía Đông là cánh đồng lầy mênh mông ngăn họ với biển, phía Nam là một miền rừng núi trùng trùng điệp điệp.

Trèo lên mà nhìn thì miền rừng núi này chạy thẳng tắp đến tận chân trời rồi mất hút vào đó, nó cũng vô tận như biển cả vậy.

Khi bộ lạc di cư tới đây thì gặp một đàn hạc lớn từ cánh đồng lầy cất cánh bay đi. Đàn hạc đông đến nỗi toán đầu đã khuất vào chân trời mà toán sau vẫn còn từ đồng lầy tung cánh bay lên nối tiếp.

Một viên tướng trẻ tuổi thuộc hàng thủ lĩnh của bộ lạc đứng lặng nhìn cảnh đó với một vẻ chú ý đặc biệt. Đã mấy lần ông giương cung bắn và những con hạc trúng tên rơi xuống, nhưng điều đó không hề làm hại đến kỷ luật, trật tự của đàn hạc bay đi. Từ đấy viên tướng trẻ tuổi thường có vẻ đăm chiêu suy nghĩ như đương toan tính một dự kiến quan trọng nào.

Qua mùa đông rét như cắt thịt tới một ngày đầu xuân ấm áp, trên trời xanh, trong nắng vàng, mọi người thấy chim hạc trở lại từng đàn tung bồng. Nhưng cùng với ánh nắng đầu xuân, quân địch tràn xuống để chiếm nốt miền hạ lưu. Toàn thể bộ lạc kháng cự kịch liệt và đẩy lui được chúng. Sau đó quân địch còn tràn xuống mấy lần nữa. Chúng đều bị thất bại. Nhưng càng thất bại chúng càng trở nên hung hãn bội phần, bởi vậy sau mỗi lần đẩy lui được chúng, số tổn thất của bộ lạc càng nặng nề.

Lúc đó vừa cuối thu, chim hạc lại về tụ tập tại cánh đồng lầy trước khi cất cánh thành hàng bay về phương Nam. Viên tướng trẻ tuổi bèn đến bàn với vị Thủ lĩnh nên lợi dụng lúc quân địch không dám tấn công vào mùa đông mà dời cả bộ lạc theo chim hạc về Nam.

Vị Thủ lĩnh không nghe.

Ý kiến đó truyền rất mau đi khắp bộ lạc. Mọi người bàn tán sôi nổi. Sau đó ít ngày bộ lạc chia làm hai phe. Một phe cương quyết ở lại chiến đấu đến cùng mong giữ lấy miền hạ lưu dòng sông Dương Liễu, một phe theo viên tướng trẻ tuổi quyết vượt núi rừng tiến về phương Nam để bảo tồn nòi giống. Những người ra đi về mặt âm thầm nhưng dáng đi cương quyết và hùng dũng. Họ ca câu : « Chân cứng... đá mềm. » Họ mang theo những hạt cỏ lưu ly để đánh dấu đường. Thứ cỏ này khi mọc lên, ban đêm hoặc trong bóng tối, lá sẽ phát ra ánh sáng. Họ ân cần hẹn những người ở lại : khi nào không thể chống nổi kẻ địch thì lần theo đường cỏ lưu ly mà tìm về phương Nam.

Những người trẻ tuổi thay phiên nhau theo viên tướng đi trước để phá cây dọn đường. Những người nhiều tuổi, đàn bà và trẻ con đi vào khoảng giữa. Toán đi sau cùng hộ vệ gồm toàn những người trẻ còn lại. Họ có nhiệm vụ nâng đỡ những người yếu sức. Đến chặng nghỉ nào, đoàn người trẻ tuổi ủa nhau vào sâu hai bên rừng sẫm

thú, đào củ mài cùng hái quả cây bột gạo nạo ra lấy bột nướng thành bánh.

Càng đi vào sâu, rừng càng rậm, đất càng lầy. Có khi đi hàng mấy ngày trời trong rừng tối mới thoát ra để gặp được một thung lũng nhỏ với chút ánh sáng yếu ớt, liền sau đó đoàn người lại chui vào rừng.

Tiến, tiến mãi ! Nơi núi cao thì đá tai mèo lởm chởm, nơi thấp thì bùn ngập có khi đến ngực. Nhiều khi không săn được thú, họ đành ăn củ mài trừ bữa, trường hợp củ mài cũng không, đoàn người đành ăn củ chuối cầm hơi. Họ tiếp tục vượt hết khu rừng này sang khu rừng khác. Lòng náo nức buổi đầu khi ra đi đã suy giảm nhiều. Nhưng viên tướng trẻ tuổi vẫn dẫn đầu băng băng ! Lòng hy sinh của Người hầu như không bờ bến, niềm hy vọng của Người tràn ngập ở khóe mắt và lòng tin tưởng của Người vững như núi. Mỗi khi nghe tiếng Người truyền lệnh vang lên sang sảng, đoàn người cảm thấy ấm lòng và tiếp tục tiến... tiến mãi.

Đã có những đứa trẻ bị sâu rừng đốt chết. Đã có những cụ già đuối sức chết vùi thân dưới lớp bùn lầy. Đoàn người ra đi cơ hồ thấy lòng nặng trĩu u sầu, chán nản... Viên tướng dẫn đầu dáng điệu cương quyết mà thân yên, vì ông đặt bao hy vọng vào sức sống tràn trề của nửa đoàn thể theo ông quyết tiến về phương Nam lập quốc.

Và mọi người tiếp tục tiến... tiến mãi... Có những khu rừng rậm họ phải đi mất nửa tháng mới ra khỏi. Đã có những người lớn lên con sốt rồi chết vùi dập trong bụi cây, toán hậu vệ đi qua mà không biết. Đoàn người bắt đầu nghi ngờ trí sáng suốt của viên tướng và một thiếu số tự hời đã quá đại dột theo một tên điên. Tiếng thì thầm truyền qua các cửa miệng...

Viên tướng vẫn điều khiển đoàn người dẫn đầu, ra công phá cây dọn đường.

Đã có những người chết vì dịch tả, cùng các bệnh thời khí khác. Đoàn người vừa đi vừa nguyên rửa gân như công khai, « Thăng điên cầm đầu. »

Núi tiếp núi...

Rừng tiếp rừng...

Như không bao giờ hết !

Viên tướng vẫn dẫn đầu, giữ vững hướng tiến về phương Nam. Những người già đã chết hết. Trẻ con chỉ còn lơ thơ một vài đứa vào hạng sức vóc vạm vỡ. Những người đàn bà trẻ và khỏe đều đã có mang. Mọi người lặng lẽ đi, lòng căm hờn uất hận « Thăng điên cầm đầu... » Bỗng một ngày kia, trong lúc đang đi dưới rừng rậm, họ nghe văng vẳng có tiếng chim hạc kêu ở trên cao. Tiếng kêu xa dần ngược với chiều họ đi. Ai nấy đều biết đã sang tiết xuân. Những người đàn bà ôm

mặt khóc nức nở, vì họ nghĩ : chim hạc giờ đây đang tiến về quê hương, mà họ thì càng ngày càng xa quê hương để tiến về một phương trời vô định.

Lửa căm hờn bốc cháy ở tia mắt những người đàn ông, chính đã nhóm khởi từ những giọt nước mắt của những người đàn bà. Vừa lúc đó họ ra khỏi rừng để tiến vào một thung lũng tương đối rộng hơn mọi thung lũng mà họ đã gặp. Tất cả mọi người bảo nhau dừng lại. Viên tướng truyền lệnh thúc giục họ đi.

Một thanh niên hầm hầm tiến lên nói :

- Ông là một tên điên ! Chúng tôi ngu dại mà theo ông. Biết nông nổi thế này chúng tôi đã ở lại để được chiến đấu bên Thủ lĩnh, dù có chết cũng còn hả lòng hả dạ và không xấu hổ là đã bỏ nhau trong cơn nguy biến.

Đôi mắt viên tướng vẫn ngời tia sáng tin tưởng ở kết quả viên mãn sau cùng. Ông nhìn đoàn thể như muốn truyền cả hy vọng tràn trề nơi ông sang họ. Ông nói bằng một giọng vô cùng thiết tha :

- Một nửa anh em chúng ta đã ở lại hy sinh chiến đấu. Vì họ mà chúng ta đủ thì giờ vượt khỏi miền rừng núi này. Tất cả mọi người phải đi ngay ! Phương Nam ám áp phì nhiều đương chờ chúng ta. Núi rừng này sẽ hoàn toàn ngăn cách chúng ta với quân địch hung bạo. Tất cả

mọi người nghe tôi hãy đi ngay ! Đi ngay !

Tiếng đàn bà nức nở. Một chàng trai trẻ khác tiến lên nói :

- Hết khu rừng này đến khu rừng khác, hết đèo này sang đèo khác, chúng tôi còn theo ông, chúng tôi sẽ vùi thân đến người cuối cùng.

Viên tướng hét lên :

- Phải đi ngay ! Tôi vẫn giữ vững hướng đi về Nam. Rừng núi tuy trùng điệp nhưng không phải là bất tận, phải đi ngay để sớm tới đích. Ở lại miền thung lũng bùn lầy này mới là tự sát.

Tiếng đàn bà càng nức nở, và những người bụng mang dạ chứa ngòi thục xuống. Tất cả trai trẻ bảo nhau nhất quyết không đi. Viên tướng gầm lên như hổ, mắt quắc sáng ra lệnh đánh thép bắt họ phải đi. Một thanh niên trong đoàn tiên phong, sẵn con dao phạt cây lăm lăm trong tay bèn nhân lúc ông đi ngang qua, vung lên rồi bỏ thẳng xuống. Đường dao đi hơi chệch nhưng cũng trúng đích. Một mảng sọ bắn ra xa. Lưỡi dao còn phập sâu vào bả vai !

Viên tướng ngã xuống, máu chảy như suối, đầu hướng về cố hương nhưng mắt vẫn nhìn về phương Nam, sáng lên những tia lửa cuối cùng tràn ngập hy vọng. Ông cố

nói với mọi người bằng một giọng thật dễ dàng :

« Anh em hãy bầu một người khác thay tôi ! Chắc chắn đường không còn bao xa nữa. »

Nghe giọng nói đầm ấm, thuận thực, ai nấy đều thấy rõ viên tướng hoàn toàn tha thứ cho kẻ cố tình giết ông, và ý chí quyết liệt cuối cùng của ông vẫn là tiến về phương Nam.

Gần đó có một hồ đá. Người ta mang thi thể ông đặt xuống rồi phủ đất lên. Cũng có nhiều người thấy hối tiếc việc đau thương vừa qua và hầu hết đều ngầm nhận thấy rằng tiếp tục đi về phương Nam là phải, nhưng không một ai có đủ tin tưởng và nghị lực đứng lên cầm đầu. Những người đàn bà đều đã ngồi thụp cả xuống bên gốc cây. Tiếng khóc rên rỉ. Mọi người đành quyết định ở lại thung lũng đó, phá rừng vỡ nương.

Mùa thu tới có tiếng chim từ xa vọng lại, nhíp nhàng và ngân nga. Mọi người ngẩng đầu lên. Một vạn lý trường thành trắng phau đang di động trên trời : đã tới mùa chim hạc về Nam ! Điều này càng nhắc họ nhớ tới vị thủ lãnh trẻ tuổi cùng lời trời trăng :

« Anh em hãy bầu một người khác thay tôi ! Chắc chắn đường không còn bao xa nữa. »

Bây giờ họ càng thấy thái độ cương quyết của ông là đúng. Nơi thung lũng bùn lầy nước đọng, quanh năm sương muối, bốn bề rừng núi âm u này quả không phải là nơi sinh cơ lập nghiệp được. Không khí quá ngột ngào về mùa hạ và buốt thấu xương về mùa đông khiến sức chịu đựng của họ suy giảm đi rất nhiều. Bệnh mê sảng, bệnh kiết ly, bệch dịch tả... thay phiên nhau hoành hành. Đến mùa xuân năm sau, nghĩa là mùa chim hạc từng đàn trở lại đất Bắc, thì số người sống sót so với lúc khởi hành chỉ còn một phần tư. Thực đáng thương! Thấy chim hạc bay về Bắc, họ biết là mùa xuân tới, còn cuộc đời họ trong thung lũng này làm gì có mùa xuân. Tuy biết vậy mà không ai đủ tự tin, đủ kiên nhẫn đứng lên cầm đầu để tiếp tục tiến về Nam. Một buổi chiều kia họ thấy có mấy người từ trong rừng nhô ra, vun vút tiến lại gần. Thì ra đó là những chiến sĩ đã ở lại chiến đấu bên vị Thủ lĩnh để cố giữ lấy miền hạ lưu dòng sông Dương Liễu. Cả một đoàn thể hầu như bị tận diệt. Dòng sông xanh đỏ ngầu máu và chất ngập xác những kẻ chiến bại. May mắn mấy người này lọt khỏi vòng vây địch, lặn vào rừng rồi theo vết ánh sáng của lá cỏ lư ly tới đây. Trong số đó có một người bị kiệt sức, ngã xuống ngát lịm, đến tối thì tắt thở. Đoàn thể cho đem chôn ngay. Người mang xác nạn nhân đi đầu để ý thấy phía trước mặt có một khoảng sáng lấp lánh. Tiến lại gần cả bọn nhận ra đó là một vũng nước trong

phản chiếu ánh sao trên trời. Tiễn thể họ đào sâu thêm khoảng đó định để làm huyệt chôn người xấu số. Chợt nhất cuộc của họ vấp phải đá. Có bộ xương người lộ ra. Bói thêm đất họ thấy khoảng dưới lồng ngực bộ xương một khối rắn hình trái tim có phát ra những tia sáng chói lọi và ấm. Đến lúc đó một người trong bọn mới nhận ra là họ đã đào lầm mả viên tướng thủ lĩnh.

Sau khi đã lấp lại mả, và chôn người mới chết ở một nơi khác, họ mang trái tim lửa về.

Thật ra, trong thâm tâm, mọi người đều đã quá chán cảnh thung lũng này, một cảnh chỉ có bùn lầy lội mà chẳng có sông cho mát mắt; bốn bề núi rừng vây kín như bưng mà chẳng có một chút chân trời cho thoải mái tâm hồn. Thấy trái tim sáng chói mang về họ cho là điềm lành. Họ quyết định dời khỏi thung lũng ngay hôm sau, cử một người đi đầu cầm trái tim soi sáng.

Họ tiếp tục tiến về Nam !

Càng tiến sâu về Nam rừng càng rậm, càng nhiều thú dữ cùng rắn độc. Đoàn người điềm nhiên vung dao thẳng tiến. Những người đàn bà can đảm ôm chặt con thơ trong lòng, thoăn thoắt bước nhanh. Trước họ vẫn là đoàn người đi đầu để phá cây dọn đường. Sau họ vẫn là đoàn người hậu tập với nhiệm vụ hộ vệ nâng đỡ những người rủi ro gặp nạn trên đường trường, tất cả

tiến theo ánh sáng của trái tim lửa ! Vượt hết khu rừng này sang khu rừng nọ, càng đi càng dẻo chân, đoàn người tưởng như không còn bao ngày nữa họ sẽ thoát khỏi miền rừng núi quái gở này để nhìn thấy cánh đồng đầy ánh sáng của phương Nam. Họ bỗng chui vào một khu rừng rậm ngoài sức tưởng tượng của con người. Họ phải thường xuyên cúi khom người xuống mới đi được. Rễ cây chằng chịt, gai góc mọc đầy bốn phía, rần rết hầu như lúc nhúc dưới làn lá mục.

Họ đi trong hãi hùng như vậy đã bao nhiêu ngày qua mà vẫn chưa tới cửa rừng để gặp một thung lũng khác như thường lệ.

Có những quãng đường họ phải bò rạp xuống lần theo rễ cây chằng chịt mà tiến. Lắm khi họ yên lặng, rừng mình rụt vội tay lại vì đáng lẽ vịn vào rễ cây họ đã vịn nhầm phải một khúc mềm mà họ biết là trăn rừng.

Rừng càng rậm rạp bội phần rồi kín như bung. Đoàn người có cảm tưởng như đang đi vào Địa Ngục. Ánh lửa của trái tim vẫn chập chờn dẫn đầu trong bóng tối của rừng sâu.

Lại mấy ngày nữa qua. Rừng càng sâu hun hút, ánh sáng trái tim lửa càng tăng phần rực rỡ. Nhưng, những bước chân nhằn nại nhất, can trường nhất cũng đã thấy rã rời. Ở họ hy vọng một mảnh đất phì nhiêu chan hòa

ánh sáng hoàn toàn tiêu tan. Họ hô gọi nhau dừng lại. Ai nấy tự nhủ thầm : « Lần này ngày tận số thực đã đến! »

Đa đoan thay con Tạo ! Một nửa đoàn thể đã bị tận diệt dưới dòng sông xanh, nay đến lượt nửa đoàn thể ra đi bị chôn sống dưới rừng !

Bỗng trong bóng tối đen kịt có tiếng thét căm hờn :

- Nó là tên phù thủy gian ác ! Chính linh hồn nó đã dẫn chúng ta đến đây để trả thù cái chết của nó !

Ai nấy đều biết « nó » đây ám chỉ viên tướng thủ lĩnh. Lời nói dứt, người đi đầu ném mạnh trái tim lửa xuống đất. Một số người xô vào định giầy xéo cho kỳ nát trái tim. Nhưng gót chân đầu tiên vừa chạm tới, trái tim bỗng tóe ra bốn phía thành muôn ngàn con đom đóm. Những con đom đóm đó bay về phía trước, tụ lại thành hình một trái tim lớn có một cái đuôi ánh sáng rực rỡ chiếu về phía mọi người như thể một vì sao chổi vừa tụ trên trời rụng xuống.

Mọi người lấy làm lạ tiến lên thì đàn đom đóm như chạy trốn. Họ hăm hở tiến nhanh hơn, ánh sáng cũng tiến nhanh. Ánh sáng chập chờn trong bóng tối thăm thẳm của rừng càng như thôi thúc, như khiêu khích, như hấp dẫn, như thôi miên. Đoàn người khi đó chỉ còn biết miết mãi đuôi theo trái tim lửa nửa mê, nửa tỉnh.

Chợt đàn đom đóm vút bay nhanh về phía xa rồi tóe ra bốn phía, phút chốc mờ biển đầu mắt cả. Mọi người chạy ò lên. Họ thấy đường dễ đi dần, chân đã được dẫm lên đất khô. Rồi một tiếng thét vui mừng :

- Ánh sáng !

Và tiếng khóc nức nở.

- Ánh sáng phương Nam đây rồi.

Một lát sau đoàn người đã ra khỏi rừng. Trước mặt họ, cả một cánh đồng phù sa mênh mông chào đón, khoảng giữa có con sông cuộn cuộn chảy, màu nước đỏ hồng. Xa xa thấp thoáng rặng núi đá màu trắng loang lổ. Và xa hơn nữa họ thấy sóng nước nhấp nhô của một mảng biển. Họ ngàng nhìn trời : màu trời xanh thẳm, đây đó một vài đám mây bạc trôi lững lờ. Quả thực họ đã tới nơi mong ước !

Đây là ánh sáng phương Nam !

Đây là đồng ruộng phương Nam !

Đây là núi, rừng, sông, biển phương Nam !

Miền rừng núi khủng khiếp phương Bắc kia suýt nuốt sống họ ! Nhưng nắm được cơ sở phương Nam, thì khu rừng đó chẳng còn gì là nguy hiểm. Trái lại, sau đó họ đã từng hàng ngày tiến sâu vào rừng đốn gỗ mang về làm nhà. Họ đã tiến sâu vào rừng để săn hươu nai làm lương

thực, bắt sống trâu rừng, mèo rừng, chó rừng mang về uồn nắn, nuôi dạy thành giống vật trong nhà. Họ đã cùng với một thiểu số dân bản xứ kết hợp lại thành một bộ lạc mạnh. Qua bao gian nguy, thử thách, cùng những lỗi lầm đáng tiếc, chí anh hùng lòng quả cảm ngày nay càng ngời sáng trong tâm hồn cương nghị mà thanh tao của họ. Những người đàn bà đã ôm con vượt rừng rậm núi cao đó nay thành những người vợ hiền mà trí minh mẫn, đức nhẫn nại, và tài tháo vát khó có đàn bà nơi nào bì kịp.

Bây giờ thì họ ít còn thấy ốm đau nữa. Họ đã dạn dày sương gió lắm rồi. Bệnh mê sảng cũng như các bệnh dịch ngày nay thực khó mà lay chuyển nổi cơ thể vững chắc như cột đồng của họ. Con cháu họ kể từ đây cũng thừa hưởng được ưu thế về thể chất đó.

Họ cày ruộng, gieo lúa.

Lúa ngập bờ xanh. Lúa trĩu bông vàng.

Họ quăng lưới dọc theo dòng sông, ven theo bờ biển. Sông dài biển rộng tỏ ra rất đại lượng với họ. Mẻ lưới kéo lên, gong vó cong trĩu và những con cá lớn uồn mình rẩy lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Cây họ trồng lớn lên xanh như rừng với những trái thơm ngọt ngào, trái chua quýt rữ...

Có tới hàng trăm loài hoa màu sắc khác nhau, hương thơm khác nhau không ai trồng mà mọc khắp nơi nơi.

Bộ lạc ngày một phồn thịnh. Dòng sông đỏ, đời này sang đời khác cần cù chở phù sa về cánh đồng miền Trung châu.

Họ tiếp tục mở rộng mãi bờ cõi ven theo biển. Một ngàn năm sau, bộ lạc đã thành quốc gia. Một ngàn năm sau nữa, quốc gia này đã tiến tới điểm cùng tột của mầu đất liền nhô ra biển. Đến nay lịch sử dân tộc tính ra đã bốn ngàn năm có lẽ rồi, trong khoảng thời gian đó biết bao phen họ vừa mở mang, tu sửa bờ cõi vừa chống nhau với kẻ thù cũ. Nguyên là người phương Bắc sau khi chiếm hết dòng sông Dương Liễu bèn cử đại quân phá gấp một đường xuyên qua rừng, định tràn xuống thôn tính nốt miền Nam. Để đối phó lại, lần nào cũng vậy, thoát đầu họ tránh về những nơi hẻo lánh đợi một thời gian sau, khi đoàn quân miền Bắc đã chết vãn đi vì bệnh sốt mê sảng, vì kiệt lực, vì dịch hạch, dịch tả, lúc đó họ mới từ bốn mặt ủa ra đánh một đòn quyết định khiến quân địch tơi bời, mảnh giáp chẳng còn, mảnh ai nấy kiếm một đường máu mà lui về nước. Các cụ già gọi kẻ địch bị nhục điểm « thủy thổ bất phục ».

Các thi sĩ, cầu kỳ hơn, giải thích rằng : Dân tộc họ đến được miền Nam là theo ánh lửa thiêng của trái tim, còn kẻ địch tràn xuống miền Nam là theo tiếng gọi của lòng dục như bản. Như vậy địch thắng sao nổi họ ?

Và cứ mỗi mùa hè, ban đêm, nhìn đom đóm bay trên cánh đồng, người dân tưởng như sắp được gặp hồn viên tướng thủ lĩnh, một đấng anh minh, kiên nghị đến chết rồi mà trái tim với bao dũng cảm và tình yêu còn soi sáng cho đồng loại vượt khỏi núi rừng âm u.

Trong khoảng im lặng hoàn toàn của canh khuya, những ánh đom đóm như thốt ra thành âm thanh êm ả, nhịp nhàng. Có đêm hè đom đóm bay về nhiều vô kể, sáng ngời như cả một mảnh vũ trụ sao vừa rụng xuống. Đến khi khối ánh sáng mênh mông ấy bay ra giữa sông cho ánh nước phản chiếu thì thực cả một cảnh huyền ảo như hư, như thực. Người dân chợt thấy đêm hè tràn ngập hồn thiêng, hồn thiêng của những người chết trên dọc đường Nam tiến, hồn thiêng của cả một nửa đoàn thể ở lại chặn địch để bị tận diệt dưới dòng sông Dương Liễu. Những hồn thiêng đó về đây vào những đêm hè này, mở hội hoa đăng, mừng đàn con cháu, qua bao gian lao nguy hiểm đã lập được một giang sơn bền vững tại một nơi có đủ biển, núi, sông, đồng ruộng và ánh sáng.

CÁNH ĐỒNG XANH

Tôi cùng người yêu rời khỏi phòng hòa nhạc mang theo thể giới âm thanh ra ngoài đường, định vào thăm thể giới màu sắc của anh bạn. Quá tin ở « tay trong tay nắm vững », mãi vui nhìn nhựa đời chan hòa, vừa tới cửa triển lãm, tôi lạc mất người yêu !

Niềm vui thơ ấu cùng nụ cười ngợ hào quan vụt tắt. Không khóc mà ghen ngào nơi cổ. Thoáng có dáng ai thon thon nghiêng nóm ngả người, thoáng có đôi mắt đẹp nào đen láy hoang vu, thoáng có đôi bàn tay nào hiền nhỏ, trắng muốt và ngỗ ngang trong nắng nhòa. Đi giữa đường trưa mà sao gió trắng hờ hững, vẫn chạm vai người đô hội mà sao hoa cỏ ngậm ngùi ? Tôi còn đứng giữa dòng đời mà tưởng như đã về nằm thao thức mấy đêm trường chờ mong nửa cuộc đời thất lạc.

Tôi bước vào phòng triển lãm cô độc vô cùng. Nhưng tôi bắt đầu mở hết giác quan để thăm dò các bức tranh của bạn.

Ánh sáng xanh biếc của hàng trăm chiếc đèn lần theo dọc tường mà sao vẫn âm u ? Có lẽ ánh đèn bị át bởi những đường ánh sáng đan nhau, thoát ra từ những bức họa gần nhất.

Thoạt tiên tôi vào khu ấn tượng, sắc màu hòa hợp, cành cây nghiêng ngả thổi gió vào hồn.

Tôi sang khu biểu tượng. Ở đây màu sắc đương cự mình muốn thoát khỏi lý trí để tìm cách hòa mình vào siêu hình.

Tôi bước sang khu trừu tượng : muôn vàn đường ánh sáng giao nhau trên những cửa sổ của tâm hồn.

Sang khu siêu thực, tôi thấy bốt choáng váng. Tâm hồn tôi trầm tĩnh hơn khi ngắm bức họa một nông phu chột nhỏ bé, nằm giữa rừng hoa cỏ vút cao như những rừng cổ thụ. Tôi ngắm bức họa một người đứng giữa không trung, trước hai trang sách lớn trắng xóa không có chữ, bên dưới là hình đám đông nghiêng ngả. Tôi ngắm bức họa một người đàn bà mặc váy có gai, ngồi trên một chiếc xe bánh vuông, đằng sau có con hươu sao, cổ đương bốc cháy.

Tôi trở về cô quạnh, nghẹn ngào. Trong trạng thái nửa mơ, nửa tỉnh tôi thấy mình biến thành một hoàng tử của thời xưa, đi lang thang trên một cánh đồng xanh, một màu xanh thơ ngây và gặp một đôi trai gái dắt tay nhau đi trong ân tình. Họ bước khoan thai, nhịp nhàng. Họ không nhận thấy tôi, hình như họ mãi nhìn một cái gì vô hình. Thốt nhiên họ reo cười vì họ gặp trên đường đi một cụm hoa tầm xuân. Tôi thoáng thấy đôi má người

con gái ánh đỏ màu ráng chiều, đôi mắt thì đen láy thơ
ngây như mắt chim khuyển. Nhớ câu ca dao đã thuộc
thuở nào :

Nụ tâm xuân nở ra xanh biếc
Em có chồng anh tiết lấm thay

Chợt đôi trai gái - đúng lúc họ cúi xuống nhìn hoa -
biến thành hai bông tâm xuân.

Tiếng cười khanh khách ! Họ đã trở lại thành người
và quanh vào một lối mòn đất đỏ, dưới hàng thông cao
vút.

Tôi theo họ - đúng hơn, tôi theo tiếng cười khanh
khách của người con gái - mỗi khi họ dừng lại cúi xuống
ngắm cụm hoa nào, lập tức họ biến thành thứ hoa đó.

Tôi theo tiếng cười đi sâu vào một cánh đồng xanh
khác có người nông phu đương vừa cất tiếng hát hồn
nhiên vừa miết mả cuốc đất làm mùa. Quanh tôi mùi
hương cau quỵện với hương lúa, hương tre thành một
hương phấn đồng quê thanh khiết vô ngần.

Sau một lúc làm việc mệt, người nông phu quẳng
cuốc ra giữa ruộng, lại nằm xoài trên bãi cỏ gần đấy.
Đôi trai gái đã khuất nẻo nào mất rồi. Không còn nghe
thấy tiếng hát cùng tiếng cười

trong trẻo, tôi thấy cô đơn. Tôi muốn tiếp tục được nghe tiếng người. Tôi tiến nhanh về phía bờ cỏ, định bụng làm quen với người nông phu, nhưng khi tới nơi chỉ thấy bãi xanh bát ngát, ánh sáng xuyên qua cỏ non thành từng vùng hào quang xanh lồng lộng. Các hoa cỏ xinh như những tiểu thiên thần đương đùa với gió. Tôi biết rằng người nông phu đã biến thành một trong những hoa cỏ đó. Nhìn ra thửa ruộng đương làm dở, cái cuốc vẫn còn kia.

Tôi ngao ngán tiến theo đường dốc, leo lên sườn núi tới trước một cửa động có ông già kỳ dị, vẻ mặt chán chường. Tôi toan quay trở về cánh đồng xanh nhưng thấy hình động là lạ bèn ở lại ngắm. Cả một vùng cao ngất, đá xếp thành từng lớp xòe ra, lấp lánh như vậy rỗng. Xung quanh động, phần ngoài cùng là khoáng đá màu nâu tím, phần dưới là đá bạch ngọc, rờn rờn tỏa hào quang. Đứng chính giữa động nhìn vào thấy các nhánh dài cắm thạch nối nhau vào sâu thăm thẳm, xung quanh tua tủa hiện lên hình những kim lớn trong suốt, đầu có nạm vàng. Ánh sáng lúi vào sâu để rồi mờ dần trong một vũ trụ kỳ ảo khác. Có mùi hương lạ phiêu diêu, có tiếng gì trong như tiếng hạc. Tôi tiến lên hỏi ông cụ xem có được vào động chẳng ? Ông cụ trao cho một chiếc đèn lồng, ánh sáng tỏa ra từ một viên ngọc, gọi là « đèn sao » và nói cho tôi hay ai cũng vào thăm Động Hoa Quỳnh được, nhưng phải ra bằng lối khác.

Tôi cầm đèn lách qua khe nhỏ những kim trong suốt đầu nạm vàng, đồng thời phải lấy tay rẽ những lá gai cỏ sắc bên dưới mới tiến được vào động. Tiếng hạc trong vắng vắng trước đây và biến thành một thứ tiếng hỗn loạn như thác vỡ bờ. Tôi muốn lùi ra, nhưng mũi nhọn của lá gai cỏ sắc hướng vào trong động cả nên đành dùng ánh sáng cây đèn lồng tìm lối ra cửa khác. Rõ ràng tôi vào một thế giới kỳ lạ. Trong tiếng ồn ào tôi đã phân biệt được tiếng cười tiếng nói. Ánh sáng thanh thiên bạch nhật không còn, chỉ còn ánh sáng lờ mờ của thạch nhũ làm nền cho hàng hà sa số những điểm sáng nhỏ khác tụ nhau thành từng khoảng. Sao trên trời cũng chỉ nhiều đến thế là cùng. Tôi tiến tới một vùng chấm sáng gần nhất. Thì ra đó là những ngọn đèn lưu ly như ngọn đèn tôi cầm. Tôi thấy một đám đông hình người hư ảo. Xung quanh đám đông và trên các thạch nhũ rủ xuống, đều có treo đèn lưu ly. Đứng chính giữa đám đông là một người đàn ông không ra già, không ra trẻ, đầu bù tóc rối, mặt mũi hóc hác, tay cầm một cuốn sách.

Thấy tôi cầm đèn tới, ông rẽ đám đông tiến lại nói :

- Bạn vừa ở chôn thế nhân vào đây ? Ha ha, hay lắm! Bạn hãy nhập bọn này nghe tôi đọc thơ, lời thơ muôn thuở, sáng như sao băng.

A ! - tôi nghĩ thầm - thì ra vĩ này là thi sĩ !

Vốn có cảm tình với thi sĩ, tôi giơ tay ra nắm lấy tay người, nhưng chỉ thấy mình nắm vào khoảng không.

Thi sĩ cười, rồi giải thích :

- Tôi và tất cả những người yêu thơ đây không còn hình hài nữa, cho nên những ngọn đèn lưu ly đều đẽ xung quanh hay treo trên nhũ đá. Nhưng nguồn cảm hứng cũng như tình yêu thơ của chúng tôi bất diệt. Bạn hãy nghe đây.

Thi sĩ mở sách đọc cho tôi nghe một bài thơ. Cứ dứt mỗi câu, đám đông đồng thanh nhắc lại, nghe như bài thánh ca. Lời thơ thanh cao nhưng ý thơ lơ lửng giữa từng mây. Tôi nghe không thấy một câu nào bắt nguồn ở cuộc đời.

Tôi nghĩ thầm : Mình nhập bọn này, theo ngọn đèn lưu ly trên nhũ đá, rồi linh hồn thoát xác, rồi vĩnh viễn nghe lời thơ vẽ mây gió trong không, vẽ trăng sao trên trời, thì chẳng hóa buồn lắm ru !

Và tôi xách đèn đi vội như chạy.

Tôi sang vùng đèn lưu ly khác. Ở đây có một triết nhân râu tóc bạc phơ nằm trên một quyển sách lớn. Vừa lúc đó, ông mở sách viết thêm một dòng tư tưởng rồi cao giọng đọc, tiếng sang sảng. Đám đông lớn tiếng đọc theo rồi rì rầm nhắc đi nhắc lại cho kỳ đến thuộc

lòng. Thoáng thấy tôi, triết nhân vắt chân chữ ngũ, vẻ mặt càng thêm kiêu kỳ.

Ông hắt hàm hỏi :

- Người ở chôn thể nhân vừa tới kia, hãy nhập bọn môn đồ mà học lấy những tư tưởng hoa gấm của ta.

Tôi thưa lại :

- Dám hỏi ngài ngòi đây thì làm sao mà tư tưởng của ngài giúp ích cho đời được ?

Triết nhân đáp :

- Tư tưởng ta siêu thời gian, siêu không gian. Ta nghĩ ở đây, nhưng luồng tư tưởng đi thẳng về cuộc đời. Mai đây tất cả thể nhân đều thuộc lòng từng trang sách của ta.

Tôi xách đèn lẳng lặng ra đi sang một vùng ánh sáng khác. Ở đây mọi người đều ăn mặc tề chỉnh đứng xúm quanh một người đáng uy nghi chững chạc hơn cả.

Người đó giơ tay về phía tôi nói bằng một giọng nghiêm trọng :

- Hỡi người ở chôn thể nhân vừa tới kia, hãy dừng đây, vuốt lại nếp quần, xóc lại tấm áo cho tề chỉnh. Người không biết rằng người đương tiến vào khu vực

của Đạo Đức ?

Tôi nghĩ thầm : Ở chốn thế nhân, cảnh người cha lam lũ người mẹ cực nhọc để nuôi con hay cảnh những trẻ thơ lam lũ để nuôi cha mẹ tàn tật, còn đẹp gấp ngàn vạn lần khu Đạo Đức này.

Tôi lẳng lẳng xách đèn đi sang vùng đèn lưu ly khác. Tôi gặp một ông già mắt sáng quắc đứng trên một chông sách dầy, tay cầm một quyển khác đang viết dở.

Thấy tôi đến ông vẫy tay gọi :

- Người ở chốn thế nhân vừa lên kia, hãy kể lại cho ta nghe những việc vừa xảy ra nơi người ở. Ta chép sử muôn đời của nhân loại.

Tôi thưa lại :

- Dám hỏi, ngài chỉ việc ngồi đây mà ghi được sử muôn đời của nhân loại ?

- Chứ sao ! Mỗi đồ đệ quanh ta đều có mang vết tích của thời đại.

Có tiếng hô « Đả đảo ! Muôn năm ! » ở gần đấy.

Sử gia chú ý lắng nghe rồi nói với các môn đệ :

- Các con ơi, bao giờ xã hội nhân loại được tổ chức khéo như thế thì mới có hòa bình vĩnh cửu được.

Tôi đi vội sang phía đó để xem gương mẫu của « hòa bình vĩnh cửu ».

Khu vực ánh sáng lưu ly này rộng mênh mông. Ở đây người ta phân chia ra từng toán nhỏ để học tập. Một toán học về cách sử dụng từ ngữ mâu thuẫn. Tôi nghe loáng thoáng những tiếng :

- Hãy bảo vệ hòa bình bằng chiến tranh !
- Hãy giết tất cả để bảo vệ sự sống !
- Hãy đề cao lãnh tụ để phục vụ nhân dân.
- v.v...

Một toán khác đang tập diễn thuyết. Họ vung tay đá chân, họ quay sang tả, quay sang hữu, họ phùng mang trợn mép ghép những lời mâu thuẫn thành một bài diễn văn.

Một toán khác tập cười.

Một toán khác tập khóc.

Một toán khác tập giận dữ.

Đúng vào khoảng giữa đám người mênh mông đó

là một tên to đầu, mắt sâu, râu rậm. Tay hắn cầm một chùm còi. Hắn đưa mắt kiểm soát. Thình thoảng hắn rảo bước tới một toán, chỉ dẫn chỗ sai lầm và bắt tập lại. Nhiều khi hắn vừa tới gần một toán nào, mọi người trong toán đó cùng giơ tay hô « Muôn năm ! » để hoan nghênh hắn. Tôi thấy hắn giật mình, dừng lại ngơ ngác một giây, rồi mới đi. Tôi thừa biết hắn giả vờ thế. Hắn nhìn tôi một cách rùng rùng chứ không có thái độ chèo quéo như những người tôi đã gặp trên.

Hắn bỗng vượt râu mép, lảm bảm (hắn đứng ở xa thế mà tôi cũng nghe rõ) :

- Đời là thế đó, rồi chúng bay phải gia nhập nơi này hết các con ạ !

Rồi như để tỏ uy quyền của chính hắn, hắn đưa chùm còi lên miệng. Một tiếng còi the thé. Ai nấy ngừng mọi công việc học tập. Chờ đợi.

Hai tiếng còi ngắn gọn vang xé bầu không khí. Lập tức cả đám người mênh mông cùng giơ tay lên hò vang trời : « Muôn năm ! »

Ba tiếng còi ngắn gọn vang lên. Cả đám đông cùng giơ tay hô đều : « Đả đảo ! »

Hắn thay còi khác, thổi một tiếng dài. Cả đám đông lẳng lẳng cúi đầu. Những tiếng thổi dài cùng thoát ra một lúc nghe như gió tự Âm ti thoảng lên. Hắn thay cái còi khác, tiếng còi lạnh lạnh liên tiếp như tiếng tiền đồng gieo xuống một mâm thau. Lập tức đoàn người hung hăng khoa chân, múa tay, phùng má, trợn mép làm điệu như chửi rửa ai. Bọt mép sùi trắng xóa nước dãi bắn ra như mưa. Tôi hoảng hốt sờ lại người, thấy vẫn khô ráo mới yên lòng.

Một tiếng còi lạnh lạnh khác kéo dài, lập tức đoàn người vỗ tay, co chân, nghiêng người vừa ca vừa nhảy theo một nhịp liên hoan...

Đó là cái xã hội trật tự gương mẫu cho nhân loại theo lời giới thiệu của sử gia. Tôi xách đèn sang khu có bầu không khí êm tĩnh hơn. Đó là khu tôn giáo. Những người cầm đầu các giáo phái thay phiên nhau đứng lên thuyết phục tín đồ. Cuộc tranh chấp trên giáo lý nhiều khi đưa đến xô xát lớn. Những lúc đó thì tiếng ồn ào của khu này có thể to gần bằng khu « xã hội gương mẫu ».

Còn nhiều khu đèn lưu ly nhỏ khác, nhưng vì đã quá mệt mỏi tôi chẳng thiết tạt vào thăm họ nữa. Tôi nghĩ cái động của bao ngành trí thức này đâu phải là nơi mình dừng chân để chết đi ở đó. Tôi tìm ra khỏi động để trở về với cánh đồng xanh, thăm ao ước các vị thi sĩ, triết nhân, sử gia cũng làm như vậy. Cái kiêu hãnh nặng

nè, ngu muội đã xui họ ở lì vĩnh viễn nơi đây, kết nạp môn đồ mà xung hùng xung bá. Đến tên đầu đảng cầm còi cũng kiêu hãnh đặt bản doanh trong động, thực mĩa mai thay !

Tiến theo một lối mòn rộng dần, tôi đã thấy cửa ra. Cánh đồng xanh ban nãy hiện lên trước cửa động, êm ả như tình quê hương. Thành thử lối ra cửa động cùng một hướng với lối vào. Có một đôi Tiên đồng - Ngọc nữ đương vừa múa vừa ca. Họ bỗng dừng lại, nhường lối cho hai vị thánh nhân, kẻ trước người sau vội vã bước vào. Xa tí ngoài cửa động có một thánh nhân khác đầu đội hoa sen, hai tay từ tại chấp trước ngực. Tôi tiến lên hỏi Tiên đồng - Ngọc nữ xem hai vị vừa vào là ai, và vị đứng ngoài là ai. Tiên đồng cho biết hai vị tối cao pháp chủ vào động để ngăn các tín đồ xô xát, còn vị đứng ngoài xa chỉ là đứng chờ các đạo hữu vừa vào.

Vừa lúc đó hai vị thánh nhân đi ra, bước nhanh như gió. Tôi chỉ thoáng nhận thấy vị sau cùng hình như một tay cầm quyển kinh, tay khác cầm thanh bảo kiếm. Khi ba vị gặp nhau thì một vùng hào quang xuất hiện, cả ba cùng nắm tay nhau đi vào rồi biến mất. rõ ràng các đạo lý đều quy về một mối.

Tiên đồng - Ngọc nữ tiếp tục múa hát. Tôi điềm nhiên lách người tiến ra mong chóng thoát khỏi động, trở về cánh đồng xanh, nghe lại tiếng cười của đôi trai gái

cùng tiếng hát của bác nông phu. Tôi vừa nhô khỏi cửa động, một luồng gió mãnh liệt như dòng thác vô hình quật tôi ngã sóng soài trở lại. Tôi đứng dậy kinh hoàng. Tiên đồng nhìn tôi mỉm cười hỏi :

- Người tưởng ra khỏi động dễ dàng lắm sao ? - Dám hỏi đó là cơn gió gì mà mãnh liệt vậy ?

- Đó là sức hút thường xuyên của Động Hoa Quỳnh.

- Sao các vị thánh nhân ra vào dễ thế ?

- Người có phải là thánh nhân chăng ?

Tôi chợt tỉnh ngộ nhưng nghĩ thầm : Tuy không phải là thánh nhân nhưng tôi quyết sẽ trở về cánh đồng xanh.

Tiên đồng hỏi :

- Người muốn nghe chuyện tôi chăng ?

Đương lúc mệt mỏi cần nghỉ để lấy sức, lại được Tiên đồng kể chuyện cho nghe thì còn gì bằng. Tôi ngoan ngoãn ngồi xuống.

Tại nước tôi - lời Tiên đồng - kể từ ngày lập quốc, đã mấy ngàn năm qua, chỉ có một dòng vua trị vì : dòng vua Hồng Quang. Theo sử sách ghi chép thì dòng vua

Hồng Quang là con cháu Mặt Trời. Tương truyền hồi mới khai thiên lập địa, Mặt Trời, Mặt Trăng ít khi gặp nhau. Thảng hoặc có đôi khi chạm mặt thì cũng chỉ lướt qua mà không hề ai để ý đến ai. Trái đất thử đó nấu nung như một khối lửa nhen ngào không biết bao giờ nguội.

Có một ngày kia Thần Mặt Trời mặt đỏ gay, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, đến trước Ngọc Hoàng Thượng Đế tâu rằng :

- Muôn tâu Thượng Đế, xin ngài cho con dừng bước. Phải lừng lững đi mãi trên con đường vinh quang bất tuyệt con thấy mệt mỏi quá chừng. Ngọc Hoàng gật đầu, suy nghĩ, rồi nói :

- Ta hiểu con lắm : Đi trên đường vinh quang mà cô độc, thực là một hình phạt chứ đâu có là vinh dự !

Ngọc Hoàng đưa mắt nhìn Hằng Nga đẹp lạnh lùng trong mây bạc, bèn gả cho Mặt Trời. Từ đấy đôi bên tháng tháng gặp nhau một lần vào buổi trăng tròn. Mặt Trăng xa Mặt Trời, sầu muộn vào những đêm hạ tuần. Mặt Trăng e thẹn nhưng sáng ngời hy vọng chờ buổi gặp mới vào những đêm thượng tuần. Đức Thái Tổ dòng vua Hồng Quang chính là do tinh hoa Mặt Trời, Mặt Trăng kết tụ mà sinh ra. Tôi thay vua cha lên ngôi báu từ năm 12 tuổi, là vua Hồng Quang thứ mười ba.

Tôi cố giữ vẻ cực kỳ uy nghi đạo mạo, vì tự nghĩ mình là dòng dõi Mặt Trời.

Chân tôi bước nặng nề. Lũ quần thần ngu si kính cẩn thì thâm bảo nhau :

- Bước chân đi của Hoàng đế dòng dõi Mặt Trời làm rung chuyển cả trái đất.

Lời tôi nói oang oang như xói vào tai. Lũ quần thần ngu si kính cẩn thì thâm bảo nhau :

- Tiếng nói của Hoàng đế dòng dõi Mặt Trời nghe như tiếng khánh vàng.

Sau tám năm trị vì, tôi vừa 20 tuổi xuân. Đời sống kiêu kỳ giả dối càng làm bước chân tôi thêm nặng, giọng nói thêm oang oang. Linh hồn tôi vùng vẫy đòi thoát khỏi xác.

Một ngày kia tôi đương đi bách bộ ngoài sân điện Thái Hòa, bỗng đứng sững lại. Hồn tôi đã thoát xác tiến ra phía bờ sông gặp bông hoa tầm xuân vừa hé nở. Tôi gọi hồn hoa và đóa tầm xuân hiện thành giáng một thiếu nữ nhỏ bé, thướt tha, kiều diễm. Chúng tôi nô giỡn bên bờ con sông sáng ánh sao, rồi đưa nhau vào ruộng dâu tận hưởng niềm hoan lạc.

Nàng vin cành dâu, chỉ con sông xuôi dòng lấp lánh nói với tôi : « Tình chúng ta cùng thiên nhiên hòa hợp, con chúng ta đã là thi sĩ ngay từ trong lòng mẹ. »

Rồi chúng tôi chia tay.

Tỉnh lại, được triệu thần tâu cho hay là tôi đã xuất thần trong ba ngày liền, xác tôi đứng nguyên như tượng đá giữa sân điện, quần thần phải thay phiên nhau đến quỳ túc trực xung quanh.

Sau giấc mơ êm ái, bước chân tôi vẫn nặng nề, giọng nói vẫn oang oang chói tai. Rồi một hôm vào buổi thiết triều, tôi lại xuất thần. Hồn tôi đi ngược lên thượng lưu con sông và gặp bông cúc vàng vừa nở. Hồn hoa hiển hiện thành một thiếu nữ yêu kiều dáng cao và thon. Nàng theo tôi ra bờ sông vừa đi vừa cất tiếng hát trong trẻo. Tôi nương theo nàng mà cùng vui hát, giọng tôi trở lại thanh dần. Tôi uốn mình múa theo nàng, bước tôi đi nhẹ nhàng dần. Rồi chúng tôi lạc vào một bãi dâu. Tôi giữ nàng lại, cùng nhau tận hưởng nhiệm hoan lạc.

Nàng vin một cành dâu, chỉ con sông xuôi dòng lấp lánh, nói thoảng bên tai tôi : « Tình chúng ta cùng thiên nhiên hòa hợp, con chúng ta sẽ thông minh, đỉnh ngộ và hồn nhiên trở thành thi sĩ của ca dao. »

Rồi chúng tôi chia tay. Tỉnh dậy, tôi thấy mình vẫn uy nghi ngồi trên ngai vàng, xung quanh, quần thần thay phiên nhau túc trực từ ba ngày qua, kính cẩn thì thăm bảo nhau :

- Đức Hoàng đế dòng dõi Mặt Trời xuất thân nhập diệu để suy tìm quốc kế dân sinh.

Vào dịp này quần thần tuyền nhiều cung phi để tùy tôi chọn Hoàng hậu. Thân thể lũ phi tần nặng nề, ô trọc làm tôi khinh ghét. Họ đâu có thơm và nhẹ như hồn hoa. Tôi dậm chân quát tháo. Trái đất dường như rung chuyển. Quần thần càng muôn phần khiếp phục và các cung nữ len lét nép mình bên lối tôi qua.

Năm đó nước tôi không còn mưa thuận gió hòa.

Mùa xuân mà mưa nhiều, như thể thần linh muốn quở trách tôi là ông vua nhu nhược. Mùa hạ nắng nhiều, như thể tôi là ông vua tàn bạo. Mùa thu gió nhiều, như thể tôi là ông vua u mê. Mùa đông rét nhiều, như thể tôi là ông vua đê hèn bội bạc...

Cho đến một ngày kia tôi gặp được Hoàng hậu Hải dâu (Tiên đồng hướng về Ngọc nữ, khẽ cúi đầu) kể nốt câu chuyện.

Ngọc nữ kể rằng :

- Tôi sống ở miền có đồi, có ruộng và có rừng. Người dân làm công việc đồng áng trong sáu tháng liền. Sang sáu tháng sau, đời sống họ khác hẳn : ngày, chèo thuyền đánh cá; tối, trai gái đốt đuốc tìm gặp nhau trên bờ. Người con trai tiến lên trước, người con gái dập tắt đuốc. Người con gái ưng ý thì dập đuốc theo. Rồi hai người ngồi xuống bắt đầu hát đối. Nếu qua lời ca mà đôi bên tâm đầu ý hợp thì thành vợ chồng. Tôi là con gái hái dâu, đêm trước có gặp một bà tiên. Bà trao cho tôi một cái vòng cổ tết bằng dây leo, một bên cài bông tằm xuân, một bên cài bông cúc vàng. Bà tiên dặn tôi : « Ngày mai con đi hái dâu sẽ gặp Vua dòng Mặt Trời. Nếu được Đức vua vờ về cung, con sẽ làm như thế... như thế. » Quả nhiên hôm sau, Đức vua cùng quần thần tuần du qua đây. Đức vua chợt dừng lại, lặng yên suy nghĩ, nhìn tôi xách giỏ hái dâu. Quần thần cho là Ngài ưng ý bèn bắt tôi theo về làm cung phi.

Đêm đầu tiên, Ngài đến với tôi, nhưng khi vừa nắm tay tôi thì Ngài xuất thần. Tôi quàng vội vòng dây leo vào cổ rồi niệm chú hóa thành con bướm bay theo hồn vua. Vòng dây leo cũng trở thành nhỏ xíu mà tôi vẫn mang theo ở cổ.

Hồn vua tiến đến đóa tằm xuân bên sông. Một dáng yêu kiều nhỏ nhắn bước ra.

Tôi bay tới lấy chiếc hoa tầm xuân ở vòng dây leo thắm hết sương đêm đọng ở đóa hoa tầm xuân bên sông vừa nở. Dáng hoa yêu kiều vụt biến, Đức vua kêu lên đau thương. Nhưng, mặt rồng lại hớn hở ngay vì chính tôi khi đó vừa biến thành nàng Tầm Xuân. Tôi cùng Đức vua nô giỡn bên sông. Sau đó tôi cũng vin cành dâu nhìn con sông xuôi dòng, lấp lánh ánh sao và nói : « Tình chúng ta cùng thiên nhiên hòa hợp, con chúng ta đã là thi sĩ ngay từ trong lòng mẹ. »

Tối hôm sau Đức vua có đến với tôi, nhưng cũng đúng khi nắm tay tôi thì Ngài xuất thần. Tôi vội đeo vòng dây leo, niệm chú hóa thành bướm bay theo. Đức vua ngược lên thượng lưu dòng sông tìm đến bông cúc vàng hàm tiếu để rồi cùng múa hát với hồn hoa. Tôi lại lấy bông cúc vàng ở vòng dây leo thắm hết sương đêm ở bông cúc vàng hàm tiếu. Sau một tiếng kêu ngạc nhiên, Đức vua trở lại vui mừng nhảy múa, vui ca cùng tôi. Ngài vẫn tưởng tôi là nàng tiên cúc vàng. Rồi sau đó tôi cũng say sưa vin cành dâu nhìn dòng sông lấp lánh ánh sao và nói với quân vương : « Tình chúng ta cùng thiên nhiên hòa hợp, con chúng ta sẽ thông minh đỉnh ngộ và hồn nhiên trở thành thi sĩ của ca dao. »

Tối đêm thứ ba, Đức vua có đến. Tôi đeo vòng dây leo để lộ bông hoa tầm xuân về phía trước. Đức vua cùng tôi nô đùa trong phòng mà cùng tưởng như đương

nô đùa bên sông.

Tôi xoay vòng dây leo, để lộ bông cúc vàng trước ngực. Đúc vua cất tiếng hát trước rồi cùng tôi nhảy múa...

(Tới đây cả hai Tiên đồng, Ngọc nữ cùng nhìn nhau mỉm cười.)

Tiên đồng kể cho tôi nghe nốt đoạn kết :

- Từ đó bước chân tôi nhẹ nhàng, giọng tôi thanh thanh. Tôi thường múa hát trước quần thần và quần thần cũng theo tôi múa hát. Chúng không còn kính cẩn thì thầm với nhau. Hình như chúng quên rằng tôi là Hoàng đế dòng dõi Mặt Trời và tôi thấy khuôn mặt chúng ngày một sáng sủa đáng yêu chứ không ngu muội như trước nữa. Chúng tôi sinh hạ được một hoàng tử mà tình ca ngày một phong phú cùng thảo mộc. Con cháu tôi kế tiếp nhau trị vì, còn chúng tôi được Ngọc Hoàng cho đến đây canh Động Hoa Quỳnh.

Dứt câu chuyện, cả hai lại vui ca nhảy múa. Tôi thấy lòng sáng khoái. Cánh đồng xanh hiện ra xanh hơn bao giờ hết trước cửa động. Vẳng như có tiếng cười trong trẻo của đôi trai gái đi dưới rặng thông xa. Vẳng như có điệu ca bát ngát của người nông phu ngừng cuộc

đất. Tôi vùng chạy vút, hy vọng, bắt chợt thoát được ra ngoài cửa động. Dòng thác gió vô hình lạnh như băng, rần như thép, dữ dội như mãnh thú hất ngược tôi lại, đầu đập vào đá...

Hình như tôi tỉnh dậy, nhưng dù tỉnh dậy thì tôi vẫn thấy rằng mình còn bị giữ trong Động Hoa Quỳnh. Dù tỉnh dậy tôi vẫn thấy rõ ràng trước đây tôi đã từng sống trên cánh đồng xanh với đôi trai gái yêu nhau, với người nông phu thơm phức hương đồng.

Nhớ lại lời Tiên đồng hỏi tôi trong mộng : « Người có phải là thánh nhân chăng ? » Và tự kiểm soát :

Trước những kẻ thù cưỡng hiếp tư tưởng nhân loại, tôi vẫn còn gằm thét như con thú bị thương, mặc dầu trong thâm tâm tôi vẫn tin rằng tư tưởng nhân loại, như ngọn lửa kia, chỉ bị uốn mình trước cơn lốc, mà bao giờ ngọn cũng bốc lên cao. Tôi còn nhiều dự vọng lắm !

Tôi vẫn phải cần rằng mới nhẫn nại nổi để khỏi khinh những gì là giả dối, ti tiện, tầm thường, ích kỷ. Tôi còn hẹp hòi lắm !

Tôi phải luôn cố gắng lắm mới giữ được quân bình trong lòng để nhớ rằng con người không phải vạn năng mà tha thứ cho đồng loại. Tôi còn thiếu cận lắm !

Tôi vẫn dè dặt khép lòng trước người lạ, e sợ con mắt soi mói của họ đốt cháy những gì là tế vi của linh cảm. Tôi còn nhu nhược lắm !

Tôi lao mình đến giữa những người thân, nằm êm ấm như những người lính bị thương và mở tung cửa sổ tâm hồn, thái độ cuồng nhiệt tưởng như trong đời chỉ còn mấy người đó là tri kỷ, tri âm. Tôi còn lạc lắm nhiều về bản ngã !

Từ thuở xa xưa tôi dòi khỏi cánh đồng xanh, cầm ngọn đèn trí thức đi vào động suy tưởng. Tôi biết lắm, vào cái động quyền rũ đẹp như hoa quỳnh này đâu có phải là một lối lầm. Tiếc thay, vào dễ mà ra khó. Từ trước tới nay, tôi vẫn có huyền tượng đã xóa được « cái tôi » bằng tư tưởng vị tha, bằng thái độ nhũn nhặn, bằng hành động mềm dẻo, để trở nên thanh thoát, nhẹ nhõm. Tôi đã nhầm ! Tôi còn nặng nề lắm... nặng nề lắm !

Trời ơi ! Tôi nhớ cánh đồng xanh, tôi nhớ tiếng cười của đôi trai gái, tôi nhớ tiếng hát của người nông phu hiền hòa, tôi nhớ cảnh những người đó cúi xuống hoa cỏ thì biến thành hoa cỏ.

Tôi nhớ cánh đồng xanh !

Tôi nhớ cánh đồng xanh !

Kìa, may sao, người yêu tôi đã lại ! Nàng khóc từ xa và bước nàng lật đật. Tôi biết nàng sẽ hờn giận bất đền sao đã để lạc nàng giữa đám đông. Nàng gục đầu xuống vai tôi, khóc rung rức được một lúc khá lâu mà vẫn chưa vội nổi sầu hiu quạnh.

Tôi nhắm nghiền mắt lại. Tuy chỉ có hơi thở người yêu ấm má, mà rõ ràng tôi nghe thấy tiếng nàng : « Tình yêu chúng ta cùng thiên nhiên hòa hợp, con chúng ta sẽ thông minh đỉnh ngộ và hồn nhiên trở thành thi sĩ của ca dao. »

Tôi ôm chặt nàng vào lòng, vừa nắm lấy đôi tay nàng trùi mền như nắm tay ân nhân vừa thiết tha áp môi trên má nói khẽ với nàng :

- Em yêu dấu, anh là Mặt trời em là Hằng Nga, anh là Tiên đồng, em là Ngọc nữ, anh là Hoàng đế Hồng Quang, em là Hoàng hậu Hái dâu. Em hãy đưa anh về cánh đồng xanh. Chúng ta cùng trở về cánh đồng xanh !

ĐOÀN QUÂN XUNG PHONG

I

Mùa xuân năm 2002, sau khi Khôi Nhân loại Giác ngộ đã diệt xong bốn triệu quân xung phong Bắc Á, các sử gia thế giới bèn họp nhau lại để ghi chép và phê phán thế kỷ trước.

Tất cả sử gia đều đồng ý mệnh danh thế kỷ 20 là «Thế kỷ của những kẻ sợ sự thật. »

Người có tiền thì dùng tiền mua chuộc để khỏi phải nghe sự thật; người có cường quyền thì dùng cường quyền khủng bố để khỏi phải nghe sự thật; người không có tiền và không có cả uy quyền thì đi vay tiền, vay uy quyền mà mua chuộc, mà đàn áp để khỏi phải nghe sự thật. Cho nên nhân loại tính đến gần cuối thế kỷ 20 sau Thiên Chúa, đã có trên ba ngàn năm kinh nghiệm thực sự để suy ngẫm mà kết quả lịch sử vẫn vẫn sa vào những lầm lẫn cũ, y như chiếc xe được dẫn dắt bởi một lũ lão nô lảm cẩm đã đui lại điếc.

Xét bề ngoài - chỉ bề ngoài thôi - lời phê phán trên không oan chút nào. Phần tiền bán thế kỷ 20 các đế quốc Tây phương tràn sang Đông phương ngự trị bằng sức mạnh, sử dụng kẻ bị trị như súc vật, nhưng phàm những người mà coi người như súc vật thì chính những người

đó biến thành súc vật nhanh hơn. Thấy rõ nguy cơ đó, một thi sĩ Đông phương đương thời có nói : « Thế giới ngày nay là trong tay Tây phương. Tây phương sẽ tàn phá nó nếu Tây phương không dùng nó cho một công cuộc sáng tạo tốt đẹp của nhân loại. »

Thuyết giai cấp đấu tranh, nhân danh cuộc sáng tạo đó, hoạt động trên khắp hang cùng ngõ hẻm của thế giới và đạt được thắng lợi lớn vào mấy năm đầu hậu bán thế kỷ 20. Thế giới phân đôi làm « Thế giới được giải phóng » của phe giai cấp đấu tranh và « Thế giới tự do » của phe đế quốc cũ.

Để kịp thời đối phó với địch thủ, các đế quốc vội nói bàn tay sắt cổ lấy lòng các nước bị trị mà giữ họ về phe mình, nhưng họ chỉ nói tới mức vừa đủ để các nước đó biến thành vệ binh cho họ về quân sự cũng như về kinh tế. Hội nghị đủ loại mở liên tiếp. Các lãnh tụ của hai phe vượt hàng ngàn vạn dặm đến để nghe nhau... nói dối. Họ dối người, họ dối mình nhưng rất thành thực ở điểm chia nhau thế giới sao cho công bình.

Trong buổi giao động này, Thế giới tự do sống trong một bi hài kịch có một không hai trong lịch sử nhân loại tính đến ngày đó. Không một nước nhược tiểu nào được hoàn toàn độc lập liền trong hai tháng. Dưới áp lực vị kỷ của hai phe lớn, các nước nhược tiểu buộc lòng phải ngã - hoặc làm như ngã - sang một phe. Các đế quốc

bên phe Thế giới tự do có kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm, có tinh thần kỷ luật... nghĩa là có đủ những vật liệu của công cuộc sáng tạo, tiếc thay vì tinh thần họ nặng nề vì kỹ nên tài năng sáng tạo ở họ không có.

Trước đây, Tây phương tự kiêu vì mình có tài tung roi da một cách hào hoa, rồi khi quất mạnh xuống da thịt Đông phương thì đường roi vừa nhanh, vừa mạnh lại vừa trúng đích. Cả một nghệ thuật tuyệt luân ! Đông phương thì tự tìm thấy vẻ đẹp của cơ hàn chịu đựng, vẻ đẹp của một mầm sen bị chìm xuống đáy bùn, bị đầy đọa giữa cát sỏi nhưng vẫn ý thức được rằng mình ôm trong lòng một mầm hương sắc cao quý mà bất chấp thời gian, bất chấp sức nặng của bùn hôi, của cát sỏi, chẳng cái gì trên đời này có thể hủy diệt nổi.

Gìn giữ và phát triển được trọn vẹn tinh hoa cao đẹp của Đông phương chỉ còn một số người văn nghệ. Mà phía Tây phương chân thành đi tìm tinh hoa Đông phương cũng chỉ còn một số người văn nghệ.

Bên Thế giới được giải phóng thì sự bản thủ bộc lộ đến mức lố lờ. Đảng bảo gì dân chúng phải nghe vậy. Hôm nay Đảng hùng hồn biện luận điều này là chân lý, dân chúng đồng ý một cách vui vẻ; ngày mai vẫn điều đó được Đảng chứng minh ngược lại, dân chúng vội vàng đồng ý một cách vui vẻ hơn. Hôm nay tên lãnh tụ này được coi là mặt trời của mặt trời, là ánh sáng của

Đảng, là vị cứu tinh của nhân loại, dân chúng bèn ăn uống, thở hít, thức ngủ trong bầu không khí kính cẩn thường xuyên vị lãnh tụ chói lọi đó; ngày mai bị hạ bệ hay bị thủ tiêu, vẫn hấn bị Đảng tố cáo trước dân chúng là trên khát máu, tên điên khùng, tên phá hoại, tên tay sai của đế quốc, dân chúng vội vàng họp mít-tinh, biểu tình tuần hành, hô khẩu hiệu, làm kiến nghị đả đảo tên khát máu, điên khùng, phá hoại, tay sai.

Chẳng còn gì là tình cảm !!!

Chẳng còn gì là nhân cách !!!

Tại sao một chính thể nhơ nhớp lổa lồ như vậy vẫn đứng vững được trên một phần thế giới và tiếp tục quyền rũ nhân tâm ở các phần thế giới tự do khác ?

Đáng lẽ Thế giới tự do với trí sáng suốt tâm thường nhất chỉ cần vừa mỉm cười vừa chiến đấu cũng thừa thắng nổi cái ngu tày trời đó mà cứu nhân loại ra khỏi cơn ác mộng cực kỳ khủng khiếp nhưng cũng cực kỳ khôi hài, trái lại vì đâu Thế giới tự do đã không thắng mà còn bị lấn đất ?

Tại vì trước cái ngu khủng khiếp này, người ta lợi dụng nhiều cái ngu nhỏ khác để đối phó lại, đúng như câu mỉa mai của danh sĩ nọ : « Thế giới được giải phóng tung hết sức cầm thú của mình ra uy hiếp đối phương.

Thế giới tự do đem những hình thù nửa người nửa thú, chân tay kèn càng ra dọa lại. »

Sự phản bội của cường quyền ghê gớm đến nỗi những người tự trọng đều thấy rùng mình sồn gáy trước bất cứ danh từ cao đẹp nào dù những danh từ đó gọi những tư tưởng nhân đạo, bác ái, công lý.

Một câu nói chán chường, không biết của ai, rất được phổ biến : « Thế kỷ này là thế kỷ cường quyền ‘sủa’ ra văn hoa, vì vậy các cha đẻ ra văn hoa là các văn nghệ sĩ tự thấy bị xúc phạm bèn rút lui về thôn dã để nghe tiếng chó sủa chim kêu là những tiếng kêu thật còn sót lại trong tạo vật và để được sống với những người dân quê bị đập vùi hất hủi nhưng còn giữ nguyên được vẻ trong trắng của tâm hồn. »

Một sự giả dối mênh mông trùm lấy toàn thể thế giới ngọt ngào. Con người đóng cửa trước nhau nên càng ở những đám đông ồn ào, càng hô chung một khẩu hiệu bất buộc, cá nhân càng cảm thấy niềm cô độc chua chát riêng mình.

Đó là bề ngoài của nhân loại. Còn bề trong ? - Bề trong nhân loại, con người có ham tiến hóa, có thiết tha quyết khắc phục mọi khó khăn mà tìm hướng vươn lên hay cũng nhầy nhụa như bề ngoài ? - Chúng ta hãy quay về với nước Việt Nam vì câu trả lời phát xuất ở đây.

Khách quan : nước Việt Nam ở vào vị trí gập gờ của mọi nền văn minh Đông Tây.

Chủ quan : nước Việt Nam vẫn đặc biệt có khả năng dung hòa được mọi mâu thuẫn, đồng hóa được mọi văn minh nên thoát được mọi câu thúc mà vượt lên cao nhìn thấy hướng tiến tới.

Vào mấy năm đầu hậu bán thế kỷ 20, khi các đế quốc vừa nới bàn tay sắt, người Việt Nam cũng sa vào những lầm lẫn thường tình. Họ cũng kết hợp thành bè đảng; họ cũng chủ trương nhồi sọ ngu dân để dễ xách động quần chúng trong các cuộc tranh chấp.

Người dân Việt Nam đã trải qua những ngày điêu linh ê chề dưới ách lũ người cố thực hiện tham vọng bằng mọi phương tiện.

Rất nhiều thanh niên nam nữ Việt Nam - cả thiếu nhi nữa - đã qua một thời bị chết uổng vì tai bay và gió hoặc vì bị lợi dụng trong những vụ tranh chấp vô đạo.

Khoảng mười năm đầu hậu bán thế kỷ 20 toàn dân Việt Nam đã có một thời thấy những bom, những súng, những dao găm được phủ bằng hoa, bằng gấm để che dấu thâm ý giết người tập đoàn hay ám sát cá nhân của lũ người cố tình đui điếc trước tương lai dân tộc, trước tiếng gọi thiết tha của tổ quốc.

Nhưng, chỉ trong một thời gian ngắn tâm hồn giàu thương yêu đầy cao cả của dân tộc đã là động cơ chính thúc đẩy họ vùng thoát khỏi vực thẳm tội lỗi. Ý thức sáng suốt của dân tộc giúp họ nhận định rõ : bám lấy danh vọng, vơ vét cho đầy túi tham để mặc dân làm than, khổ cực, hèn hạ thì sự giàu sang đó không những chỉ làm ung thối tâm hồn mình còn làm ruồng nát cả lũ con cháu thuộc dòng giống mình nữa. Ý thức sáng suốt của dân tộc giúp họ nhận định rõ : chỉ có cánh tay của Đạo Đức mới ôm rộng được toàn dân, mới tô điểm được cho giang sơn của tiên tổ, mới gìn giữ lâu bền được hạnh phúc cho dân tộc.

Nghĩ đến công lao của ông cha đã gây dựng lịch sử, họ thấy tủi hổ cho thái độ hèn hạ, hẹp hòi, thiên cận vừa qua của họ đã vô tình tiếp tay cho đế quốc giữ chân dân tộc quần quai trong vũng bùn nô lệ.

Sự biết kịp thời hồi tâm do trí sáng suốt, lòng cương trực thừa hưởng của ông cha đó đã giúp họ hòa vào dân tộc mà đạt được thế quân bình giữa cá nhân với đoàn thể. Rồi từ thế quân bình này họ tiến rất nhẹ nhàng sang thế quân bình giữa quốc gia với quốc tế.

Sau hai mươi năm trường vừa chiến đấu với bản thân vừa chiến đấu với những lực lượng phá hoại bên ngoài, người dân Việt đã hoàn toàn « vượt vực » ngoi lên bờ vinh quang.

Tia hạnh phú đại đồng đầu tiên lóe lên từ đây.

Là một dân tộc trưởng thành trong phong ba trong khổ cực, là một dân tộc phải thường xuyên chiến đấu với cuộc sống để thể hiện cuộc sống của chính mình nên các tư tưởng của họ đề ra không trừu tượng khô khan, trái lại rất linh động, rất giàu nhân tính, rất sát với thực tế mà không kém trữ tình. Họ luôn luôn giữ được nụ cười bất diệt nên mặc dầu cuộc chiến đấu có khắc khổ gian lao, mỗi khi vui với đời họ vẫn giữ được phong thái rộng lượng của ông già vui với đàn con trẻ.

Trong lúc thế giới đương rối ren, họ nắm được bí quyết tự lực về kinh tế để thoát ly mọi áp lực bên ngoài.

Đúng vào lúc thế giới rối ren nhất, một họa sĩ nước họ tung ra hình ảnh đầu tiên của tin tưởng : đó là bốn bức bích họa lấy sự thành hình của trái đất làm hình ảnh tượng trưng cho sự tiến triển của nhân loại.

Bức thứ nhất : Trái đất mới chỉ là khối lửa hình thù hung hãn văng ra từ mặt trời. Hấp dẫn lực bên trong vẫn vo tròn khối lửa và đồng thời diu cho khối lửa chuyển vận nhịp nhàng trong vũ trụ.

Bức thứ hai : Trái đất vừa nguội hoang sơ với cảnh núi lửa phun, bề mặt ngồn ngàng nham nhở. Hấp dẫn lực vẫn chăm chỉ giữ cho trái đất tự xoay, vẫn chăm chỉ

dẫn trái đất đi theo nhịp nhạc của trăng sao khiến vùng trán nóng hổi của trái đất dịu dần trong hơi mát thăm thẳm của vũ trụ.

Bức thứ ba : Hấp dẫn lực đã thành công ở đợt thứ nhất với khối lửa bất kham, trái đất biến thành một hạt châu vô giá, xanh mơn với núi rừng, lấp lánh với sông biển. Các bông hoa muôn màu trên mặt đất tự xếp thành mấy câu phỏng theo bài cổ thi của một thi hào Đông phương :

Cây cối là những nỗ lực không gót của trái đất
Để nói với vòm trời lẳng tai nghe
Màu lơ của da trời
Ao ước màu xanh non của mặt đất⁹
Gió giữa cả hai
Thở dài.

Bức thứ tư : Giữa vòm tinh tú, điểm xanh của trái đất nhũn nhận dự vào dịp xuân tuyệt vời của vũ trụ trong đó hấp dẫn lực là một sự thực hằng cửu.

Sau bốn bức bích họa, một thi sĩ Việt Nam viết một tập thơ ca ngợi ý thức trường cửu đã hoạt động không ngừng để vo tròn hạnh phúc của nhân loại. Nội dung tập thơ đại ý như sau : « Bề ngoài của nhân loại đầy rẫy những bạo tàn phản bội; bề trong ý thức trường cửu

9 Ý thơ của Tagore.

luôn luôn hướng con người về lý tưởng quân bình, nhân đạo. Bề ngoài nhân loại nặng mặc cảm chia rẽ Đông Tây; bề trong ý thức trường cửu luôn luôn hướng con người tìm đến nhau, kết hợp với nhau, bổ khuyết cho nhau giúp nhau mở rộng phạm vi tinh thần mà trùm lấy cả nhân loại cùng vũ trụ. »

Cùng thời với Họa sĩ và Thi sĩ, một chính khách Việt Nam lên cầm quyền với bản tuyên ngôn ngắn nhất và dị kỳ nhất :

« Hãy câm miệng và hành động !

« Hoạt động của người đời phân chia làm muôn nghìn ngã mà chẳng bao giờ thoát khỏi căn bản vun sỏi tâm hồn. Danh từ ngôn ngữ chỉ là những chai rỗng; rượu linh thiêng sở dĩ có thực là do tư tưởng chí thành của ta rót vào.

« Hãy câm miệng và hành động ! »

Với lãnh tụ, cuộc cách mạng tinh thần của Việt Nam hoàn thành ! Lãnh tụ quả đã hành động gương mẫu ! Trong quân đội cũng như trong guồng máy hành chính lúc bấy giờ ai nấy hoàn toàn biết ghê tởm óc kết bè lập đảng làm hèn hạ cá nhân, làm lụn bại tổ quốc. Mọi người tùy theo tuổi tác hay nghề nghiệp kết hợp lại sống với nhau trong tình đoàn thể trong sạch, quảng đại, thân ái.

Sau một năm chấp chính, Lãnh tụ có tới gặp Thi sĩ. Dưới đây là câu chuyện thân mật của hai người :

LÃNH TỤ - Tôi đến xin anh một khẩu hiệu.

THI SĨ - Anh khuyên người ta « Hãy câm miệng và hành động !» thì tôi đã câm miệng rồi, anh còn hỏi khẩu hiệu làm gì ?

LÃNH TỤ - Khẩu hiệu đó chỉ là một phản ứng thô tục nhất thời để đối phó với một giai đoạn lịch sử bản thủ. Tôi muốn anh tìm giúp một khẩu hiệu khác thanh nhã hơn khả dĩ dùng mãi mãi sau này.

THI SĨ - Sao anh không lấy ngay câu tục ngữ của dân ta : « Thật thà là cha quý quái » ?

LÃNH TỤ - Phải đấy ! Thật thà là cha quý quái ! Được lắm, từ nay tôi sẽ lấy khẩu hiệu « Thật thà là cha quý quái !»

Bốn bức bích họa Việt Nam có được quốc tế chụp để phổ biến; tập thơ của Thi sĩ có được phiên dịch ra đủ các thứ tiếng; chính sách « Thật thà là cha quý quái » của lãnh tụ có được chính giới quốc tế nhắc nhở, nhưng trên thực tế ảnh hưởng của ba người còn quá hời hợt. Tuy hai phe không dám gây một cuộc đại chiến thực sự

bằng bom nguyên tử nhưng những cuộc chiến tranh bộ phận bằng khí giới cổ truyền vẫn tiếp tục không ngừng hết nơi này qua nơi khác. Đã có một nhà bác học thờ dài mà rằng :

« Các bệnh tật hiểm nghèo khoa học đã đẩy lui, duy có bệnh nghiện chiến tranh của loài người, khoa học đành chịu !»

Sau mấy năm miệt mài tận tụy, Thi sĩ xây dựng một hệ thống lý luận đơn giản và phổ biến mà khi viết ra thành sách ông lấy nhan đề : « Chân lý đưa nhân loại đến tình bằng hữu. »

Cơ quan « Bằng hữu quốc tế » lập tức cho in tập lý luận đó ra hàng ngàn triệu bản bằng đủ các thứ tiếng.

Dư luận thế giới xao xuyến một độ, những kẻ cầm súng tự thấy ngượng. Người ta đã ngỡ súng đạn rồi đây chỉ còn dùng trong các cuộc săn bắn tiêu khiển. Nhưng chỉ sau đó một năm chiến tranh bộ phận lại nổi lên như cũ theo kiểu dây chuyền, tất chỗ này bùng lên chỗ khác và tại nơi nào cũng vậy cả hai bên tham chiến đều tuyên bố là họ chiến đấu cho... « Chân lý đưa nhân loại đến tình bằng hữu !»

Các triết nhân thế giới cam nhận một sự hiển nhiên và tìm cách lý luận như sau : « Chiến tranh là một cuộc

thử lửa, chiến tranh kích thích lòng yêu nước, chiến tranh khiến con người bớt ngu độn thêm phần sắc sảo trong mưu cơ v.v... Tóm lại chiến tranh là cần - nếu không phải là rất cần - cho sự tồn tại có ý nghĩa của nhân loại. »

Một cụ già Việt Nam làm nghề chài lưới ở ven biển thốt ra câu than phiền cho thế giới bên ngoài :

« Hừ ! đến con chó cũng không nỡ ăn thịt chó nữa là... »

Một nghệ sĩ Trung Đông hấp hối trên giường bệnh bỗng vùng dậy la lớn :

« Ta sẽ giữ mộng đẹp của ta cho đến ngày phán xét cuối cùng để trình với Thượng Đế. Ngày đó Thượng Đế chỉ còn căn cứ vào mộng đẹp mà định

Thiên Đường. » Rồi chết !

Chàng họa sĩ Việt, tác giả bốn bức bích họa, cũng qua đời vào năm này. Rất bình thản !

Ngày tháng kế tiếp nhau qua... Mỗi lần sang xuân mới, thế giới lại hồi hả treo đèn kết hoa, các chính khách lại được dịp trao đổi lời chúc tụng đúng nghi thức, nhưng sự thực không khí tinh khiết mùa xuân mới không đủ rửa sạch những cặn bã như bản của cường quyền, niềm

hy vọng hồi hộp trong tạo vật đương trở thành hoa búp không đủ thoa dịu đau thương của những người dân bị phản bội liên tiếp.

Chính Thi sĩ cũng tự cảm thấy thất bại trước Lịch sử. Trước khi từ giã thủ đô để về quê, Thi sĩ có gặp Lãnh tụ và nói :

- Tôi tạm ngừng viết sách và làm thơ. Tôi xin phép anh lui về quê để đợi thời.

Lãnh tụ cúi chào bạn :

- Vâng, xin anh bình tĩnh nghỉ ngơi một dạo, còn mười năm nữa thì chúng ta sang thế kỷ 21; mong rằng nhân loại sẽ đổi mới vào dịp này.

Thi sĩ về đến đầu làng gặp một người con gái nhan sắc như hoa :

Thi sĩ hỏi :

- Em đi đâu ?

Người con gái đáp :

- Em đi dự thi hoa khôi.

Thi sĩ nói :

- Sao trên trời, hoa dưới đất có bao giờ tìm cách khoe

rằng mình đẹp ? Em hãy quay về !

Người con gái vâng lời.

Vừa khi đó có tin cả hai phe cùng tìm ra được phương pháp dùng kính pa-ra-bô-lic thu vũ trụ tuyến. Họ lại điều chỉnh được trường độ làn sóng vừa vặn để làm nổ bất cứ phi cơ nào mang bom nguyên tử từ mười ngàn cây số xa. Đồng thời cả hai bên đã cho phóng lên không trung một số hành tinh nhân tạo cỡ lớn mang đủ máy móc tinh vi để có thể quan sát ngoài tầm súng những căn cứ chiến lược của nhau. Một cuộc đại chiến chỉ còn có nghĩa là một cuộc tự sát cho cả đôi bên ! Bởi vậy cả đôi bên đều đồng ý hủy hết vũ khí nguyên tử. Các hành tinh nhân tạo có nhiệm vụ kiểm soát bằng cách phóng vũ trụ tuyến đã được điều chỉnh xuống mọi lãnh thổ. Đến nước ấy thì người ta buộc lòng phải thành thật và không một nước nào của hai phe dám vi phạm hiệp ước mà làm bom nguyên tử lậu nữa. Các loại phi cơ chiến đấu cũng đều bị hủy. Các nước chỉ được quyền xúc tiến ngành sản xuất phi cơ dân sự. Nhanh như chiếc lò xo bị ép lâu ngày, nhân loại sang trang sử mới vùng lên tìm ánh sáng của tình bằng hữu chân thật.

Thi sĩ vội vã rời quê hương trở lại thủ đô.

Tới lúc đó mọi người mới có dịp suy nghĩ về bốn bức bích họa Việt Nam, về những bài thơ và tập lý luận

«Chân lý đưa nhân loại đến tình bằng hữu » của Thi sĩ, về khẩu hiệu cách ngôn « Thật thà là cha quý quái !» mà Lãnh tụ cho nêu lên.

Đến lúc đó mọi người mới bình tâm mà nhận thấy bao dẫn vật của lương tâm, bao khổ ải về vật chất, bao tàn bạo núi xương sông máu chẳng qua họ là nạn nhân của chính họ.

Khoa học vô tội ! Con người đã không dùng khoa học để đạt tới nguồn sáng tạo thanh cao mà tìm hiểu cao sâu về tâm linh, mà phát triển những giá trị thiêng liêng tiềm ẩn; họ đã nhầm dùng khoa học để thỏa mãn thị dục đê hèn biến sức mạnh khoa học thành sức mạnh phá hoại; khiến qua bao năm trường họ đã phải đối phó ê chề thê thảm với những phát minh cũ và giết mình mỗi khi được tin một phát minh mới ra đời.

Nay tỉnh ngộ lại, Người mới khám phá ra Người và - đúng như lời thi sĩ tiên đoán - Đông Tây hơn hở tìm đến nhau không mặc cảm, không chia rẽ. Đông phương giúp Tây phương phá vỡ thành quách tối tăm của vật chất; Tây phương giúp Đông phương nắm vững trạng thể biến hóa bên ngoài của vũ trụ. Họ nắm tay thân ái, nhủ với nhau là họ đã thắng một trận giặc cuối cùng mà bãi chiến trường là nội tâm, mà kẻ địch là lòng tư dục. Nếu sống trong bản thủ mà con người còn chịu đưng đực thì cách sống thanh cao cõi mở kia càng dễ

trở thành thói quen. Chẳng bao lâu sự giao hòa giữa các nền văn minh trở nên thường xuyên và sự thông cảm những màu sắc địa phương chỉ cần chút cố gắng là thành tựu. Lẽ cố nhiên trong đời sống riêng tư, nhân loại không thoát khỏi những mâu thuẫn nhỏ làm giao động thất tình; hi, nộ, ai, lạc... chính những điều đó gây thi vị cho cuộc đời gìn giữ sắc thái đặc biệt quyến rũ của kiếp người và nhân loại càng không ngừng tiến gấp trên con đường tư tưởng thăng thang theo tiếng gọi dị kỳ của ý thức trường cửu.

Đó là vào mấy năm cuối thế kỷ 20 !

Trong khi đó duy Liên bang Bắc Á - ngay sát biên giới Bắc Việt Nam - là còn đứng ngoài lề cuộc thức tỉnh tung bùng. Lãnh tụ nơi này còn quá trù mền ngôi Bá chủ Liên bang mà hấn mới đạt tới chưa được bao lâu.

Trọng theo nếp sống cởi mở, và tin có phương pháp kiểm soát nguyên tử năng nên Khôi Nhân loại Giác ngộ rất yên lòng chờ ngày Liên bang Bắc Á tự hủy chế độ đảng trị cùng bức màn sắt.

Căn cứ vào những tin tức lọt qua bức màn sắt thì Bắc Á ngày nay cũng tuyệt nhiên không còn biểu tình, không còn cả tiếng hô « Muôn năm ! » nữa. Các thanh niên nam nữ, sau một thời gian phục vụ ở trại của Đảng chừng vài năm, lại được trở về gia đình sống cuộc đời

cá nhân hết sức tự do. Hình như nhân cách nơi đây cũng được trọng vọng không kém gì bên Khối Nhân Loại Giác Ngộ.

Vào năm cuối cùng thế kỷ 20, Liên bang Bắc Á cho sơn lại tất cả các cầu biên giới. Hàng ngàn chiếc cầu được sơn cùng một kiểu : một nửa đỏ về phía Liên bang và một nửa xanh về phía các nước Khối Nhân Loại Giác Ngộ. Mặc dầu những người dân Liên bang không bao giờ lên cầu chơi, nhưng những người dân bên Khối Nhân loại Giác ngộ vẫn có thể ra đến giữa cầu mà ngắm dòng sông, miễn là đừng bước quá vạch sơn xanh.

Đầu thu năm đó Thi sĩ về miền biên giới thăm quê. Đời sống khoa học ngày nay đã vượt xa - quá xa - đời sống cũ, nhưng màu quan tái tiết tháng Bảy vẫn giữ về « rừng thu từng biếc chen hồng » của cổ thi Việt Nam. Gió lạnh ngập ngừng tiến vào thành sương bạc như cò muồn lẳng nghe xem phía sau hoa lá đương thì thảo gì về những niềm bí ẩn của mình.

Về tới quê, Thi sĩ gặp lại người con gái tuyệt sắc dạo nào đã nghe mình ở lại không đi dự cuộc thi tuyển lựa hoa khôi. Nàng chưa lấy chồng. Nàng đợi Thi sĩ. Hai người làm lễ hứa hôn và loan báo cùng thân bằng cố hữu rằng đúng đến Ba mươi Tết năm đó hôn lễ sẽ chính thức cử hành. Tin vui này lập tức được truyền đi khắp nước.

II

Chiều Ba mươi Tết năm Kỷ Mão...

Mới hơn một tháng trước đây Đông phương cùng Tây phương đón mừng thế kỷ mới theo Tây lịch thì chiều nay Tây phương lại cùng Đông phương làm lễ tiễn đưa chiều cuối cùng thế kỷ cũ theo âm lịch. Cả hai cuộc lễ cùng tung bừng và thành khẩn như nhau.

Tại các nước Tây phương, nam nữ thanh niên cùng đổ ra đường khiêu vũ theo điệu nhạc tung bừng ở các máy phóng thanh. Họ khiêu vũ trên các đường rộng, trên các công trường, ở các vườn hoa ven sông... Mỗi lần nhạc dứt, các chàng trai khẽ nghiêng mình, các cô gái khẽ nhún người, đồng thời máy phóng thanh báo cho mọi người biết « vị trí thời gian » của năm cũ.

- A lô ! A lô ! Chúng ta còn một giờ ba mươi tư phút nữa thì sang thế kỷ 21 !

- A lô ! A lô ! Chúng còn đúng một giờ nữa thì sang thế kỷ 21.

Bên các nước Đông phương, trai gái không khiêu vũ ngoài trời, nhưng khắp nơi đều treo đèn kết hoa và dân chúng đủ cả nam, phụ, lão, ấu cùng đổ ra ngoài đường, đi trên các đại lộ, gặp nhau trên các vườn hoa hay dưới hành lang các đền đài miếu mạo và máy phóng thanh,

đặt khắp nơi, sau mỗi bài hát cũng báo cho dân chúng hay « vị trí thời gian » :

- A lô ! A lô ! Chúng ta còn nửa giờ nữa thì sang thế kỷ 21.

Riêng với người dân Việt Nam, đêm Giao thừa này còn ghi thêm một ý nghĩa tung bừng, họ ăn mừng ngày thành hôn của Thi sĩ với người con gái đồng hương.

- A lô ! A lô ! Chúng ta còn đúng năm phút nữa thì sang thế kỷ 21.

Có hai bóng người một trai, một gái âu yếm dìu nhau lên cầu biên giới tiến ra giữa rồi cúi xuống nhìn dòng sông : đó là Thi sĩ và người vợ mới cưới.

Đề kỷ niệm ngày cưới Thi sĩ tổng kết tư tưởng cố hữu của Đông phương trong một bài thơ đề tặng người yêu chung thủy. Bài thơ đó sau này được các nhà văn học thế giới diễn nôm na ra như sau :

Chúng ta hãy ca ngợi mùa thu viên mãn
Chúng ta đừng coi rẻ mùa đông hiu quạnh
Mà đem so với mùa xuân tung bừng thành hai
vẻ đối chọi. Trong thực thể vũ trụ
Hai vẻ dị đồng đó quán quít hỗ trợ cho nhau
Vì có sự chết mà tiết điệu của sự sống
Giữ được vẻ trường cửu trong vũ trụ

Thế giới càng cũ

Càng phong phú trong sinh thành :

Và sự im lìm tiêu tụy của mùa đông kia

Chính là đề sửa soạn

Cho cuộc tái sinh óng chuốt của mùa xuân năm sau.

Thi sĩ cúi nhìn dòng sông lấp lánh, lắng nghe tiếng nước xoáy dưới cầu giây lâu rồi kéo người yêu sát vào mình hơn nữa.

Chàng nói :

- Chỉ ba phút nữa anh sẽ ôm em sang mùa xuân mới của một thế kỷ mới.

Nàng nép vào vai chàng nói khẽ :

- Đáp lại tình yêu của chàng, lời em bất lực !

Cả hai cùng chột ngừng lên nhìn hai vì sao lạc để lại hai vết sáng dài trên vòm trời thăm thẳm.

Thi sĩ mỉm cười ghé xuống nói thầm bên tai người yêu :

- Hai vì sao mãi nhìn hạnh phúc của đôi ta mà trượt chân ngã xuống vực.

Tiếng chuông tiếng trống từ các đình chùa miếu mạo vang lên rồi đổ dồn... Bồi hồi xao xuyến.

Thi sĩ vòng tay ôm lấy người yêu mà cúi xuống hôn nàng trong khi tiếng đồng ca vang lên khắp kinh thành ven sông quê hương. Nhớ lại ý của người xưa, Thi sĩ nói thầm bên tai người yêu :

- Anh đã hôn em giữa hai thiên niên kỷ !

Chợt một loạt nổ vang rền. Tiếng súng, không phải tiếng pháo ! Thi sĩ cùng người yêu ngã khụy. Tiếng súng liên thanh từ phía cầu Liên bang tiếp tục nổ sang. Tiếng súng dứt, một đoàn người - quân lính thì phải - rầm rộ tiến ùa lên cầu cùng với tiếng hô « Xung phong ». Thi sĩ còn đủ tỉnh trí thu chút lực tàn, ôm xác người yêu lách qua thành cầu và gieo mình xuống dòng sông để tránh sự giày xéo của những gót sắt. Ôm người yêu chìm trong nước lạnh nhưng Thi sĩ vẫn cho là mình đã rơi vào hơi thở mát dịu của mùa xuân.

Vì có sự chết mà tiết điệu của sự sống Giữ được vẻ trường cửu trong vũ trụ.

Nhịp cầu biên giới rung chuyển hải hùng dưới gót giày của một đoàn quan đông vô kể. Tiếng súng nổ rền không ngớt. Tiếng hét thất thanh, cùng tiếng rền la nghẹn ngào của những nạn nhân luôn luôn bị chìm trong những đợt hô « Xung phong » rùng rợn. Sau đợt hô xung phong, thường tiếp đến những tiếng nổ kinh thiên động địa rồi tiếng hô lớn : « Yang Chủ tịch muôn

năm !» - Yang là tên viên Chủ tịch Liên bang Bắc Á.

Yang Chủ tịch muôn năm ! Yang Chủ tịch muôn năm!

Tiếng hô « Muôn năm » đồng loạt và thành kính đó vang lên liên tiếp. Riêng điều đó đã là một sự lạ cho không riêng gì Việt Nam mà cả khối nhân loại đã quen sống trong tinh thần tự trọng. Thường thường họ chỉ dùng tiếng hô đó trong vài trường hợp cực kỳ hạn hữu để bày tỏ nỗi lòng cực kỳ quý mến trước một nhân vật cực kỳ đạo đức nào.

Rồi ánh đèn tắt ngấm. Có tiếng hô bắt những người dân ở đâu phải đứng nguyên đấy.

Ngày hôm sau cả kinh thành biên giới đã pháp phối bóng cờ ngự trị của Liên bang Bắc Á. Cùng đêm Giao thừa đó, quân Liên bang đã tiến sang biên giới khắp miền Đông Nam Á.

Một tuần sau người dân Việt được biết thêm họ đang phải chống đối với mũi dùi mạnh nhất của lực lượng Liên bang. Rõ ràng Chủ tịch Yang nhằm chiếm Việt Nam trước nhất. Trên khắp mặt trận khác quan Liên bang có tiến nhưng rất chậm.

Hai tháng sau lực lượng Liên bang lầy xong Bắc Việt và khởi sự tiến chiếm Trung Việt.

Chiến thuật của lực lượng Liên bang tại Việt Nam cũng như tại khắp Đông Nam Á giống hệt nhau. Khi muốn chiếm một kinh thành nào, bộ tham mưu của họ chia kinh thành đó ra từng khu rồi thoát dùng Đoàn quân Xung phong với hỏa lực cực mạnh chiếm lấy một khu làm đầu cầu. Sau đó vẫn nhờ đoàn quân cảm tử khu vực chiếm đóng sẽ lan dần cho đến khi họ hoàn toàn làm chủ thành phố.

Nếu đôi bên dàn thành trận tuyến, lực lượng Liên bang sẽ dùng Đoàn quân Xung phong phá vỡ mặt trận chủ lực trước rồi đánh tỏa ra thanh toán nốt các mặt trận phụ. Tiếng hô « Xung phong ! » thoát vang lên từ hậu tuyến, rồi đoàn quân xuất hiện, ào ạt tiến lên rất nhanh, hết đợt này đến đợt khác, súng liên thanh ở tay xả đạn không ngớt cho tới khi họ phá được hết hàng rào dây thép gai, xông được vào tận trong đồn, đâm bổ vào bất cứ thứ chướng ngại vật gì, ngã gục xuống, tức thì bộc lôi nổ tung xé màng tai, rung chuyển cả vòm trời. Cùng với tiếng nổ là tiếng hô bao giờ cũng rất rõ : « Yang Chủ tịch muôn năm ! »

Những lớp đi mở đường đó không bao giờ còn lại một người sống sót !

Chính quân đội Việt Nam đã từng có truyền thống anh dũng về cách sử dụng bộc lôi cảm tử mà cũng phải lắc đầu lè lưỡi chịu thua Đoàn quân Xung phong Liên

bang. Cứ như vậy chỉ mới bốn tháng qua mà lực lượng Liên bang Bắc A đã chiếm xong cả miền Trung Việt. Chiếm xong nơi nào, dân chúng bị tước hết vũ khí và chỉ được hoàn toàn tự do tại nơi cư trú. Mọi giao thông giữa vùng bị chiếm với vùng còn kháng chiến đều bị ngăn cấm triệt để. Kẻ nào vi phạm bị xử bắn tức khắc. Trong khi đó các đoàn xe sơn đỏ chở Đoàn quân Xung phong vẫn ngày đêm liên tiếp vượt biên giới, theo các đường lớn nhất tiến ra các mặt trận.

Sau một thời gian chiến đấu, đoàn quân Việt nhận thêm thấy có ba điều đặc biệt :

Điều thứ nhất : Đoàn quân Xung phong tiến nhanh và hăng đến nỗi có kẻ rõ ràng bị nhắm bắn vỡ đầu, toang ngực mà vẫn xông tới được hàng chướng ngại vật để gục ngã cho bộc lôi nổ.

Điều thứ hai : Kẻ cả những kẻ bị trúng đạn nhiều nhất khi ngã xuống vẫn hô đều và rất rõ : « Yang Chủ tịch muôn năm ! » cùng với tiếng bộc lôi nổ. Toàn thể dân Việt phải tự hỏi không hiểu chủ tịch họ Yang đã áp dụng thứ ba tuyên truyền gì mà huấn luyện được đoàn người phục vụ cho tham vọng lỗi thời của hắn trung thành tới mức xuẩn động như thế ?

Điều thứ ba : Địch quân đã rắc lên các xác rách nát của Đoàn quân Xung phong một thứ bột hóa học khiến qua một đêm xương thịt đó biến thành bùn. Chỉ những người tử trận trong đội quan chiếm lĩnh trận địa mới được chôn cất thật sự.

Khi Đoàn quân Xung phong chiếm xong mấy đồn tiền tuyến của Nam Việt thì ai nấy thấy rõ chiến lược của đối phương : Thanh toán Việt Nam xong, gọng kìm Đông Nam này sẽ tiến lên để gặp gọng kìm Tây Nam. Tới lúc đó trọn khối Đông Nam Á nằm gọn dưới uy quyền Chủ tịch Yang.

Đã qua bao ngày đêm quên ăn quên ngủ mà Lãnh tụ Việt Nam chưa tìm được mưu kế gì khả dĩ chặn đứng được bước tiến mãnh liệt của Đoàn quân Xung phong. Tuy cơn nguy biến ngày càng trầm trọng, mảnh đất còn lại ngày bị thu hẹp dần nhưng không một phút nào vị lãnh tụ đạo đức đó nản lòng thoát trí buông xuôi niềm tin. Linh tính như truyền nhủ Lãnh tụ phải luôn luôn thức tỉnh mà nắm lấy cơ hội thuận tiện. Lãnh tụ bao giờ cũng đi sát với đoàn quân nghênh chiến, không bỏ sót một chi tiết trong trận giao tranh cho tới khi thế yếu, mặt trận bị phá vỡ, ông mới cùng tàn quân rút về đồn lũy sau để chuẩn bị một cuộc nghênh chiến mới.

Tới một trận chiến đấu kia, sau những tiếng bộc lộ long trời lở đất kèm theo những tiếng « Yang Chủ tịch muôn năm », Đoàn quân Xung phong tiến lên liên tiếp đã mở xong lối cho đoàn quân chiếm lĩnh trận địa, nhưng đoàn quân thứ hai này đã bị tổn thất nặng nề vì một số quân Việt còn nán lại tận dụng hỏa lực trước khi rút lui hẳn.

Theo như thường lệ, Lãnh tụ cùng với mấy người hầu cận dừng lại ở một khoảng rừng khuất để quan sát địch quân rắc bột hóa học lên xác Đoàn quân Xung phong và chôn cất những xác tử trận khác. Lần này, tại một góc khuất cuối chiến trường, Lãnh tụ thấy có một sĩ quan địch ôm xác một nạn nhân bé nhỏ - một nữ quân nhân thì phải - giáng điệu tần ngần. Sau khi đã tự tay đào huyệt chôn cất xác đó xong, viên sĩ quan còn đứng quyên chỗ cũ thờ thần như mất hồn không biết rằng trời đã chập choạng tối và các cơ ngũ chiếm đóng đã lập trại xong xuôi. Ba người hầu cận Lãnh tụ không bỏ lỡ dịp may, tiến lần theo đường khuất, bất chợt nhô lên giơ súng vây chặn lấy ba phía để bắt cóc.

Viên sĩ quan lẳng lặng tiến theo chẳng hề tỏ vẻ kháng cự. Cho đến khi gặp Lãnh tụ, cho đến khi cùng Lãnh tụ đi về hậu tuyến, cho đến khi ngồi cùng mâm vừa dùng cơm vừa nói chuyện với Lãnh tụ, viên sĩ quan đó vẫn giữ nguyên vẻ chán chường. Đó chính là một ủy

viên quan trọng của Đảng có chân trong Bộ Tham mưu Khoa học, và biết tường tận mọi việc thực hiện mọi âm mưu của Chủ tịch Yang.

Khi nghe Lãnh tụ hỏi ý kiến về nếp sống hiện thời của người Việt cùng Khối Nhân loại Giác ngộ thì viên sĩ quan đáp :

- Chúng tôi rất khâm phục nếp sống của các ông...
Lãnh tụ ngạc nhiên hỏi lại :

- Thế sao các ông lại khởi hân ?

- Không phải chúng tôi mà là chủ tịch họ Yang !

Viên sĩ quan bật lên tiếng cười mai mỉa :

- Yang Chủ tịch muôn năm !

Càng ngạc nhiên, Lãnh tụ hỏi :

- Nếu chỉ một Chủ tịch Yang chủ chiến, sao hấn huấn luyện nổi một Đoàn quân Xung phong cảm tử, trung thành đến mực ấy ?

Lại một tiếng cười mai mỉa, tiếp theo một lời căm phẫn :

- Gọi đó là đoàn quân súc nô thì đúng hơn !

Rồi không đợi Lãnh tụ hỏi thêm, viên sĩ quan kể hết sự thực về Đoàn quân Xung phong và câu chuyện tình lỡ dở của riêng ông. Lời kể của viên sĩ quan về Đoàn quân Xung phong đại ý như sau :

« Sau khi đã hạ hết đối thủ và nắm được quyền lãnh đạo Liên bang Bắc Á, Chủ tịch Yang vẫn tự cho mình có đủ những đức tính nhân nại thâm trầm, sâu sắc của người Đông phương để làm bá chủ toàn thể Á châu. Sau một năm nắm chính quyền, ngày đó - cách đây hai mươi năm - Chủ tịch Yang có cử một số thanh niên đảng viên cường tín nhất đi du học với lời dặn ân cần : ‘Liên bang Bắc Á trong 15 năm nữa sẽ không chịu kém một nước nào về kỹ nghệ nguyên tử. Đảng trông cậy ở các đồng chí.’

« Năm năm sau Chủ tịch Yang cử thêm một toán du học sinh nữa ra ngoại quốc trong số đó có viên sĩ quan này.

« Năm 1990, vừa lúc Liên bang Bắc Á xây dựng xong một cách cực kỳ hoàn mỹ kỹ nghệ chiến tranh nguyên tử thì thế giới tìm ra vũ trụ tuyến và năm 1991 cho phóng lên không trung một số hành tinh nhân tạo cỡ lớn mang đủ máy móc tinh vi để vừa kiểm soát những căn cứ chiến lược, vừa ngăn ngừa mọi âm mưu chiến tranh bằng cách bí mật chế tạo bom nguyên tử. Nhân loại tìm đến nhau với tình huynh đệ tung bừng như trống rong

cờ mở.

« Mộng bá chủ Á châu tan vỡ, Yang đành tìm cách giữ cho vững những gì còn trong tay. Đó là lý do vì sao bức màn sắt quanh Liên bang Bắc Á vẫn được duy trì.

« Lòng tự phụ về đức tính thâm trầm của Đông phương xui Yang tìm quỹ kế nắm quyền cai trị cả Á lẫn Âu. Khoa học không được phép làm bom nguyên tử thì khoa học sẽ giúp Yang thực hiện mộng bá chủ kia bằng một mưu cơ thật tinh vi.

« Nhân loại tự trọng sống trong tự do, dân chủ hoàn toàn, Yang cũng hoàn toàn để cho nhân dân Bắc Á được hưởng tự do, dân chủ trong lãnh vực Liên bang. Cũng không biểu tình, không biểu ngữ, không hô khẩu hiệu một cách xuẩn động, nghĩa là không một chút dấu vết cường hiếp tinh thần, khai thác quần chúng. Người ngoại quốc nào được phép đến thăm các kinh thành lớn nhỏ của Liên bang đều công nhận điều đó.

« Nhưng, tại một miền núi non trùng điệp khoảng trung tâm Bắc Á, Yang cho lập một kinh thành bí mật lấy tên là kinh thành Khoái Lạc. Bộ tham mưu khoa học của Yang (trong đó có viên sĩ quan) tập trung ở đó. Những căn nhà cao đầy đủ tiện nghi, những đường phố lớn, những bể tắm, những vườn hoa... được xây dựng, bố trí đều một lúc trong từng khu phố. Đồng thời Chủ

tịch Yang ra sắc lệnh : ‘Tất cả nam nữ thanh niên trong Liên bang từ 18 đến 30 tuổi phải qua ba năm phục vụ Đảng; sau đó sẽ được cấp giấy chứng nhận để trở về nguyên quán sống hoàn toàn tự do cho đến trọn đời.’

« Toán người ra đi phục vụ đầu tiên là những nam nữ đảng viên trung tín nhất. Lần này công cuộc phục vụ có khác những lần trước. Các nam nữ đảng viên được đưa đến kinh thành Khoái Lạc. Họ vẫn người nào làm nghề nấy khiến các vật dụng cùng thực phẩm có thể sản xuất đều, đủ cung phụng cho cả kinh thành gồm hai triệu nam nữ có mặt. Họ chỉ làm việc nửa ngày, còn nửa ngày về chiều thì trai nào gái ấy, từng cặp rủ nhau ra bể bơi, ra công viên, đến các nhà giải trí... Khắp nơi từ cách kiến trúc bên ngoài đến nội dung tiêu khiển bên trong đều chủ mục đích gợi tình dục. « Trai gái tới đây chỉ có nhiệm vụ chính : sản xuất con cho Đảng.

« Trong ba năm phục vụ, người con gái cố thụ thai ba lần. Người nào thụ thai rồi được đưa sang một trại riêng để các bác sĩ chăm nom cho đến ngày sinh nở. Chàng trai ở lại sẽ được Đảng chỉ định cho gặp người đàn bà khác của lớp mới đến. Đủ thời hạn ba năm phục vụ Đảng, trai gái muốn trở về hay ở lại thêm tùy ý. Nhưng kẻ trở về có quyền thành lập gia đình với người mình muốn, con cái từ đấy sinh ra mới là con của mình.

« Đảng sẽ làm gì những hài nhi sinh ở kinh thành Khoái Lạc ? - Đảng áp dụng tất cả những tiến bộ của khoa học để nuôi những hài nhi đó theo phương pháp « đột giai đoạn » tại một trại khác tuyệt đối bí mật với dân chúng và với cả những đảng viên thường. Năm lên hai tuổi, chúng đã có thể lớn bằng những trẻ lên tám và được đưa lên bàn mổ để bác sĩ giải phẫu lấy tim thật ra thay vào một trái tim giả làm bằng thứ cao su nhân tạo. Trái tim này được đặt hắc-lờ ở bụng khoảng giữa hai xương cụt là nơi ít bị nhắm bắn. Năm lên sáu, những đứa trẻ đó cao lớn lực lưỡng bằng những thanh niên mười chín, hai mươi tuổi, nhưng sự thật đó chỉ là những xác sống vừa đủ trí nhớ và trí khôn để sử dụng khẩu liên thanh xông vào nơi chỉ định. Chúng không hề có ý niệm gì về sự sống hay sự chết ! Trong hai năm liền - từ năm lên sáu đến năm lên tám - chúng được chuyên huấn luyện về động tác vừa chạy thực nhanh vừa xả súng về phía trước mỗi khi nghe khẩu lệnh ‘xung phong’ hô lớn qua máy phóng thanh.

« Năm lên bảy, nghĩa là một năm trước khi có thể ra chiến trường, các bác sĩ dùng thuốc tê rạch mông chúng, khâu dấu dưới thịt một cuộn dây phóng thanh tự động nhỏ xíu đã thu sẵn lời hô ‘Yang Chủ tịch muôn năm.’ Khi chúng ngã xuống, bộc lộ nỏ, chỗ khâu cũ bị rách, cuộn dây phóng thanh tự động sẽ tung ra với lời hô trên để uy hiếp tinh thần đối phương. Đoàn quân

Xung phong sẽ từng đợt... từng đợt như vậy tiến lên cho kỳ đến khi lực lượng kháng chiến của đôi phương bị phá vỡ tơi bời, đoàn quân người thật mới tiến lên chiếm lĩnh trận địa, thu dọn chiến trường.

« Điều điều mỗi năm kinh thành Khoái Lạc có thể sản xuất cho Đảng hai triệu hài nhi, đêm Giao thừa năm vừa qua, đạo quân vượt biên giới Đông Nam Á chính là đạo quân xung phong trong lứa tám tuổi đầu tiên viên. Theo Yang, thế giới ngày nay đã hoàn toàn bị cấm sản xuất bom nguyên tử, vậy không một nước nào thắng nổi chiến thuật tấn công bằng Đoàn quân Xung phong.

« Còn về chiến lược, Yang sẽ theo chiến lược vết dầu loang. Thoạt chiếm Việt Nam rồi toàn thể Đông Nam Á. Biên giới ngăn cách hai thế giới vẫn là bức màn sắt nhưng dân chúng các nước bị chiếm vẫn hoàn toàn được hưởng tự do. Chính sách này cốt tránh sự nổi loạn bên trong và sự can thiệp bên ngoài. Chỉ cần dùng mảnh lời tuyên truyền quyền rũ thanh niên các nước bị trị tới phục vụ Đảng tại kinh thành Khoái Lạc là đủ. Khi nào dư luận thế giới đã yên, Đoàn quân Xung phong sẽ bất ngờ xuất hiện chiếm nốt miền Tây Á, cứ như vậy rồi Đông Âu, rồi Bắc Âu, rồi Tây Âu, nghĩa là cả khối đất liền Âu Á sẽ nằm trọn dưới uy quyền của Chủ tịch Yang. Chiến công vĩ đại đó, cổ kim danh nhân chưa ai thực hiện nổi, Yang quyết thực hiện trong mười năm, kể

từ ngày khởi hân. Yang cầm bằng là kẻ kế vị sẽ bất lự, đế quốc sẽ tan rã, nhưng ít nhất Yang cũng đặt được một mốc cao cả về võ công khả dĩ tên Yang được tô đậm nét vàng son trong cuốn sử nhân loại muôn đời sau này. »

Tổ cáo xong chiến lược chiến thuật của Chủ tịch Yang, viên sĩ quan kể tiếp đến câu chuyện tình của ông, giọng buồn rầu ngao ngán :

« Chúng tôi gặp nhau, yêu nhau ngay đợt phục vụ đầu tiên tại kinh thành Khoái Lạc. Đức con đầu lòng của chúng tôi trong thời gian được nuôi bằng sữa mẹ lớn lên mũm mĩm, kháu khỉnh. ‘Đứa con của Ái tình!’ - chúng tôi vẫn thì thầm với nhau như vậy. Tiếc thay chúng tôi không được giữ nó lâu hơn một tháng. Nó thuộc về Đảng, vĩnh viễn thuộc về Đảng. Biết làm thế nào ? Tôi cùng người yêu chia tay, quyết tránh sự bị ghép thành đôi trong kinh thành Khoái Lạc. Rồi người yêu của tôi đẻ thêm hai đứa nữa với hai người tình bất đắc dĩ khác. Vì một tai nạn xảy ra lúc lâm bồn lần thứ ba, nàng mất năng lực thụ thai. Sau thời gian phục vụ Đảng, chúng tôi tìm gặp nhau, chính thức nối lại duyên xưa, chúng tôi muốn cùng nhau có một đứa con của tình yêu, nhưng không được, chúng tôi chỉ còn biết ôn lại hình ảnh đứa con đầu lòng đẹp như tiểu thiên thần ngày nay đã bị giải phẫu thay tim giả đặt ở dưới bụng và được nuôi theo phương pháp đốt giai đoạn, lớn bồng

lên như một quái thai và ngu độn hơn cầm thú. Nhưng điều làm chúng tôi đau đớn chính là sự sa đọa của cả dân tộc kể từ ngày kinh thành Khoái Lạc được thiết lập. Thú tính được thả lỏng, được khuyến khích nếp sống dâm ô vô đạo ngày nay còn muôn phần đòi bại so với phong trào khuyến khích ‘hộ lý’ khoảng giữa thế kỷ 20. Nhiều thanh niên tình nguyện ghi tên xin gia hạn phục vụ Đảng.

« Tất cả vẻ đẹp tế vi của tình trai gái môn mơn thanh xuân, tất cả vẻ đẹp huyền bí của đêm tân hôn hồi hộp quyến rũ không còn, vì ai nấy tự biết : Trước khi thành vợ chồng, họ đã qua thời kỳ phục vụ Đảng tại kinh thành Khoái Lạc. Thi ca mất nguồn cảm hứng cao khiết nhất : Ái tình. Rồi đây lòng kính mến của con cái đối với cha mẹ còn gì, khi chúng được biết cha mẹ chúng ngày xưa cũng đã từng phục vụ Đảng như vậy ? Yang sẽ làm bá chủ giải đất liền Âu Á, nhưng dân tộc tôi mất hết đạo lý và biến thành một loại người súc vật còn ghê tởm hơn loại người súc vật cuồng tín ‘Đảng trên hết’ khoảng giữa thế kỷ 20 mà lịch sử đã kết tội là lũ quẻ quật lý trí, đui mù tình cảm. »

Tới đây viên sĩ quan bỗng ôm mặt khóc như một đứa trẻ :

- Tôi tố cáo tất cả những bí mật đó không phải chỉ để cứu các ông mà chính là để cứu chúng tôi trước hết.

Lãnh tụ ôn tồn hỏi thêm :

- Thế còn người đàn bà tử nạn ông chôn cất chiều qua, phải chăng đây là người bạn trăm năm của ông ?

Viên sĩ quan gật đầu, giọng nức nở :

- Niềm an ủi thân yêu cuối cùng của tôi bị mất !

Lãnh tụ đứng dậy, nắm lấy tay viên sĩ quan, giọng ân cần hơn :

- Sau này ông có thể làm lại cuộc đời tình ái với một người đàn bà trong sạch bên thế giới chúng tôi, hoặc trung thành với kỷ niệm cũ, nhưng giờ đây ông hãy chứng kiến chúng tôi tiêu diệt Đoàn quân Xung phong !

Trời vừa hửng sáng... Một mặt Lãnh tụ cho đánh điện mời toàn thể lãnh tụ Khối Nhân loại Giác ngộ đến họp tại thủ đô miền Nam nước Việt, một mặt ông lập tức cho triệu tập các tướng tá Việt và đề ra chiến thuật ngăn triệt Đoàn quân Xung phong. Ngay buổi chiều đó tất cả các đồn tiền tuyến được lệnh chôn ba bãi mìn án ngữ phía trước. Ba bãi mìn được ngăn cách nhau bởi ba đọt cọc sắt thấp đủ để Đoàn quân Xung phong vấp ngã. Chiến thuật đơn giản này của Lãnh tụ đã thành công rực rỡ. Đoàn quân Xung phong khi tiến lên thoát chết gục khá nhiều từ xa vì bãi mìn thứ nhất, rồi vấp ngã trên cọc sắt. Các lớp cọc chôn rất sâu, bọc lõi tuy nổ mạnh

mà không làm tung đi mất chiếc nào. Trong khi đó các súng máy lia sát mặt đất để đường đạn hoặc xuyên qua bụng phá vỡ tim giả (trong trường hợp này bộ máy tuần hoàn bị phá tận gốc, người lính xung phong chỉ loạng choạng tiến thêm vài bước nữa là ngã) hoặc xuyên phá vỡ xương đùi, xương chân (trong trường hợp này người lính xung phong ngã gục ngay tại chỗ). Trong năm ngày đầu, không Đoàn quân xung quanh nào tiến được tới bãi mìn thứ hai, và cũng theo chiến thuật chớp nhoáng, đoàn quân Việt đã chiếm lại phần đất Nam bộ bị mất. Trong những trận giao chiến. quả nhiên họ nhận thấy cứ mỗi tên lính xung phong gục ngã cho bộc lộ nổ thì lại có tiếng hô « Yang Chủ tịch muôn năm » thoát ra từ khoảng hậu môn. Nhiều khi chiếc đùi bị văng lên cao thì tiếng « Yang Chủ tịch muôn năm » cũng từ cao vẳng xuống như một tiếng vang. Trên khoảng mông các bắp đùi nguyên vẹn tìm thấy, quả có viết khêu bị rách, đôi khi họ nhặt được cả sợi dây phóng thanh tự động đã sỏ tung.

Các lãnh tụ thế giới tới họp. Lãnh tụ Việt Nam trình bày hết những bí mật vừa khám phá được. Lãnh tụ Việt Nam mời họ đến tiền tuyến chứng kiến chiến thuật phá vỡ Đoàn quân Xung phong. Hội nghị giải tán, các lãnh tụ Đông Nam Á trở về nước để kịp phổ biến chiến thuật Việt Nam, các lãnh tụ khác trở về nước để kịp chuyển một phần kỹ nghệ thời bình sang kỹ nghệ chiến tranh

chuyên sản xuất mìn, súng liên thanh và đạn dược vì khối Đông Nam Á, theo lời dự đoán của Lãnh tụ Việt Nam, cần phải được trang bị gấp các thứ đó đủ để đối phó với một đạo quân xung phong khổng lồ chừng bốn triệu « người súc vật ».

Lời dự đoán đó không sai. Chủ tịch Yang đã dùng cả hai triệu quân xung phong lứa thứ hai và các đoàn xe chở quân xung phong màu đỏ tới tấp... tới tấp vượt các biên giới, tiến ra tiền tuyến.

Sau mỗi lần buộc lòng phải rút lui vì quân tiếp viện đến không kịp Bộ Tham mưu Liên bang lại cho đoàn phi cơ trực thăng mang dấu Hồng thập tự tới vãi bột hóa học xuống khắp nơi nào có hình hài Đoàn quân Xung phong.

Càng những trận về sau sự chống giữ càng khốc liệt. Những đợt quân xung phong - không biết đợt thứ mấy trăm - giầy xéo lên những xác chết trước mà tiến; rất nhiều khi chúng đã tiến tới bãi mìn và đợt cọc sắt thứ ba nghĩa là đợt chướng ngại vật cuối cùng, nhưng không bao giờ chúng tiến được tới đồn vì đường đạn đan nhau rất dày, rất hiểm ác, luôn luôn quét sát mặt đất. Rút cục lại đoàn phi cơ trực thăng địch đến vãi bột hóa học xuống bãi chiến trường trước khi lực lượng Liên bang rút lui về phòng tuyến mới, đợi đoàn quân tiếp viện mới. Đoàn quân Việt khi chiếm lại đất đã phải dẫm lên

một bãi lầy thịt xương chưa phân hóa kịp. Cũng may họ được biết đó là đạo quân nửa người nửa ngợm nên bước giầy của họ tiến lên chẳng cảm giận mà cũng không xót thương; họ chỉ thấy hơi khôì hài khi ôn lại cảnh cứ một tên quân gục xuống, bộc lòi nỏ, lại có tiếng hô « Yang Chủ tịch muôn năm » thoát lên từ hậu môn. Thêm một điều nữa : cũng chính vì giải pháp vãi bột hóa học để phân hóa xác chết của địch mà giải đất Trung Viện, vốn xưa cần cỗi, về sau cày cấy được, số hoa màu thu hoạch tại nơi này không kém gì tại các trung châu phì nhiêu sông Nhị Hà miền Bắc và sông Cửu Long miền Nam.

Khi đoàn quân Việt phản công tới cô đô Thăng Long thì số lượng Đoàn quân Xung phong không còn là bao. Chẳng bao lâu lực lượng chiếm đóng của Liên bang rút lui khỏi biên giới toàn thể các nước Đông Nam Á. Đó là vào giữa mùa xuân năm 2002 : chinh chiến kéo dài hơn mười ba tháng.

Suốt dọc đường biên giới bao vây quanh Liên bang Bắc Á, quân đội các nước thuộc Khối Nhân loại Giác ngộ đều cho chôn mìn, cắm cọc sắt chuẩn bị đối phó nếu Đoàn quân Xung phong xuất hiện. Họ không hề xâm nhập vào nội địa Bắc Á, họ chỉ dùng vô tuyến truyền thanh và vô tuyến truyền hình tố cáo với nhân dân Bắc Á tham vọng lỗi thời của Chủ tịch Yang và bày

tổ mối nguy cơ của một cuộc sống trong đó đạo lý bị phá hoại tận gốc, khiến rồi đây chỉ một thế hệ nữa qua, tình vợ chồng không có, lòng hiếu kính của con đối với cha mẹ không còn, nhân dân Bắc Á sẽ thấy rằng thế giới họ sống hoàn toàn là thế giới của một loại súc vật mặt người.

Thế giới Giác ngộ tin rằng với cách chuẩn bị đề phòng như vậy, với cách tuyên truyền thành khẩn như vậy dân chúng Bắc Á sẽ tự động nổi dậy lật đổ Yang mà bầu người đạo đức khác biết sáng suốt thuận theo bước tiến của lịch sử.

Trong khi chờ đợi, các sử gia thế giới họp nhau lại để ghi chép và phê phán thế kỷ 20. Nhưng, trước khi bắt tay vào việc các vị học giả đó có tới Việt Nam dự lễ đặt viên đá đầu tiên cho công trình tạc tượng Thi sĩ tại một công viên lớn nhứt giữa thủ đô.

Tùng đoàn... tùng đoàn... con gái Việt tươi như hoa xuân, thùy mị như mây nổi, tiến tới đặt những vòng hoa quanh nơi dựng tượng. Đám hương sắc mỗi người một vẻ đó đã từ lâu chẳng hề đi dự hội tuyển hoa khô! Lần này, họ tự chia thành từng đội nhỏ bảo nhau đến vun trồng trăm hoa, tô điểm cho khu vườn rộng. Rồi đây mùa nào hoa nấy, hương thơm thanh bình và tinh khiết sẽ tỏa ra tượng trưng cho tư tưởng nhân hòa bác ái muôn đời của Thi sĩ, của con người đã suy tư trong

bao đêm trường để tìm ra « Chân lý đưa nhân loại đến tình bằng hữu » của con người với một trực giác siêu phàm đã nhận thấy - ngay từ buổi loạn ly đen tối nhất - hướng tiến của nhân loại theo tiếng gọi của Ý thức Trường Cửu.

Hai điều khắc gia chính làm đầu não cho công trình tạc tượng : một Việt, một Âu. Giúp việc hai người này là năm trăm điều khắc gia khác của đủ các nước.

Pho tượng thành hình lần lần. Từng nét mặt... từng đường gân tay... từng nếp áo... xuất hiện như đường đi uyển chuyển của tương lai. Quanh pho tượng vĩ đại có những đường lằn để mắc đèn, ban đêm bật lên thành một vùng hào quang bao lấy từ đầu đến chân pho tượng. Bên dưới là bệ. Phần trang trí của bệ được vẽ bằng sơn màu có lân tinh khiến ngay cả trong những đêm mưa bão các màu sắc vẫn không kém phần rực rỡ so với ánh hào quang bên trên của pho tượng. Phần trang trí đó vẽ cảnh một dải bờ bể hình chữ S có cát vàng ối với những luồng sóng lấp lánh đang chuyển mạnh lại, cồn lên thành từng khối lớn tựa như có gập vách đá ngầm dưới đáy biển. Trên khoảng cát vàng sóng biếc đó là dòng chữ xanh thẫm ghi câu cách ngôn Việt Nam mà Thi sĩ đã có lần nêu lên cùng Lãnh tụ để làm phương châm hành vi : « Thật thà là cha quý quái. »

TIỂU SỬ

Tên thật là Doãn Quốc Sỹ. Ông sinh ngày 17 tháng 02 năm 1923 (nhằm ngày mừng Hai Tết Quý Hợi) tại xã Hạ Yên Quyết, Hà Đông, ngoại thành Hà Nội. Thuở còn là thanh niên, ông đã từng tham gia Việt Minh kháng chiến chống Pháp. Sau đó, khi phong trào này để lộ bộ mặt cộng sản, ông đã rời bỏ kháng chiến. Vào năm 1946, ông lập gia đình với bà Hồ Thị Thảo là ái nữ của nhà thơ trào phúng Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu. Năm 1954, khi hiệp ước Geneva chia đôi đất nước, ông theo làn sóng di cư đem vợ con vào miền Nam sinh sống.

Doãn Quốc Sỹ có hai sự nghiệp song song là nhà văn và nhà giáo. Ông vẫn thường nói rằng : « Nhà giáo là nghề, nhà văn là nghiệp. » Trong cương vị nhà giáo, ông đã dạy tại các trường Trung học Công lập Nguyễn Khuyến (Nam Định, 1951-1952), Chu Văn An (Hà Nội), Hồ Ngọc Cẩn (Sài Gòn 1961-1962), Trường Sư phạm Sài Gòn, Đại học Văn khoa Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn. Ông từng là hiệu trưởng trường Trung học Công lập Hà Tiên (1960-1961) và từng đi tu nghiệp về sư phạm tại Hoa Kỳ (1966-1968). Với cương vị nhà văn, ông là đồng sáng lập viên nhà xuất bản Sáng Tạo và tạp chí văn nghệ cùng tên vào năm 1956 cùng với Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Duy Thanh, Ngọc Dũng mà ông vẫn gọi là

« Thất Tinh ». Ông cũng có những bài viết được đăng trên những tạp chí văn nghệ như Sáng Tạo, Văn Nghệ, Bách Khoa, Văn Học, Nghệ Thuật...

Sau ngày Miền Nam thất thủ 30/04/1975, vào tháng Tư năm 1976, Doãn Quốc Sỹ cùng nhiều nhà văn Miền Nam khác bị bắt đi tù cải tạo. Ông bị giam tại trại Gia Trung, cách thành phố Pleiku 25 km, cùng với nhiều văn nghệ sĩ khác như Trần Dạ Từ, Thanh Thương Hoàng, Sơn Điền Nguyễn Việt Khánh, Nguyễn Sỹ Tế, Chóe... Đến năm 1980, ông được thả tự do nhờ sự can thiệp của nhiều tổ chức quốc tế. Trong thời gian chờ đợi được người con gái đầu bảo lãnh đi Úc, ông tiếp tục viết thêm một số tác phẩm nữa, trong đó có quyển « ĐI » được ký với bút hiệu Hồ Khanh. Ông đã gửi tác phẩm này sang Pháp, để xuất bản tại hải ngoại. Cũng vì lý do này, ông đã bị bắt lần thứ hai vào tháng 5 năm 1984, chỉ trước ngày đi Úc vài tháng, cùng với một số văn nghệ sĩ khác như Duy Trác, Dương Hùng Cường, Hoàng Hải Thủy, Lý Thụy Ý... Ông bị kết án mười năm tù. Ông mãn hạn tù lần thứ hai vào tháng 11 năm 1991.

Năm 1995, ông được người con trai trưởng bảo lãnh di dân sang Houston, Hoa Kỳ. Hiện nay, ông đang sống tại Quận Cam, California.

TÁC PHẨM

- SỢ LỬA (Truyện cổ tích, 1956)
U HOÀI (Truyện ngắn, 1957)
GÁNH XIỀC (Truyện ngắn, 1958)
GÌN VÀNG GIỮ NGỌC (Truyện ngắn, 1959)
DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH (Truyện dài, 1959)
KHẢO LUẬN VỀ CAO BÁ QUÁT (1959)
KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN CÔNG TRÚ (1959)
KHẢO LUẬN VỀ ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH (1959)
KHẢO LUẬN VỀ TẢN ĐÀ (1960)
KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN KHUYẾN (1960)
KHẢO LUẬN VỀ TRẦN TẾ XƯƠNG (1960)
TỰ LỰC VĂN ĐOÀN (Khảo luận, 1960)
HỒ THUYẾT DƯƠNG (Truyện cổ tích, 1960)
BA SINH HƯƠNG LỬA (Khu Rừng Lau I, 1962)
NGƯỜI ĐÀN BÀ BÊN KIA VĨ TUYẾN (Khu Rừng Lau II, 1964)
TÌNH YÊU THÁNH HÓA (Khu Rừng Lau III, 1965)
NHỮNG NGẢ SÔNG (Khu Rừng Lau IV, 1966)
TRÁI CÂY ĐAU KHỔ (Kịch, 1963)
KHẢO LUẬN VỀ NGỮ PHÁP VIỆT NAM (1964)
NGƯỜI VIỆT ĐÁNG YÊU (Khảo luận, 1965)
CÁNH TAY NỔI DÀI (Truyện ngắn, 1966)
ĐỐT BIÊN GIỚI (Truyện dài, 1966)
CA DAO NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)
TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)
THẦN THOẠI ÁN ĐỘ (Biên khảo, 1969)
NGỤ NGÔN (Biên khảo, 1969)
VÀO THIÊN (Tùy bút, 1970)
SÀU MÂY (Truyện dài, 1970)
CON CÁ MẮC CẠN (Truyện ngắn, 1971)
TRÁI ĐẰNG TRƯỜNG SINH (Truyện ngắn, 1971)

CÚI ĐẦU (Tân truyện, 1972)
THẦN THOẠI NHẬT BẢN, CHÂU ĐẠI DƯƠNG,
HY LẠP, BẮC ÂU (Biên khảo, 1972)
THẦN THOẠI VIỆT NAM-TRUNG HOA (Biên khảo, 1972)
VĂN HỌC VÀ TIỂU THUYẾT (Biên khảo, 1972)
CON KỶ LÂN CUỐI CÙNG
(Truyện dịch, The Last Unicorn của
Peter S. Beagle, 1973)
ĐI (Truyện dài, 1982)
MÌNH LẠI SOI MÌNH (Truyện dài, 1995)
NGƯỜI VÁI TỨ PHƯƠNG (Truyện dài, 1995)
DẤU CHÂN CÁT XÓA (Truyện dài, 1995)
CÒ ĐÙM (Truyện dài, 1997)

